

SONG THAO



CHỖN CỬ

TẬP TRUYỆN



NHÂN ẢNH



Photo: Lê Thái - 09/2006

Phương tới khi tôi vẫn còn ngảnh cổ nhìn vào ngôi nhà cũ. Chắc đã lâu, tòa nhà không biết mùi vôi vữa gì. Hai tấm hoa văn trắng chạy dọc từ trên xuống lấy gió và ánh sáng cho cầu thang nay đen đui thảm hại. Chấn song sắt trên các cửa sổ nhìn ra đường vẫn là chấn song xưa nay đã bị thời gian gậm nhám lồi lõm. Những cánh cửa vênh vác, sứt mẻ, tróc sơn không biết có còn đóng kín lại được không?

Phương đứng bên tôi, ngắm tòa nhà, giọng e dè.

“ Nhà anh đây hả? ”

Tôi gật đầu không nói gì. Phương dựa tay lên vai tôi, ghé sát tai nói nhỏ.

“ Anh là con địa chủ! ”

Tôi quay phắt người lại. Phương buông tay khỏi vai tôi, đứng sững. Tôi nhìn chăm chặp vào mặt Phương. Khi chiến tranh kết thúc, Phương còn chưa tượng hình trong bụng mẹ. Em học ở đâu được cái danh từ tưởng đã phải bị chôn vùi với thời gian từ lâu rồi. Mắt tôi chắc lạ lẫm. Tôi thấy vẻ sùng sốt trên mặt Phương. Khấp người tôi ớn lạnh trước giọng nói nhờn nhờn của em. Mặt Phương bỗng giãn ra. Miệng em nhếch lên bày ra một nụ cười bằng hai hàm răng muốt mát. Cũng may! Phương có nụ cười hiền, thật hiền.

CHỐN CŨ

SONG THAO

CHỐN CŨ

NHÂN ẢNH
2006

Chốn Cũ

Song Thao

tranh bìa: Đinh Cường

bìa & trình bày: Tạ Quốc Quang

NHÂN ẢNH xuất bản

www.songthao.com

MỤC LỤC

Giữa đàn	9
Tưởng	25
Chôn cũ	39
Nhảy chân sáo	59
Lẽ ra	77
Rong chơi	91
Tìm về	111
Cay đắng	129
Trong vùng quên lãng	147
Niềm vui không trọn	163

NGOẠI TẬP

Thầy Chương	181
Với Lê Uyên Phương và Đà Lạt	191
Với Lê Uyên Phương	199
Nguyễn Đông Ngạc, một đi...	205
Yến	211
Luân Hoán, thường ngày	217

GIỮA ĐÀNG

Xe Hyundai tương đối còn mới, sạch sẽ, máy lạnh rò rè, năm chục chỗ ngồi chia làm hai hàng, giữa là lối đi, mỗi bên hai chỗ ngồi, cửa kính hai bên đều có những tấm màn vải sạch sẽ có thể kéo ra kéo vào được. Anh hướng dẫn du lịch và các cô ở quầy tiếp tân khách sạn đều gọi đó là xe đồ cao cấp. Cao cấp hình như là một tiếng thời thượng để chỉ những gì mà hạng người bình thường không thể với tới được. Tôi đã thấy ở một bên Xa Lộ gần ngã tư Hàng Xanh một tấm bảng to lớn cao vời vọi quảng cáo thứ kem chống nắng cao cấp. Đầu tôi cứ miệt mài băn khoăn không hiểu tấm bảng có ý định chỉ rõ ra là có một thứ da mặt nắng cao cấp không. Còn thứ cao cấp của chiếc xe đồ nghe nói là do một công ty Đại Hàn khai thác này, ngồi thoải mái trên xe tôi mới dần dần

ngộ ra cái cao cấp của nó. Xe chạy loăng quăng qua các tụ điểm đón khách của thành phố Đà Lạt, phần lớn là các khách sạn, rồi rời thành phố là thôi, chạy một mạch không dừng lại đón khách giữa đường. Vừa ra khỏi Đà Lạt, anh hướng dẫn mở máy phóng thanh chào mừng khách, thông báo giờ nghỉ, giờ ăn, giờ đến bằng hai thứ tiếng Việt và Anh rất gọn ghẽ và chuẩn xác. Sau đó, anh lơ xe đồ cao cấp này đi phát cho mỗi người một khăn ướt lau mặt và một chai nước suối cá nhân xem ra cũng thuộc loại cao cấp.

Ngồi yên vị trên ghế, hành lý cũng đã yên vị trong những hộc sát trên trần xe như trên máy bay, sắp xếp xong áo quần và mấy thứ trái cây xách tay, tôi mới rảnh rang ngó quanh. Hành khách gần phân nửa là người ngoại quốc, số còn lại cứ nhìn cách ăn mặc đủ biết ai là Việt Kiều, ai là thương gia, ai là cán bộ (cao cấp?). Ngồi hàng ghế trên tôi, chắc là hai cha con, ông bố và đứa con gái nhỏ nhắn khoảng hai chục tuổi, loại nhà giàu, tôi nghĩ vậy. Đường dốc xuống, xe chạy ngon trớn. Hai bên đường vẫn xanh rì một loại thông Đà Lạt. Nắng vất trên những chóp cây, đâm xéo vào chỗ tôi ngồi. Tôi kéo chiếc màn cửa, tính tôi vốn sẵn ngại ngùng sợ nắng ăn nám da. Vừa quay sang nói chuyện với Thanh ngồi bên ghế phía trong, tôi thấy vạt nắng nhảy phắt vào nằm lại trên người. Tôi nhìn ra phía cửa kính, chiếc màn đã bị kéo gọn lên hàng ghế trên. Tôi nhìn sững vào gáy ông già ngồi phía trên Thanh, phóng ánh mắt nháng lửa sang phía chồng dò hỏi. Thanh nhún vai, lắc đầu, chép miệng. Anh chồm người ngang qua tôi, kéo xộc lại chiếc màn. Ông già đứng dậy, chỉ vào chiếc màn, nhún vai nói câu xin lỗi bằng tiếng Anh. Chiếc màn

nhỏ chỉ đủ che một hàng ghế xuêch xoạc nằm giữa hai thanh sắt. Tôi nghĩ chắc ông già tưởng chúng tôi là người ngoại quốc khi dùng tiếng Anh nên nói lại bằng tiếng Việt.

“ Chắc họ làm thiếu một chiếc màn, mình để che ở giữa cho đỡ nắng cả trên dưới vậy, bác hi!”

Mặt ông già có vẻ ngơ ngác. Cô gái vội đỡ lời.

“ Dạ, di để như vậy được rồi. Cám ơn di.”

“ Không có chi, em!”

Thanh chôn mắt vào những trang sách. Anh có tật mê sách, lúc nào đọc cũng được, ngồi đâu đọc cũng được. Cứ có cuốn sách trên tay là chẳng biết trời trăng gì cả. Mà lạ, sách gì cũng đọc, cứ có chữ là mê mải. Hỏi thì anh bảo cứ đọc sẽ thấy có những cái mình cần biết, cái mình thấy hay, phải gõ thì cửa mới mở chứ! Tôi thì ngại gõ. Sách đâu có phải cuốn nào cũng hay, cũng hấp dẫn, nhiều cuốn đọc lạt lẽo, chán phèo chỉ muốn gấp ngay lại. Thanh tinh bơ lộp thuyết: gấp ngay lại thì còn biết gì nữa, đọc thì mới thấy chán làm sao, tại sao chán, dở như thế nào, tại sao dở, tìm được ra như vậy cũng thú vị chứ! Thật là lý luận nhăng cuội chỉ tổ đau đầu. Tôi thì cái gì hay mới đọc, không hay thì cho de. Mà đọc phải có chỗ có chàng đàn ông hoàng. Ngồi xe đọc tôi chẳng thể tập trung tinh thần được, họa chăng coi hình vớ vẩn thì có. Cuốn báo tháng chuyên về thời trang, bạn gái mới mua ở sập báo sáng nay, giấy láng tốt, in ấn đẹp đẽ, hình ảnh rõ ràng như báo ngoại quốc, mang theo để đọc vẫn còn nằm nguyên trong túi xách. Tôi ngồi ngắm vu vơ cảnh vật hai bên đường nhưng thỉnh thoảng mắt vẫn kín đáo nhìn cặp hành khách ngồi trước mặt.

Nắng xiên khoai đã gắt. Tôi kéo tay áo xuống, vắt thêm chiếc khăn trên thành ghế chống nắng. Ông già phía trên loay hoay xoay trở chiếc nón rơm rộng vành che nắng cho cô gái. Trông điệu bộ lãng xãng của ông mắc tức cười. Chiếc nón hình như chưa đủ, ông lẹ tay với ra phía cửa. Chiếc màn vải nhích lên phía trên một chút. Nắng thừa cơ chen chân rọi vào vai tôi. Bụng tôi tức anh ách. Tôi huých Thạnh. Anh giật mình rời mắt khỏi trang giấy, liếc sang tôi, ngúc đầu dò hỏi. Tôi khẽ thì thầm.

“Thằng cha phía trên dễ ghét! Hấn mới kéo thêm một chéo màn lên phía con gái hấn.”

Thạnh nhìn chiếc đầu muối tiêu đang rộn ràng nhích qua nhích lại trước mặt, thì thầm lại với tôi.

“Em muốn anh kéo đầu hấn xuống hỏi cho ra lẽ không?”

“Ai làm vậy, kỳ chết!”

“Vậy thì nhường hấn vậy.”

“Nhưng mà tức cái bụng lắm!”

Thạnh đầu môi như người đang suy nghĩ bần khoản lắm. Thì thầm tiếp.

“Vậy em muốn kỳ hay muốn tức?”

Tôi véo mạnh vào đùi chồng.

“Ghét cái mặt hay giỡn! Nói với anh thà đừng nói còn hơn.”

“Vậy thì đừng nói!”

Thạnh tiếp tục đọc sách. Tôi ngồi khoanh tay âm ức. Giận cuốn sách, tôi muốn giật phăng khỏi tay Thạnh. Giận thằng cha già ngồi trên, tôi muốn giật tấm màn xuống lại

phía tôi. Nhưng tôi vẫn ngồi yên, mặt lạnh như tiền, đầu óc quay quắt với cơn giận. Tôi cố ém lòng, ngơ ngẩn với cảnh vật hai bên đường. Những bóng thông đã biến mất, cây cỏ miền thấp đã tràn lan. Rải rác đã có những thôn xóm làng mạc. Tôi chẳng nhận được ra xe đã chạy tới đâu. Mà sao tôi biết được, con đường này ngày xưa tôi đâu có dám đi tuy Saigon Đà Lạt tôi lên về như con thoi. Mỗi nguy hiểm vì mình bầy, hay nổi bất trắc của những cuộc chặn xe, bắt người đã đẩy tôi lên máy bay. Khoản tiền ăn học trên Đà Lạt của tôi nặng nề thêm với món tiền không phải nhỏ trả cho những chiếc vé máy bay mỏng dính của Air Vietnam. Con đường Saigon Đà Lạt Saigon của tôi không tính bằng cây số, bằng những địa danh bên đường mà bằng những giờ bay khi sáng khi tối tùy tầm vé quý giá nhiều khi phải nhờ quen biết mới mua được hồi đó.

Chán với cảnh vật hai bên đường, tôi định mở túi xách, lôi cuốn tạp chí ra coi hình để giết thời giờ, thì tôi to mắt nhìn lên phía trên. Cô gái tựa đầu vào vai ông già say ngủ, ông già thì mặt xuống thả những chiếc hôn tha thiết lên má, lên tai cô bé. Tôi bấm tay Thanh, chỉ lên trên. Thanh gật đầu. Tôi thì thào.

“Thằng cha già dịch! Tưởng là bố con, ai dè.”

“Ai bảo em tưởng là bố con!”

“Anh biết trước à?”

“Ừ, làm gì mà không biết!”

“Sao anh biết được?”

“Trông điệu bộ như gà mắc đẻ của chả, khó chi mà không biết.”

“ Sao anh không nói với em?”

“ Em có hỏi đâu!”

Nói chuyện với Thanh tức anh ách. Vòng vo một hồi rồi cũng bù trất! Mà lại mua thêm cái bực mình. Vậy mà tôi vẫn cứ nói. Thiệt!

“ Anh còn biết gì nữa không?”

“ Chả không phải là người Việt.”

“ Người gì vậy?”

“ Một là Đài Loan, hai là Đại Hàn.”

“ Sao anh biết?”

“ Người Việt thì không đại gì đất bồ nhí đi khơi khơi như vậy.”

Tôi trề môi.

“ Chà! Kinh nghiệm dữ hè! Vậy thì dấu ở đâu?”

“ Anh không biết.”

“ Anh là người Việt mà sao không biết?”

“ Anh không phải là người Việt “

Tôi chồm người qua.

“ Anh nói chi vậy? Anh không phải là người Việt?”

“ Ừ!”

“ Tại sao vậy?”

“ Vì anh cũng đang đất bồ nhí đi khơi khơi trên xe này vậy!”

Tôi đập Thanh một cái mạnh. Mặt tôi giãn ra. Bụng ngan ngát lâng lâng. Tôi nhìn bộ mặt dễ ghét của Thanh, muốn ôm vào lòng.

Tiếng máy phóng thanh vừa được mở nghe rè rè óc ách. Anh hướng dẫn viên thông báo xe sẽ nghỉ ở Định Quán một

tiếng cho mọi người dùng bữa trưa. Thạnh gấp vội cuốn sách nhìn nháo nhác ra bên đường. Tôi giương mắt theo dõi cử chỉ cậ rập của Thạnh. Tuồng như anh vừa phóng mình trở thành một Thạnh khác. Câu hỏi của tôi cố làm ra vẻ thản nhiên xa cách.

“ Ngày xưa có cô bồ nào ở đây không mà nghe thấy tên Định Quán là nhón nhác như gà lạc đàn vậy?”

Thạnh vẫn láo liên nhìn ra cửa, âm ừ.

“ Làm gì có! Em chỉ được cái đoán mò.”

“ Cứ đoán khơi khơi như vậy coi chừng trúng phóc ạ.”

Thạnh như không nghe thấy câu nói của tôi, mắt vẫn như điều hâu sẵn mồi. Làm như đã nửa phần đoán đúng, tôi nhấn thêm ga.

“ Đúng không bồ?”

“ Em muốn đúng thì cứ cho là đúng.”

Tôi thở ra niềm vui.

“ Em cho thế nào được. Nếu đúng thì là đúng. Thôi, khai ra cho rồi!”

“ Ba bốn cô lận! Biết khai làm sao?”

“ Thì cứ có bao nhiêu khai bấy nhiêu cho được tiếng là thật thà.”

“ Một cô cao, ba bốn cô thấp.”

“ Dữ à! Cao là cao bao nhiêu? Cao bằng em không?”

“ Anh không biết.”

“ Bộ không đo với nhau bao giờ sao?”

“ Không. Nhưng cao lắm. Phải chỗ này không à?”

Tôi nhìn ra cửa. Chỉ thấy cây chen lẫn với đá. Trời mênh mông xanh. Nắng trải rộng chóa mắt. Tôi nâng cằm Thạnh

lên, giọng dịu ngọt.

“Bộ bỏ anh là người rừng à?”

“Người rừng đã là phước.”

“Phước? Bộ hồi đó anh muốn đóng khổ đeo gùi đi chân đất thật sao?”

Thanh bật cười. Anh nâng lại cằm tôi.

“Em có bộ óc phong phú lắm. Nhưng tưởng tượng của em trật đường rầy tất cả. Người ngợm gì đâu! Anh kiếm mấy tảng đá ở khoảng đường này. Hồi đó, lần đầu tiên được đi xe ké lên chơi Đà Lạt, anh rộn ràng từ lúc xe nghỉ ở Định Quán, chụp hình bên những khối đá vuron cao ở khúc đường này. Đối với anh, cuộc phiêu lưu đầu đời hình như bắt đầu từ những tấm hình với đá nơi đây. Anh muốn sống lại với chúng mà sao chúng chạy đi đâu mất tiêu hết!”

“Ngộ hè! Chẳng lẽ đá cũng có chân!”

Thanh ngẩn ngơ buồn bã.

“Đá không có chân đâu. Chắc ký ức của anh đi lạc!”

Xe tung bụi mù mịt vào bãi đậu trước một hàng ăn rộng rãi. Máy bậc thềm dẫn lên nhà hàng bằng gỗ có tay vịn bằng những thân cây rừng còn nguyên vỏ. Phòng ăn rộng mênh mông. Người người tấp nập. Thanh nhìn quanh, xắn tới chiếm một chiếc bàn nhỏ. Cô hầu bàn nhanh nhẹn bung tới hai ly trà đá.

“Có cơm, có phở, có hủ tiếu. Cô chú dùng gì?”

Tôi muốn ăn cơm nhưng ngại. Chẳng cần hỏi Thanh, tôi gọi.

“Cô cho hai tô phở, một lớn một nhỏ, thịt chín. Hai chai nước suối lạnh.”

Cô hầu bàn cúi húi ghi vào tấm giấy nhỏ, vừa quay gót vừa nói.

“Cám ơn cô chú.”

Thanh ngó quanh. Tôi thấy cần phải giải thích một chút.

“Em thềm com nhưng coi bộ ở đây không bảo đảm. Ăn phở dù sao cũng có nước dùng sôi nóng, yên tâm hơn. Anh đừng uống trà đá này nghe. Em đi kiếm thêm chút gì lạnh lạnh tráng miệng.”

Tôi chậm rãi tới nơi quầy ở góc nhà bán đủ thứ thập cẩm dùng cho khách đi đường. Mắt tôi loạn lên. Hàng hóa thứ xếp trên quầy thứ treo lủng lẳng dài theo tường rối mắt. Tôi chợt thấy những bao giấy bạc màu sắc rực rỡ. Tay tôi nhanh nhẹn nhấc từng bao tìm kiếm. Cái này lạ đây. Tôi cầm bao mít sấy khô, ra trả tiền.

Hai tô phở tỏa khói làm tôi thấy đói bụng. Tôi tưởng có thể ăn hết ngay trong nháy mắt. Mới được vài miếng, tôi khựng lại.

“Phở lạ quá anh nhỉ?”

“Ừ. Hình như món này người ta không tìm được tên gọi nào khác nên gọi là phở.”

Tôi lắc đầu.

“Tội nghiệp người ta, anh!”

“Thì thôi! Anh kính trọng lòng từ tâm của em đối với những người đeo vàng đầy tay đang ngồi thủ chiếc ngăn kéo đầy nhóc giấy bạc kia!”

Thanh hất đầu ra hiệu cho tôi nhìn về phía sau. Anh tài xế và anh hướng dẫn viên đang bận rộn với mặt bàn ê hề thức ăn, bia và hai bao thuốc lá ba số chưa bóc. Tôi kéo Thanh ra

ngoài.

Tùng hàng dọc xe đạp công sọt trái cây to bụi trên yên sau đậu kín sân trước nhà hàng. Những người bán hàng nhanh miệng mời chào, thoăn thoắt trên tay con dao lá lúa sắc lẹm xẻ từng miếng trái cây mời khách ném thử. Táo Thái Lan, ổi xá lị thanh long, đu đủ, khóm tươi thơm ngon bắt mắt. Ổi xá lị chấm muối ớt làm tôi xuýt xoa lại thời con gái. Mắt tôi đọng vào một đồng rỗ cây còn dính đất chất trên chiếc sân thấp bên cạnh nhà hàng. Một thanh niên đang ngồi cong lưng đẽo gọt. Tôi bước tới gần. Cặp mắt chăm chú của người thanh niên dán vào mũi đục được đẩy nhẹ bằng chiếc búa gỗ lên cán gỗ của cán đục. Anh đang tỉa khuôn mặt Chúa với vòng lá gai quấn quanh đầu. Bên anh ngổn ngang những chiếc đục to nhỏ nhiều cỡ. Khuôn mặt Chúa đã có hồn. Chiếc đục nhỏ xíu đang tản mẫn một giọt lệ trên má. Thấy có người, anh ngược mặt lên mời chúng tôi vào phòng trưng bày. Những bức tượng khắc trên rỗ cây, cái lớn cái nhỏ bóng lộn nước quang dầu, được bày thành hàng trên những chiếc kệ thấp. Cô gái nhỏ ngồi trước tôi trên xe đang đứng bất động trước khuôn mặt Phật Bà Quan Âm hiền từ. Thấy tôi, cô gật đầu chào. Tôi hỏi cho có chuyện.

“Tượng khắc linh động quá cô nhỉ?”

“Dạ. Mấy chú thợ ở đây xem ra vừa có hoa tay vừa có tâm hồn. Em...”

Đôi mắt cô quấn lấy tôi. Môi cô ngập ngừng định nói gì rồi thôi. Tôi nhận thấy nét bối rối trên mặt cô. Mãi rồi cô mới dò dẫm.

“Xin lỗi cô cho em hỏi. Cô có phải là cô Diệu không ạ?”

Khuôn mặt cô đỏ ửng lên. Tôi tròn mắt ngạc nhiên.

“Sao cô biết tên tôi?”

“Em có học cô mà. Cô không nhận ra em sao?”

Tôi không nhận ra khuôn mặt thanh thanh hơi xanh xao trước mặt. Học trò tôi ngày trước, lớp đi lớp tới, năm này nối năm khác, làm sao mà nhớ nổi. Thấy tôi ngây người không có vẻ gì là nhận ra được người học trò cũ trước mặt, cô gái vội chỉ tay vào ngực.

“Thục Quyên đây cô!”

Tôi há miệng ngạc nhiên.

“Trời ơi! Em lớn thế này sao cô nhận ra em được?”

“Em cũng không nhận ra cô. Cô trắng và mập ra nhiều. Chỉ khi thấy nụ cười quen thuộc của cô em mới bạo gan hỏi. Cô ở nước ngoài về chơi phải không cô?”

“Sao em biết?”

“Trông bộ điệu và cách ăn mặc của cô làm gì mà không biết.”

“Cô không ngờ lại gặp em ở đây. Cô vẫn nhớ tới cô học trò ngoan hiền của cô ngày xưa.”

Thục Quyên xoắn tay ngượng nghịu. Cử chỉ dễ mến này nhắc tôi bay về những ngày thầy trò cũ.

Thục Quyên là học trò ruột của tôi những năm em mới bắt đầu bước chân vào trường trung học. Em nhỏ người, quá nhỏ so với đám bạn cùng lớp. Da em xanh xao bệnh hoạn. Thực ra, những ngày nhọc nhằn đó, học trò của tôi hầu như toàn là những đứa trẻ thiếu ăn thiếu thuốc cả. Nhưng Thục Quyên choắt choeo thấy bất thương hại. Gia đình em ở quê, em lên ở trọ nhà bà con để đi học. Nhà em trọ là một quán

bán cà phê nên em thành một lao động vất vả sau giờ học. Những cái ngáp mệt mỏi trong lớp cùng với sự sa sút trong bài vở của em khiến người giáo viên chủ nhiệm là tôi phải gọi em hỏi riêng. Em thú thật là không có đủ giờ ngủ, thiếu thời gian học bài làm bài, lại phải quần quật làm việc nên rất nhọc mệt. Em đưa tay gạt nước mắt thều thào với tôi. Thà là như vậy, em còn được cấp sách tới trường, về quê chắc chắn em phải bỏ học. Thỉnh thoảng, em khệ nệ mang tới nhà tôi vài trái dừa, trái bí, trái bầu hoặc đòn bánh tét, bánh dừa do gia đình em mang lên. Tôi nấu ruột trước những món quà dân giã nhưng đầy ấp thân tình của em. Không nhận thì em nặng mặt không vui, nhận thì khó chịu trong bụng. Khó chịu như những lần chia nhu yếu phẩm trong trường. Chỉ vì chút mỡ chút xương, chút nhiều chút ít rau củ, chút nặng nhẹ tay của từng nhúm bột ngọt, chút nhích nhẹ của bàn cân cá cân khoai mà đồng nghiệp lạnh mặt với nhau. Mỗi lần tan trường vào ngày chia nhu yếu phẩm, tôi lúng túng xếp, cột những cái vật vãnh nhưng thiết thân vào chiếc xe đạp, thì bao giờ cũng có bàn tay khéo léo của Thục Quyên giúp đỡ. Thỉnh thoảng được chia ít viên kẹo, thổi đường, tôi kín đáo gói cho em chút ít bồi dưỡng. Khi em nhận, khi em nhất định không nhận. Cô mang về cho mấy em nhỏ ở nhà! Thục Quyên nhỏ nhẹ vừa nói vừa bỏ lại vào giỏ xe. Mấy đứa con tôi giờ đây cao lớn đầy đà, chắc cũng xấp xỉ gấp đôi Thục Quyên đang đứng trước mặt tôi. Chút son phấn nhẹ nhàng trên mặt không xóa được nét thơ dại của Thục Quyên ngày xưa. Tôi nhìn em, đầu óc rối mù, lặng người đứng như một người câm.

“Mấy em bây giờ chắc lớn hơn rồi cô nhỉ?”

“ Chúng cao lớn hơn cả cô rồi.”

“ Vậy thì chắc chúng nuốt trồng em được!”

Thục Quyên le lưỡi cười. Tôi ngần ngừ sang số hoài mà chưa hỏi được cô học trò cũ điều muốn hỏi.

“ Em chắc bây giờ cũng khá chứ?”

“ Cũng lai rai vậy cô. Sống được là may rồi , cô ạ.”

Tôi lại loay hoay lựa lời.

“Ừ, thời buổi này sống mà thỉnh thoảng đi chơi xa được là tốt rồi.”

Thục Quyên nhìn xuống đôi chân đang rê rê phía dưới.

“ Em đi công tác đấy cô ạ.”

Câu chuyện lại ngập ngừng trắc trắc như đang đi vào ngõ bí. Cả tôi lẫn Thục Quyên đều ngại ngần chưa dám đặt bước tiến xa hơn. Tôi lấy hơi quả quyết trong bụng. Mình cần phải biết hoàn cảnh của người học trò cũ tình cờ gặp lại này, để xem có giúp đỡ gì được không. Tôi mạnh bạo dấn bước.

“ Hình như em đi với một người nữa phải không?”

Mắt Thục Quyên chạy quanh, xáo xác như mắt nai bị săn đuổi.

“ Dạ. Ông chủ em đấy.”

Tôi không nỡ vờn con thú đang bị săn đuổi chuệnh choạng trước mặt nhưng tại sao tôi vẫn cứ xắn tới.

“ Chắc ông ấy buôn bán lớn?”

“ Ông ấy qua đầu tư ở bên này.”

Tôi làm bộ ngạc nhiên.

“ Ừ, ông ấy không phải là người mình sao?”

“ Không, ông ấy người Hàn Quốc đấy chứ. Em tưởng cô

biết rồi!”

Tôi then với mình, ngại ngừng đuổi theo câu chuyện.

“Ừ, lúc ở trên xe, cô chỉ ngờ ông ấy không phải là người mình thôi. Còn cô có biết ông ta là người nước nào đâu.”

“Bây giờ người Hàn Quốc qua đầu tư bên mình đông lắm. Dân trong nước nhìn là biết liền. Cô ở xa về chắc không biết.”

“Lương em khá không?”

“Cũng tạm được cô ạ. Đủ nuôi gia đình.”

“Em lập gia đình rồi hả?”

“Chưa cô ạ.”

Em bỗng nắm tay tôi, mắt rướm lệ, giọng ướn sững.

“Em khổ lắm, cô ơi!”

Tôi ôm chặt đứa học trò cũ tội nghiệp, lòng dạ như có kim châm.

“Cô hiểu em. Tội nghiệp em!”

Thục Quyên thỏn thức trong vòng tay tôi.

“Em học hành dang dở, làm được chân thư ký quèn cho hãng nước ngoài đã là phúc. Phải cần rắng mà chịu đựng hết, cô ạ! Mất cái nợ thì được cái kia. Bỗng lộc em cũng khá, đủ nuôi một bầy em ăn học. Nhờ trời, tội nó cũng chịu khó học hành tất cả, đứa nào cũng vào được Đại Học.”

Tôi đấng ngắt trong cổ. Tay tôi vuốt ve bờ vai mỏng.

“Cô thương em quá!”

Trong tôi, Thục Quyên bỗng biến hình thành một đứa con gái yêu của tôi. Mắt tôi róm lệ. Phải chi tôi luôn luôn ắp ủ được em như thế này. Tôi với tay qua cầm bức tượng Quan Thế Âm.

“ Em giữ bức tượng này. Mỗi khi buồn phiền trong lòng, em niệm Phật cho em được thanh thản để chịu đựng được nhọc nhằn của cuộc sống. Mỗi bước chân gian nan của em, em luôn luôn nhớ có cô ở bên em. Lúc nào cô cũng thương đứa học trò bé bỏng ngày xưa của cô.”

Tiếng máy xe nổ vang vang ngoài bãi đậu. Tôi trả tiền bức tượng, tiện tay rút tấm danh thiếp có ghi địa chỉ trao cho Thục Quyên. Tôi đưa giấy lau mặt cho Thục Quyên, lau kỹ mắt mình, giọng gạo nói.

“ Em lau mặt đi. Xe sắp chạy rồi đó.”

Chúng tôi vội vàng leo lên xe. Thạnh dò hỏi bằng mắt. Tôi ghé vào tai chồng.

“ Học trò cũ của em.”

Thạnh gật đầu. Tôi không nói mà anh như đã hiểu hết. Anh ngồi lặng im. Cuốn sách thả lỏng trên đùi vẫn gấp nguyên. Xe chuyển bánh. Bụi tung mù mịt. Máy chị bán hàng kéo khẩu trang lên che mũi miệng. Tiếng máy phóng thanh rù rù mờ. Thạnh quay sang hỏi nhỏ tôi.

“ Đại Hàn hay Đài Loan vậy?”

Tôi như hóa đá, giọng chán chường.

“ Có gì khác nhau không?”

TƯỞNG

Thiếu phụ ngồi bệt xuống sàn nhà. Vòng khăn trắng ôm gọn quanh mái tóc đen nhánh chảy dài xuống ngang vai. Đôi má bầu bầu không một chút phấn sáp. Đôi môi mộp mạp vênh lên từng vẩy da khô khốc. Cạnh nàng, ngay dưới chân quan tài, những kỷ vật bày san sát trên mặt thảm buồn một màu xanh xậm xịt. Mắt nàng âu yếm, tay nàng nháy hờ hững trên từng kỷ vật.

Anh còn nhớ bữa anh đòi mua chú vịt nhồi bông vàng có đôi mắt xanh rộng mở như muốn nuốt cả thế giới này không? Anh thích cặp mắt đó. Anh bảo giống cặp mắt em, lúc nào cũng như ngơ ngác trước cuộc đời. Anh xạo quá đi! Mắt em đâu có xanh. Mà nếu lúc nào em cũng trợn trừng mắt như vậy chắc anh chạy mất tiêu rồi. Nhưng anh làm em thích. Vì

em biết là anh nhìn đâu cũng thấy em, người vợ bé bỏng của anh. Anh lại xảo nữa! Em cao hơn anh một cái đầu, bé bỏng sao được! Lúc mới gặp nhau, em phải cúi đầu nhìn xuống anh và em thấy thích anh liền. Chẳng lẽ khuôn mặt lúc nào cũng mang vẻ tội nghiệp này lại đánh động con tim em đến như vậy! Anh cũng nhận ra cái so le oái ăm này, nhưng cái miệng leo lé của anh xóa nhòa nó ngay được. Anh bảo con gái thường lớn mau hơn con trai, mai một tới lượt anh lớn thì em sẽ thua anh tới hai cái đầu! Anh xảo nữa. Anh chưa lớn mà anh đã trón em.

Thiếu phụ ngược nhìn lên. Cặp mắt đen láy vô hồn chăm chú vào màu gỗ nâu sậm bóng loáng. Chiếc quai vàng óng nằm gần đầu quan tài như chiếc miệng cười buồn. Nàng giơ tay mân mê chiếc quai. Tay nàng lạnh giá. Nàng thu vội tay lại ủ vào giữa bụng. Màu áo đen ấm cúng làm nàng dễ chịu. Một chân gấp lại ngả trên thảm, một chân chống lên đầu gối chạm cằm. Nàng dựa mặt vào đầu gối, mắt nhắm lại. Nàng thiếp đi một hồi. Những hình ảnh nhảy múa trong đầu nàng. Anh dí trán anh vào trán nàng day day đùa cợt. Anh rộng miệng cười sảng khoái, nụ cười thơ dại ấm áp. Anh làm hề phía trước mặt, vụt dọa nàng phía sau lưng. Nàng bất thần chột tỉnh. Ngơ ngác. Tay nàng vớ ra phía sau. Nàng chụp tay lại trong khoảng không. Anh ở đâu, anh?

Anh đâu rồi? Đôi giày của anh vẫn còn đây. Anh thật tức cười. Người thì nhỏ mà chân thì lớn. Giày mang tới số chín! Bữa đi mua đôi giày này với anh, khi anh đi tới đi lui thử giày trước tấm gương dựng sát trên sàn nhà, em thấy anh kỳ cục. Đôi giày quá khổ với người anh trông như đôi hia đi mượn

của ai! Em cười thâm trong bụng với ý nghĩ ngộ nghĩnh đó. Em không nói với anh vì sợ tai anh sẽ đổ lên làm em muốn cắn. Ai lại cắn tai chồng giữa chốn đông người. Chỗ vắng người thì lại khác, anh nhỉ? Cũng chính đôi giày này đây, buổi đầu anh chạy bộ với giày mới về, em đang làm bếp, anh ôm vòng phía sau em, thú vị khoe đôi giày chạy ung ý quá, vừa đầm vừa dính sát đường. Em cảm thấy cái xốn xang của anh từ phía sau. Em quay lại. Anh khóa miệng em bằng đôi môi nóng bỏng của anh. Hai tay anh vờn trên vú em, mấy ngón tay bóp nhẹ hai đầu vú. Vú em tấy lên. Anh ngả em xuống sàn nhà. Em đẩy anh ra. Ai đòi vừa chạy về, mồ hôi mồ kê nhễ nhại mà ôm khít chặt em vừa mới tắm xong thơm phức trong bộ đồ nhẹ mặc nhà mới thay. Anh chẳng nói chẳng rằng, cứ làm lì giữ chặt em trên sàn. Anh phăng chiếc áo em ra. Hai bầu vú em trần trụi cương lên trong tay anh. Em cảm thấy từng lỗ chân lông mở ra đón nhận mùi mồ hôi trộn với mùi nước hoa đàn ông cay gắt. Chưa bao giờ anh vầy vò em trong lúc anh nhóp nhúa như vậy. Chiếc quần mỏng manh của em có nghĩa lý gì với cơn nồng nhiệt của anh. Hạ thể em phô bày ra mát rượi kéo anh xuống. Người em nở ra. Như một đài hoa đang độ. Anh úp mặt xuống vùng thịt da quen thuộc. Em mê man quần quai. Bông hoa đàn bà của em nhắc cao ngất ngây. Anh luống cuống trút bỏ áo quần, nằm phủ lên em. Mái tóc rít kẹt mồ hôi tỏa ra mùi rùng rú. Anh mạnh bạo như một thốt gấu. Em vừa sợ vừa hùng hực đam mê. Chưa bao giờ anh như vậy. Chưa bao giờ em như vậy. Thân người anh như sóng. Từng cơn sóng vùi em xuống ngập thở. Cả anh lẫn em quần quai. Cho tới lúc anh

vỡ ra. Em rùng mình. Anh trào vào em ào ào như suối, êm ả như ao hồ. Người em duỗi ra dễ chịu. Thật dễ chịu!

Thiếu phụ ngồi như mê. Một tay vẫn ử giữa đùi và bụng, một tay mân mê đôi giày. Đôi giày thể thao màu trắng có những sọc xanh vàng phản chiếu ánh đèn sáng chói. Nàng cầm một chiếc giày đưa lên trước mặt. Nàng lật ngược chiếc giày. Đế giày mòn vẹt một bên. Nàng nhìn chỗ vẹt nhếch môi cười.

Anh đi chân chữ bát, vừa xấu vừa mòn vẹt một bên giày. Bảo anh sửa hoài mà chỉ một chút lại đầu vào đấy. Em chán anh quá. Anh giả lả bảo là anh đi như vậy cho em dễ nhận ra anh trong đám đông. Anh xảo! Cần gì em phải nhìn chân anh. Chỉ ngửi mùi của anh là em nhận ra anh rồi. Thiếu gì cách em nhận ra anh. Nhìn quần áo anh mặc chẳng hạn. Áo quần thì mua toàn thứ xịn. Vậy mà mặc vào thì xốc xếch. Không nhãn chỗ này thì cũng nhúm chỗ khác. Cổ áo chẳng bao giờ nằm cho chính, quần kéo ống thấp ống cao, nẹp áo lệch lạc, lại còn đế giày nuột cả lai quần. Em khó chịu nhưng em thấy tính tình anh hiện ra nơi quần áo. Mộc mạc và trung thực. Chẳng bao giờ anh dối em. Mà anh có dối chắc em cũng chẳng biết. Vì em thương anh.

Thiếu phụ cúi đầu, mắt nhắm lại. Thân hình đen tuyền như một vết cắt xậm xịt giữa những vòng hoa trắng muốt. -- Chị phải kéo cháu đứng dậy chứ trông thảm quá! -- Tôi kéo mấy lần rồi mà nó có nghe đâu! -- Chẳng ăn chẳng uống, cứ ngồi rữ cả ngày như thế chịu gì nổi! -- Tôi cũng khổ tâm lắm mà cháu không nghe, biết làm sao, tội nghiệp, mới hăm hai tuổi đầu đã tang chồng! Có tiếng ghen ngào cổ đê nén

tức tươi.

Em đâu có khóc. Từ ngày lấy nhau, anh có bao giờ để em khóc đâu. Anh hay giận mà em cũng thích giận. Sống với anh như dự hội hè. Trước kia, em ở với gia đình cũng vui lắm chứ nhưng vẫn không như ở với anh. Bên cạnh anh, em thấy an tâm khỏe khoắn. Mình bằng tuổi nhau, nhưng em cảm thấy bé nhỏ bên anh. Anh có cái dáng che chở và bảo bọc em. Em nói với anh ý nghĩ này, anh hít hơi, gồng mình, vênh mặt, khuỳnh tay ra ôm em vào lòng, ghé tai em bảo vì anh là đàn ông. Em bĩu môi trợn mắt, anh rống lên cười thích thú. Lúc đó trông mặt anh quá dễ ghét. Anh, em muốn nhìn mặt anh!

Thiếu phụ uể oải đứng dậy. Tay nàng vịn vào chiếc quai vàng bên quan tài, nặng nề nhắc người lên. -- Cháu nó đứng dậy kia, chị dắt cháu ra ngoài một chút cho thoáng đi. Bà mẹ rón rén tới bên cạnh, e dè nắm cánh tay thiếu phụ kéo đi. Thiếu phụ chuôi tay ra khỏi tay mẹ, mắt ngơ ngẩn nhìn vào trong quan tài. Nàng vuốt má, kéo cằm, sửa lại gọng kính cho chồng. Cặp mắt nàng âu yếm, miệng mỉm cười. Nàng lần tay nắn lại nút chiếc cà vạt.

Anh ngủ hả? Ngủ gì mà ngủ dữ vậy? Bẹo má như thế mà vẫn không nhúc nhích. Lì dữ! Mà sao anh thắt chiếc cà vạt ngày cưới này vậy? Lúc mình nhảy khai mạc phần dạ vũ, chỉ có chúng mình ôm nhau ngoài sàn nhảy. Đền chung quanh tắt hết, chỉ còn một ngọn đèn pha đuổi theo bước chân hai đứa mình, em nhìn xuống thấy nút cà vạt của anh lệch sang một bên. Em kéo lại cho chính. Anh thiệt! Ngày cưới mà vẫn luộm thuộm. Anh ngửa mặt lên, mắt sáng, môi tươi, anh nói anh hạnh phúc. Em thấy lằng lằng, người em như mới mọc

cánh, em tưởng em đang bay trong vòm trời sao. Em thủ thi. -- Anh đang nghĩ gì? -- Anh như đang lạc bước vào hồn em. Còn em, em thấy sao? -- Em nhẹ tênh, như em không còn trong em nữa. -- Minh đang bắt được nhau phải không em? -- Có lúc nào mình đuổi nhau đâu... Hai năm tình nhân, em ngợp bóng anh tuy mình cách xa nhau tới gần ngàn cây số. Anh ngồi bên em trong lớp học, anh bên ghế xe trên đường đi, anh kề sát em lúc đứng ngồi, anh ngắm em lúc ăn, anh trong em giấc ngủ, anh ôm em trong lúc tắm... Ngày cưới, em chẳng phải tập tành sống chung với anh. Em đã quen có anh bên cạnh rồi! Chiếc cà vạt Tommy này, anh có nhớ chính em chọn cho anh không? Màu đỏ không tươi, những vạch xéo, những chấm nhỏ, những đường gân, chúng ôm nhau, gần gũi nhau, hài hòa trong nhau, gắn bó nhau. Như anh và em. Buổi tối, khi rút chiếc cà vạt ra, anh lắc lắc cần cổ, hột nút áo bật ra, em thấy anh là của em, hoàn toàn của em. Mình giao hẹn với nhau cất chiếc cà vạt chung với áo cưới của em, mỗi năm anh chỉ lấy ra đeo lại một lần, vào ngày kỷ niệm đám cưới chúng mình. Anh mới đeo nó được hai lần, có nhiều nhận gì cho cam. Hôm nay sao anh lại đeo nó?

Mắt thiếu phụ rộng mở như han hỏi. Nàng gieo người ngồi xuống thảm. Cả thân nàng như khuyu xuống. Nàng liếc mắt xuống phía dưới. Những bóng đen ngồi ủ rũ. Thịnh không tắt cả. Tai nàng vang vang một điệu nhạc quen thuộc. Tiếng vĩ cầm vút lên, tiếng trung hồ cầm ai oán, tiếng đại hồ cầm bập bùng. Tiếng nhạc nhẹ nhàng như đánh thức nàng. Nàng vươn người với lấy một đĩa nhạc.

Anh còn thích đĩa nhạc này không? Hỏi vậy chứ em biết

lúc nào anh chẳng thích. Em thường trêu chọc anh già, chỉ thích nhạc cổ điển! Nói vậy chứ, chiều anh, nghe mãi với anh, em cũng thấy thích. Anh hỏi em có hiểu gì không mà thích? Em thật thà lắc đầu. Nhưng đầu em cũng cứng lắm, em chống chế. Nghe nhạc cần gì phải hiểu. Em thích là thích. Nhạc như chiếc kiệu gấm đưa hồn em lên thanh thoát nhẹ nhàng, em chơi vui, chơi vui. Những buổi tối mình nằm bên nhau, tiếng nhạc lúc ào ạt đuổi nhau, lúc lãng đãng rơi rụng, lúc cô quạnh từng giọt nhả nha rỏ xuống, lúc mạnh mẽ bùng bùng, anh nằm quay nghiêng sang em, tay anh dịu dàng xoa bờ lưng em trần trụi, hơi thở anh mon trớn bên má em, người anh rung theo nhịp điệu, lúc khoan lúc nhặt. Em nhắm mắt thả người theo nhạc, lòng ấm áp, tâm an bình. Em lạc mất mình trong vòng tay anh, chờ đợi, mí mắt em khoan thai khép lại.

Thiếu phụ gục đầu giữa hai đầu gối. Nàng như thiếp đi. Có tiếng mẹ nàng. -- Con chịu khó theo mẹ ra nghỉ một chút nghe! Nàng vẫn gục mặt bất động. -- Đứng dậy đi con. Mẹ nàng quàng tay ngang người cổ nhắc nàng lên. Nàng trì người xuống. Giải khăn sô lắc lắc. -- Con thương mẹ đứng lên đi con. Giọng van lơn của mẹ nàng khàn đặc. Nàng đẩy mẹ ra. Tiếng ba nàng thăm thì. -- Bà để yên cho con nó muốn làm gì thì làm, đừng ép nó. -- Phải ép nó ăn chút gì chứ, từ sáng tới giờ nó đâu có gì trong bụng. -- Bà với tôi cũng có muốn ăn uống gì đâu.

Anh còn nhớ bữa hai đứa mình đi ăn với nhau lần đầu tiên không? Anh thất chiếc cà vạt vàng vàng này đây. Bữa đó em thấy anh tức cười quá. Cà vạt làm chi chẳng biết. Anh

bảo lần đầu gặp em phải chừng chạc một chút chứ. Anh tới phi trường không cho em ra đón. Em năn nỉ thế nào anh cũng không chịu. Anh bảo phi trường là chốn hội ngộ và chia ly ngắn ngủn. Gặp nhau đó, mất nhau đó. Anh không thích gặp em lần đầu ở một chỗ vội vã bất trắc như vậy. Lần đầu tiên anh đến thành phố em ở, lạ nước lạ cái, em sợ anh lúng túng. Anh trấn an em, em có ở trên rừng anh cũng kiếm ra. Em cười giòn giã trong điện thoại. Nhà em ở bờ rừng thiệt, để coi anh có kiếm ra không! Anh tức tốc gửi cho em một điện thư, không một hàng chữ, vồn vện chỉ có tám bản đồ khu vực nhà em, với ngôi sao đỏ đánh dấu căn nhà. Làm rành như vậy, nhưng anh cũng không muốn nhìn thấy em bằng xương bằng thịt lần đầu tại nhà em. Anh ngại đông người, anh nói vậy. Nhưng em biết anh xảo. Trong thâm tâm, anh muốn giây phút đầu tiên mình gặp nhau phải thật riêng tư, chỉ có anh và em. Anh bảo em chọn một nhà hàng có một khung cảnh thơ mộng, độc đáo, sang trọng, nhạc phải dịu và hay, tiếp đãi phải lịch thiệp. Em tức cười. Chọn nhà hàng mà chẳng nói gì tới thức ăn. Anh bảo không cần, không phải anh đi ăn mà anh tới gặp em. Anh cũng không cho em tới đón anh ở khách sạn. Cứ cho anh địa chỉ, giờ giấc, rồi mạnh ai người ấy tới. Anh bỏ nhỏ giọng. Anh muốn nhìn thấy em đi tới với anh. Bữa đó, em chẳng biết anh tới từ lúc nào, em vừa bước vào nhà hàng đã thấy anh ngồi sẵn chờ em, bó hồng trên mặt bàn, chiếc cà vạt nà trên cổ, mặt đầy ắp hồi hộp. Anh hôn em, trên má, trao em bó hồng đỏ thắm, mắt âu yếm nhìn em. Em không nhìn được mắt em, nhưng em cảm thấy độ lấp lánh của chúng. Mình ngồi đối mặt nhau, anh cầm tay

em. Cả anh lẫn em lặng đi. Gần cuối bữa ăn, chân anh khều em dưới mặt bàn. Thấy em để yên không nhúc nhích, anh kẹp chặt chân em. Anh cười với em. Em mắc cỡ muốn chết nhưng thầm mong hai đôi chân chẳng rời nhau. Đùi em ấm áp dễ chịu. Em lái xe vòng quanh giới thiệu thành phố của em. Anh chẳng có vẻ thích thú gì cả. Về tới khách sạn, anh rủ em lên nhà hàng trên sân thượng ngồi chơi. Chiếc lồng kính nhốt chúng ta trên cao chậm rãi quay vòng quanh, chậm đến nỗi chúng mình chẳng thấy nó quay, hay nó ngưng lại cho mắt của anh và em đậu lại với nhau. Anh gọi champagne. Chúng mình cụng ly. Anh đặt nụ hôn trên bàn tay em cầm ly. Như đang hành lễ. Em nhấp chút rượu. Ngực em rộn ràng, ấm áp.

Anh nhìn xuống, thành phố lấp lánh phía dưới. Anh bảo coi thành phố kiểu này vừa vui vừa đỡ vất vả. Anh nhắc nhóm quá đi. Nhưng phải công nhận là thành phố nhìn từ hai trăm thước cao xuống trông lung linh đẹp đẽ quá. Bao nhiêu năm ở đây, em chưa bao giờ thấy thành phố này đẹp đến như vậy. Sao trời quanh chúng ta sẫm sẫm nhìn vào mắt anh và em. Chúng ta có một đêm hạnh phúc. Lúc trở xuống, anh rủ em vào cho biết phòng anh. Cửa phòng vừa khép, anh tham lam làm nhếch nhác son trên môi em. Anh xiết em như con trăn xiết mồi. Em lịm chết trong vòng tay ham hố của anh. Chiếc áo rộng cổ xộc xệch một phần bầu vú em phơi ra dưới ánh đèn. Anh cắn nhẹ vành tai em. Cho anh coi ngực em một chút nghe! Em chẳng biết phản ứng ra sao. Anh run run ngón tay lóc từng hạt nút áo em. Chiếc nịt ngực hồng nhẹ nhàng theo tay anh rơi ra. Anh ngất ngây đặt tay lên vú em. Em

chơi với. Tay anh lần xuống lưng quần em. Em vội chặn tay anh. Đứng anh, chúng mình mới gặp nhau lần đầu mà! Anh ngừng lại. Em chẳng hiểu sao anh lại ngoan đến như vậy.

Thiếu phụ mỉm cười nhích người về phía một vòng hoa. Nàng ngắt một bông hồng trắng. Nàng xoay bông hồng bu bẫm trên hai ngón tay hờ hững. Mắt nàng dại đi. Nàng đặt bông hoa lên một xấp giấy in. Nàng rút ra một tờ, nhả nha đọc, miệng tươi, mắt cười. Nàng rút tiếp một tờ khác, say mê nuốt từng hàng chữ.

Anh cũng vẫn vẽ gốm! Lúc nào đọc lại những điện thư anh gửi, em cũng vẫn mê mẩn như xưa. Anh bảo anh nghĩ sao viết vậy, nếu em thấy vẫn vẽ là tại vì em cảm thấy chúng vẫn vẽ. Anh xạo! Em biết vậy nhưng vẫn thích. Không hiểu sao vừa chat với anh là em thấy thú vị liền. Những bước chập chững tìm đến nhau sao mà hào hứng. Em in lại và cất giữ tất cả. Chẳng hiểu sao em có linh tính là cuộc chơi này sẽ chẳng sớm chấm dứt. Lúc đó, chúng mình đâu đã biết mặt nhau. Phải bao nhiêu lâu, anh còn nhớ không, anh mới gửi cho em tấm hình đầu tiên. Em thấy cũng đường được. Và có cảm tình ngay. Sau này, kể lại với anh, anh vênh mặt lên. Đường được là thế nào, đẹp trội ấy chứ! Em há mắt bĩu môi. Anh lý sự cùn. Không đẹp sao em lại mê mẩn theo về với anh? Em bướng bỉnh. Em đâu có theo vẽ đẹp, em lấy chồng mà! Anh gục gặc cười. Vậy là anh đẹp trong đẹp ngoài rồi. Dễ ghét! Anh cãi cho anh không à. Thế còn khi em gửi hình cho anh thì sao? Anh mê tí thò lò ngay! Em vẫn tự tin nơi nhan sắc của em. Anh tức tốc gửi thư cho em. Anh chắm em hoa hậu tuy chưa biết vòng nào của em. Em tình tứ trả lời. Vòng một,

vừa một vòng ôm của anh. Vòng hai, vừa một vòng xiết của hai bàn tay anh. Vòng ba, xin xem kích thước vòng một! Anh nóng nảy đòi qua gặp em liền. Em phải vội làm lính cứu hỏa dập tắt ngọn lửa trong anh. Đừng vội, chắc anh không muốn em rớt kỳ thi này! Em xô cho anh trúng một lô an ủi. Hè này, em sẽ hẹn ngày sau! Anh ôm tấm vé số chờ đó, phát cho em mỗi ngày một bài số xung tụng. Em không cho anh biết, kỳ thi đó, nếu không có cây gậy vót của các ông bà thầy cho em bám, em đã chìm mất tiêu rồi!

Nụ cười vương vất trên môi người thiếu phụ trẻ. Bà mẹ ngồi trên ghé lo lắng. Bà ghé tai chồng. -- Ông coi nó cười kìa, tôi sợ nó điên quá! Ông bố nhìn con, bồn chồn. Đám người tới dự tang lễ ngồi kín trên những chiếc ghế nệm xếp thành từng hàng dài nhìn lên trên quan tài. Thiếu phụ như chẳng nhìn thấy ai. Nàng sống với riêng nàng, đứng hơn với những kỷ niệm của người chồng vừa bỏ ra đi. Cuộc sống chồng vợ ngăn ngui làm nàng cố vót vát những hạt hăng vừa rơi xuống đời nàng. Nàng ôm lại đôi giày thể thao, xiết chặt vào lòng. Nàng cúi xuống với đôi mắt triu mến. Như đang âu yếm đưa con nhỏ nhoi trong vòng tay nàng thương yêu.

Đôi giày này đã gắn bó với anh, mỗi ngày. Anh đam mê thể dục thể thao, đó là điều tốt cho sức khỏe của anh. Anh chạy bộ, tập tạ, chơi nhiều môn thể thao, có nhiều quá cho anh không? Câu hỏi đã nhiều lần em thầm nêu ra cho mình, trong những giờ lo toan việc nhà khi anh đi tập, trong những đêm em thao thức bên anh, trong những phút em ngồi trên khán đài dõi theo anh tranh đua với bạn bè. Tim anh không được tốt, bác sĩ vẫn nhắc nhở. Ra khỏi phòng mạch, anh cười

khảy vút bỏ lời dặn dò của bác sĩ nơi cánh cửa. Đôi lần, cảm lòng chẳng được, em nhắc anh, một cách rất dịu dàng triu mến, anh cũng vẫn bỏ ngoài tai. Anh luôn luôn tin anh còn trẻ, sức sống còn thừa thãi, ăn thua gì chút vật vãnh đó. Anh ngang bướng gạt phắt những âu lo của em. Anh có cá tính mạnh, đó là điều tốt, nhờ đó mà anh thành công trong cuộc sống. Anh muốn gì là làm bằng được. Tán em, theo đuổi em, anh vây em đến nghẹt thở. Em chết ngộp trong vòng tay đam mê của anh. Anh chắc nịch dắt em theo ý của anh. Anh hết lòng với em, như một người chồng. Anh say mê em, như một người tình. Nhưng anh sống như một người đàn ông kiêu hãnh với cái chất đàn ông của mình. Anh gục xuống cũng vì vậy. Đôi giày này đã bay nhảy với anh, hào hứng với anh, miệt mài với anh, ra sức với anh, tung hoành với anh. Nay nó bị anh bỏ lại đơn côi. Như em!

Thiếu phụ lặng lẽ ngồi ôm riết đôi giày, mắt như lạc vào một khoảng không gian nào khác. Người đô tùy trưởng cứng ngắc trong bộ đồ đen tiến tới chỗ đặt quan tài. Thiếu phụ nhìn thấy đôi giày đen bóng chậm chạp lê về phía nàng. Người đô tùy nhìn ông bố chờ xin một hiệu lệnh. Ông bố gật đầu. Người đô tùy cúi xuống chỗ thiếu phụ ngồi. Ông bố vội bước lên, nghiêng người, nói nhỏ bên tai con gái. Nàng ngoan ngoan đứng lên theo bàn tay dắt của bố. Đôi giày vẫn nằm ử trước ngực. Người đô tùy, bằng giọng nghiêm trang và buồn rầu, mời thân nhân lên tiễn biệt người quá cố lần cuối. Hàng người chậm rãi di chuyển trước quan tài. Thiếu phụ chẳng nhìn thấy ai, âm thầm ve vuốt đôi giày đã dính chân người chồng tới giây phút cuối khi anh ngã xuống bất tỉnh. Nàng

tương như vẫn đang nắm được chân chông. Ông bỏ dất nàng tới bên quan tài. Anh vẫn đang ngủ hả anh? Đâu có phải, có bao giờ anh ngủ nghiêm trang như thế này đâu! Giấc ngủ của anh bao giờ cũng có một tay với qua ôm em, đầm ấm. Nàng đặt đôi giày bên cạnh chông. Nàng cúi xuống, lượm đám kỷ vật, đặt vào trong quan tài, lệ làng như một người đang vội đóng xếp hành lý cho một chuyến đi xa. Nàng ngả người với qua vòng hoa đặt trên quan tài, ngắt một bông hồng trắng, đưa lên môi hôn, đặt vào tay chông. Ông bỏ diu nàng xuống ngồi trên hàng ghế đầu. Người đô tùy trường nhìn ông chờ một hiệu lệnh. Ông bố khẽ gạt đầu. Người đô tùy cúi xuống lấy một chiếc tay quay vàng óng, cắm vào chiếc lỗ nhỏ ở đầu quan tài. Ông nhẹ quay, thân xác chông nàng từ từ lặn xuống giữa những lớp vải sa tanh trắng bạc. Ông hạ chiếc nắp quan tài xuống. Bóng tối từ từ chạy vào trong chiếc quan tài theo nhịp khép từ tốn của chiếc nắp gỗ bóng loáng. Ông khóa quan tài lại. Tiếng lách cách như lay tỉnh thiếu phụ. Nàng vội chạy lên. Tiếng lao xao phía dưới như tiếng sóng bể vui dập trong tai nàng. Nàng nằm vắt ngang quan tài, tay giang ra ôm ấp. Như một cánh chim đen vừa trúng đạn rớt xuống nằm xoải cánh bất động.

Anh ơi, về nhà với em đi.

Và nàng lịm ngắt.

CHỐN CŨ

Trời hoe nắng. Từ cửa sổ khách sạn, tôi nhìn thấy những sợi nắng óng ả ngời ngời trên những tàn cây bàng trụi lá. Hà Nội đang trở rét, cái rét đậm đà người ta nói là mấy chục năm nay mới thấy lại. Dưới đường, khách bộ hành co ro trong những tấm áo dày mà kiểu cách hình như chỉ là chuyện phụ. Trên những chiếc xe gắn máy xuôi ngược nhộn nhạo, người lái xe che chắn kỹ lưỡng với mũ len, khăn choàng, găng tay ấm áp. Những bà già bán hàng, người cấp thùng, người đội, người gánh, khăn vuông trùm kín đầu, vừa te tái rào bước vừa lớn tiếng rao hàng. Những tiếng rao mất hút bên kia lớp cửa kính.

Tôi trở vào nằm dài trên giường, lười biếng. Bộ bàn ghế, tủ áo quần, chiếc bàn phấn, tất cả đều bằng gỗ mun khảm xà

cừ, cho tôi một cảm giác lạ. Trên bàn phấn, nằm xộc xệch như muốn rơi khỏi góc bàn tờ tạp chí đang đọc dở tôi qua tôi vất đại lên khi giấc ngủ tới làm riu mắt. Lẽ ra phải có Diệu trong căn phòng này. Mặt bàn phấn trơn trơn nhắc tôi sự thiếu vắng tưởng như không thể có được. Mọi khi, trong mỗi chuyến đi, trong mỗi phòng khách sạn, mặt bàn phấn bao giờ cũng ôm đầy những chai lọ làm đẹp của Diệu. Chuyến đi vội vã, bất chợt lần này của tôi đã khiến Diệu không theo kịp. Diệu vẫn mơ một chuyến ra Hà Nội, với tôi, cùng tôi đi lại những con đường thơ ấu của thời tôi non yếu cấp sách tới trường. Em muốn biết Hà Nội của anh, muốn cùng anh sống lại những xúc động khi anh trở về chốn cũ, thời anh chưa có em. Giọng Huế nói về Hà Nội mà cũng tha thiết như giọng Hà Nội.

Chiếc điện thoại cầm tay nằm vất vưởng nơi nào đó trên giường reo lên từng chập hồi hả. Tôi lật chăn mền, tìm kiếm một hồi mới lôi ra được.

“Allô!”

“Em Phương đây anh. Hôm nay anh muốn đi đâu? Nửa giờ nữa em tới đón nhé.”

Tôi ngần ngừ.

“Chắc sáng nay em khởi tới. Anh muốn thả bộ một mình, loanh quanh coi thành phố. Nhấn nha như một người Hà Nội dư thừa thời giờ.”

“Ái chà! Anh lên cơn mơ mộng hồi nào vậy?”

Tiếng cười khanh khách rộn ràng bên tai tôi.

“Ồ giữa Hà Nội mà không biết mơ mộng một chút thì mắc cỡ chết.”

“ Anh, dân Hà Nội không nói mắc cỡ. Anh phải nói xấu hổ.”

Phương sửa lưng tôi. Mấy hôm nay tôi cứ bị sửa lưng hoài vì cái giọng Hà Nội mà dùng chữ Sài Gòn. Vậy mà mấy bà bán hàng, khăn nhung quần nghiêm chỉnh trên đầu, ở các con đường có đội chữ Hàng đằng trước, cứ xoắn xuýt khen lầy khen để cái giọng Hà Nội tôi đã vác đi ta bà thế giới trong ngót năm chục năm qua là đúng giọng Hà Nội xưa. Giọng Hà Nội nay có khác. Nghe lượn lờ như có thêm múi chanh trên môi.

“ Anh ơi, hôm nay rét lắm đấy. Mùoi hai độ, em vừa mới nghe đài loan báo như vậy. Anh thả bộ có được không?”

Giọng tôi nhuốm vẻ bồn chột.

“ Mùoi hai độ lặn!”

“ Anh bỏ dùm chữ lặn đi được không?”

“ Ừ thì bỏ! Em rắc rối quá! Lung anh bị sửa hoài, cứng ngắt, đi bộ ngoài đường người ta dám tưởng là hình nộm lắm đấy!”

Phương cười rúc rích bên kia đầu dây.

“ Mùoi hai độ! Bên xứ anh, âm ba mươi, bốn mươi. Cái rét Hà Nội của em ăn nhằm gì!”

“ Thôi, anh đừng nói nữa, em rùng mình. Anh ở cái nơi chốn gì mà kỳ quái. Chắc con người co rút lại chẳng nhìn thấy nhau nữa nhỉ?”

Câu nói vô tình mà hữu ý của Phương làm tôi khựng lại. Quả thật, từ khi về lại trên mảnh đất này con người tôi như trải rộng ra. Máu mủ tôi rần rần trong châu thân những người chung quanh. Tôi mềm lòng với những con người bên tôi.

Tôi thương cả những cái ranh mãnh, mảnh mung vặt vãnh của những con người mà đời sống đã đẩy họ phải lắt léo với chút lợi lộc còm cõi.

Cái rét thánng chạp của Hà Nội chỉ vừa đủ làm tôi tỉnh táo hơn khi bước chân ra khỏi khách sạn. Ngõ Bảo Khánh nằm chen chân với những con phố cổ. Tôi chọn đại một bên đầu ngõ dẫn ra một ngã ba. Quẹo phải hay trái đây? Tôi mừng tượng ra đường quẹo của chiếc xe gắn máy bụi đời của Phương. Tôi theo con đường và ngơ ngẩn trước ngã tư kế tiếp. Hàng gì đây chẳng biết? Tôi nhìn lên bảng tên đường. Hàng nào cũng đánh đố bước đi của tôi. Tôi quẹo mặt ngã tư kế tiếp. Người đi như hội. Ngoại kiều dập dìu lên xuống. Phố mang tên Hàng rất chuyên môn nhưng Hàng nào cũng toàn những cửa tiệm bán cho du khách. Cái trật tự cũ đã quá lỗi thời. Những rươi, mắm, đường, than, trống chẳng thể ngang nhiên đi vào kinh tế thị trường được. Tôi nhớn nhợ sánh vai với các khách bộ hành khác mà đầu chẳng có một ý niệm gì về phương hướng. Đi một hồi chẳng thấy tới đâu, tôi dừng bước hỏi một bà bán hàng đường đi tới nhà thờ Lớn. Cậu đi xuống hai ngã tư nữa rồi rẽ tay trái là thấy nhà thờ. Lại đi lộn lại. Phương mà biết tôi vừa ngơ ngáo ra khỏi khách sạn đã lạc lung tung, chắc cô nàng cười phải biết. Hồi sáng, Phương đã dặn đi dặn lại là nếu lạc thì gọi điện thoại ngay. Dân Hà Nội chẳng lẽ đi lạc ngay giữa Hà Nội, tôi đã vênh váo trả lời. Đại gì mà điện thoại, tôi phải cố giữ cái vênh váo vài chục phút trước. Bà bán hàng tài tình thiệt, vừa quẹo một cái là hai cái tháp chuông cổ lỗ đen đũi đã đập vào mặt!

Tôi đứng trên bực cấp nhà thờ, bên trái tôi là trường Dũng

Lạc cũ. Trường vẫn còn đó, với một cái tên mới, trường Hoàn Kiếm-Tân Trào. Hàng rào đã được xây lại, cửa sắt cao kín mít. Ngày xưa, giờ ra chơi, bàn tay tôi đã muôn lần vát vả chen lẩn thọc qua những song sắt của chiếc cửa, tờ bạc một đồng kẹp giữa hai ngón tay, tranh nhau mua cây kem mát rượi. Tôi đảo mắt qua vạt đất trước hàng rào trường. Không một bóng người. Những tủ gánh thịt bò khô, bánh tôm loẹt xoẹt tiếng kéo rao hàng đã trốn đi đâu tất cả? Tôi như nhìn thấy ông thịt bò khô hai tay hai chai xì dầu pha đường và chai dấm lợn cợn ớt có những tép tỏi trắng hấp dẫn thi nhau dốc xuống những đĩa đu đủ thịt bò bày xúm xít trên mặt gương, bà bánh tôm má hồng trên lửa cuống quít với những tiếng lao xao đòi hỏi của bày trẻ háu ăn. Chợt nhớ tới cái mảnh mua một cái bánh tôm mà lợi dụng lúc bà hàng bối rối lấy được tới hai ba đĩa rau muống chẻ ăn kênh bụng, tôi mỉm cười một mình. Thằng nhỏ khoảng mười tuổi mặc chiếc áo len sọc xanh sọc nâu ngác nhìn tôi cười góp. Tôi như thấy lại tôi mấy chục năm trước. Tôi giờ chiếc máy hình rử chụp hình chung, thằng nhỏ lác đầu bỏ chạy một mạch.

Tôi quẹo mặt theo phố Nhà Thờ. Phố xá ngày xưa yên tĩnh với những dãy nhà ở kín đáo nay nhộn nhịp những cửa hàng. Ngôi trường bà sơ giữa con phố hẹp vẫn nét na cửa đóng then cài. Ngày xưa, giờ chúng tôi tan học về cũng là giờ bày con gái trong ngôi trường này túa ra. Cái tên trường chạy đâu mất tiêu trong ký ức tôi. Tôi dừng lại trước cánh cửa sắt nhỏ xíu của ngôi trường Tây kín cổng cao tường, đứng ngẩn ngơ chôn mắt như muốn soi thấu vào bên trong. Có một thời tôi quá nhỏ trước bày con gái mượt mà sang cả,

liếc mắt thích thú nhìn những anh lớn học đòi làm những con trống, những con trống vụng về tội nghiệp!

Đường Tràng Tiền hiện ra thênh thang xe cộ lên xuống. Tôi quẹo trái ra phía Bờ Hồ. Hồ Hoàn Kiếm tôi đã làm quen lại ngay buổi chiều ngày tôi đặt chân xuống phi trường Nội Bài. Anh tắc xi chạy văng mạng đưa tôi về tới khách sạn vào buổi trưa, vất chiếc va ly vào một góc, tôi gọi ngay cho Chí. Chí là anh của bạn của Hoàng. Hoàng mới là bạn tôi. Khi tôi vất vả về được tới Saigon, điện thoại cho Hoàng, hẳn hốt hoảng. Sao ông về bất thần vậy? Tôi đang ở Hà Nội, mai tôi trở lại Saigon, tôi sẽ hù ông. Vừa tới Saigon, hình như vẫn còn say Hà Nội, Hoàng hỏi tôi có rảnh được vài ngày không? Làm chi vậy? Ông phải ra Hà Nội. Thế là tôi phải đi Hà Nội. Chỉ nội trong một buổi sáng, Hoàng lấy vé máy bay, đặt phòng khách sạn, gọi anh Chí nhờ hướng dẫn tôi ở Hà Nội, và không quên đưa cho tôi chiếc điện thoại cầm tay để dễ liên lạc. Chí tới ngay khách sạn sau cú điện thoại của tôi. Chuyện trò một hồi cũng ra được một điểm chung. Chúng tôi cùng học ở Dũng Lạc ngày xưa, Chí trên tôi hai lớp. Nhìn Chí râu ria sợi đen sợi trắng, da mặt xếp nếp, tàn nhang vất vương trên má, tôi khó tưởng tượng được tôi hai năm sau.

“ Thời thế cả anh ạ. Anh sa chân vào chỗ mát mẻ, người ngọc cũng mát mẻ. Tôi bị cột chân vào nơi bức bối. mặt mũi như bị thiêu đốt, trông chẳng ra làm sao cả.”

Tôi với tay lấy ly bia Halida cao cao trên chiếc bàn mây. Bia lạnh không đá. Ly của Chí sóng sánh hai cục đá vuông. Chí cũng nhắc ly, nhìn tôi, cụng.

“ Bỏ qua mọi chuyện đi. Mừng gặp anh, hai thằng Dũng

Lạc của cha Nguyễn Huy Mai.”

Chí hớp vội một hùm bia, khề khà.

“ Cha Mai về sau làm Giám Mục. Cha Trịnh văn Căn, anh còn nhớ không, người kế chức Hiệu Trưởng sau cha Mai, làm tới Hồng Y. Các Ngài đã về với Chúa hết rồi.”

Tôi cười khan với Chí.

“ Thì anh như vậy, tôi như thế này. Các Ngài đã tới lúc đi hết cũng là phải. Mình còn lao đao muốn đi nữa là.”

Tháp Rùa dưới nắng chiều như gằn gỏi trước mắt tôi. Liễu lê thê rũ bên bờ sạch sẽ. Ngày xưa, lúc về học, tôi vẫn cùng lũ bạn cắm cần câu bên bờ đất bắt mấy chú cá lòng tong đại đột. Chung quanh bờ bây giờ đã cần gạch thoai thoai, chỗ đâu mà cắm cần câu.

“ Anh ở xa về lại chón cũ, cũng ngót nghét nửa thế kỷ chứ ít gì, nghe mà thấy khiếp, anh thấy ra sao?”

“ Tháp Rùa coi nhỏ quá anh ạ. Tôi có cảm tưởng với tay ra là đụng được.”

Chí cười, pha trò.

“ Chắc tại bây giờ anh lớn hơn.”

“ Già hơn chứ, tuổi mình hết lớn rồi anh ạ! Mà không hẳn như vậy. Tôi nghĩ cái gì trong kỷ niệm cũng vạm vỡ hơn trong thực tế. Mình thường phóng đại, tô hồng chuốc lụy cho những kỷ niệm. Còn anh, ngồi lại với tôi trong khung cảnh cũ, anh thấy sao?”

Chí ngả người. Người anh lọt thỏm trong chiếc ghế mây rộng rãi. Mắt anh lim dim.

“ Tôi thấy cái thiệt thòi của mình. Anh nhìn lại Tháp Rùa bằng con mắt khác, tôi nhìn Tháp Rùa bằng con mắt khác.

Nó như cái gông trí trá, không những kìm giữ tôi lại, nó còn thúc đi cuộc sống của tôi mỗi ngày, cho tới khi tôi phải tự cảm thấy tôi không còn cuộc sống nữa.”

Tôi cố không nhìn thẳng vào mặt Chí. Có nỗi buồn nào đáng cho người ta muốn nhìn đâu. Tôi hát đầu ra phía bờ hồ.

“Hồi xưa anh có bao giờ ăn bánh mì ba tê của những anh nhí bán hàng chỗ này không?”

“Không, nhà tôi ở phía trên phố cổ nên ít la cà ở chỗ này. Hồi đó anh ở đâu?”

“Gần chợ Hôm.”

“Vậy thì đi học anh phải ngang qua đây hàng ngày rồi.”

“Chỗ này là đất của tôi mà! Để tôi kể anh nghe. Chỗ này là chỗ buổi sáng tôi thường mua bánh mì ba tê. Ngày xưa, nơi đây chỉ có cỏ với cây, làm gì có quán giải khát như thế này. Thằng nhỏ móc chiếc bánh mì nhỏ bằng bàn tay con nít ra khỏi chiếc bao tải. Nóng hôi hổi. Một lát dao rạch dọc, nhét vào một lát ba tê mỏng như lá lúa, xục xục chiếc lọ muối tiêu. Vậy mà ngon thâu trời anh ạ. Nhất là những bữa trời lạnh như ngày hôm nay.”

“Thú nhỉ! Tôi chỉ biết những hàng nổi tiếng hơn. Như ông Tàu bán phát xa ở phía bờ bên kia.”

Tôi theo ánh mắt của Chí bắt gặp chiếc công gạch vuông vức. Giọng tôi như reo.

“Tôi vẫn còn nhớ mặt mũi ông ta! Nếu bây giờ ông ấy đi ngang đây, tôi có thể ra nắm áo ông ấy mà không sợ nhầm. Cặp kính gọng đen xộc xệch, đôi mắt hấp háy kèm nhèm,

cái miệng lúc nào cũng nhe ra như cười mà không phải cười, hàm răng cái mả có mấy chiếc răng của to bản, cái dáng ngồi co ro và bàn tay gian xảo. Anh có nhớ cái bàn tay ra tiền đó không? Bàn tay thọc vào túi lạc rang nóng ròn một cách mạnh bạo, trông như có thể rút hết lạc ở bên trong, nhưng khi rút ra thì chỉ có mấy hạt lạc dính theo mấy đầu ngón tay chụm hờ vào nhau. Nhả vội mấy hạt lạc vào chiếc sâu kèn quần bằng giấy báo kín mít. Ba cái bốc như vậy, ấn tay cho kín cái đầu sâu kèn, trao cho khách và xòe rộng bàn tay nhận tiền. Có nài ni thêm thì cái bốc bắt đắ dĩ còn tệ hại hơn nữa. Vậy mà cứ xúm nhau vòng trong vòng ngoài chờ tới lượt mua.”

Chí rung đùi cười khoái chí.

“Cái mùi húng liu thấm vào từng hạt lạc bắt hủ thật!”

Tôi nuốt nước miếng.

“Nhất là những ngày trời mưa lạnh, ông Tàu ngồi vào trong chiếc cổng gạch bốn bề hở toang để trốn mưa và gió, mình đứng run run chờ gói lạc, nắm được chiếc sâu kèn, hơi ẩm tỏa ra trong lòng tay, đã cách gì đâu!”

Tôi lang thang qua chiếc cổng gạch rêu phong. Nó có cũ thêm chút nào không? Tôi sờ tay vào lớp vôi sứt mẻ. Tôi mừng tượng ông già Tàu ngồi trong đó. Chiếc cổng như vẫn vậy. Nó đã rêu phong tới mức không thể rêu phong thêm. Tôi đang chạm tay vào quá khứ. Nổi tê dại làm tôi ngây ngất. Tôi quay người lại khi nghe tiếng đặng háng vọng lên từ phía sau.

“Đôi tiền không anh?”

Chị đàn bà mặc chiếc áo dạ dài phủ gần hết chân nhìn

tôi chờ đợi. Nụ cười vẽ vội ra trên môi nằm cứng trên mặt. Tôi lắc đầu.

“ Không, chị ơi.”

“ Em đổi giá nói hơn ở ngân hàng mà anh.”

Tôi lại lắc đầu.

“ Anh đổi giùm em đi. Từ sáng tới giờ chưa được mỗi nào.”

Tôi lắc đầu, rảo bước, lòng phân vân không hiểu sao chị đổi tiền lại biết tôi có đô la. Tôi phì cười nhìn xuống quần áo mình. Chúng đã mách lẻo nhiều chuyện. Liếc nhìn thấy nhà Gò Đa cũ nay đã lột xác thành Trung Tâm Thương Mại Tràng Tiền ở phía bên trái, tôi thẳng bước. Phố Huế đây rồi. Xuôi xuống tới chợ Hôm là nhà tôi. Phố phường rộ ra buôn bán. Ngày xưa đâu có lăm cửa hàng như thế này! Cảnh vật có lạ nhưng tôi thấy rõ ràng thiếu một cái gì rất thân quen. Lặng nghĩ một hồi, tôi mới nghiệm ra chiếc xe điện xưa leng keng kéo chuông giữa lộ nay đã biến đâu mất chẳng còn dấu tích. Ngày xưa, hai buổi đi học về học, chiếc xe điện vẫn là trò chơi thú vị của chúng tôi. Khi nhảy đổi tàu từng trạm dừng, khi luôn lách từ toa này qua toa khác, lũ học trò chúng tôi thích thú chơi trò cút bắt với mấy ông soát vé. Những đôi chân thoăn thoắt nhanh như sóc của chúng tôi bao giờ cũng làm tức giận các ông đội mũ kê pi mặc áo trắng. Có bao giờ mấy ông ấy thu được tiền vé của chúng tôi đâu!

Chiếc điện thoại trong túi quần quần quai rung lên. Tôi bấm nghe. Tiếng Hoàng vang vang.

“ Ông đang ở đâu vậy?”

“ Tôi đang đi trên phố Huế.”

“ Ông đi đâu vậy?”

“ Tôi tìm về nhà cũ của tôi.”

“ Ông đi với anh Chí hả?”

“ Không, tôi đi một mình.”

“ Vậy anh Chí đâu?”

“ Anh ấy bị cái rét Hà Nội đánh gục rồi. Mới đi với tôi một buổi, anh ấy lạnh quá không chịu nổi,”

“ Rồi làm sao?”

“ Ông khỏi lo. Anh Chí của ông đang hoảng lắm. Anh ấy sang tôi cho cô cháu con người bạn của ông ấy rồi.”

“ Số ông lạ nhỉ!”

“ Lạ là sao?”

“ Là hay hay. Kỳ này ông về lại Saigon, tôi phải vạch tay ông ra coi cái chỉ tay ông nó chạy loạng quạng ra sao mà cứ chỗ nào có hoa đào là tấp vào như vậy!”

“ Nói bậy nào! Cháu chắt ấy mà!”

“ Ông thì cháu chắt chòng chắt! Thôi, không tán nhảm nữa. Tôi sẽ gọi ông sau.”

Bỏ chiếc điện thoại nhỏ xíu vào túi lại, tôi nhớ cái giọng nhẽo nhệch thăm khở của Chí. Mới bảy giờ sáng, còn nằm nướng trên giường, tôi đã choàng tỉnh với cú điện thoại sớm sủa.

“ Allô!”

“ Tôi Chí đây anh. Đêm qua anh ngủ ngon không?”

“ Ngủ được anh ạ. Cám ơn anh. Di chuyển suốt ngày mệt nên nằm xuống là làm một giấc chẳng biết trời trăng chi cả.”

“ Anh khỏe thật. Tôi bết bát hơn nhiều. Tôi bệnh rồi anh ơi.”

Mấy tiếng ho phụ họa cho cái giọng khàn khàn đục đục.

“ Chết chữa! Chắc tôi lòi anh đi nên anh bệnh. Trời lúc này đang lạnh, gió máy độc địa.”

“ Không phải tại anh đâu. Tại cái thân rệu rạo của tôi đây. Chắc tôi lết đi với anh không nổi rồi. Nhưng tôi đã nhờ được cô cháu của một anh bạn đưa anh đi. Anh muốn đi đâu cứ nói với cháu. Con bé làm ở một công ty du lịch nên chắc biết nhiều hơn tôi. Chút nữa con bé sẽ tới gặp anh nhé. Chúc anh vui với Hà Nội. Của anh!”

Con bé cao như một người mẫu. Tôi đã thuộc loại cao mà Phương chẳng chịu nhường tôi phân nào. Mà không hề ăn gian nghe! Giày đế phẳng, tóc không uốn rẽ ngôi giữa nằm sạt sạt trên đầu. Người kín bung trong chiếc áo giả da nâu, áo len tím cao cổ, khăn choàng nửa nâu nửa đen kéo sát lên tới miệng, đôi găng len sậm màu và chiếc mũ len chỉ để lộ ra mái tóc dài. Dân Hà Nội phòng thủ kỹ thật!

Vượt qua tấm cửa kính rộng của khách sạn, Phương nhìn tôi đang ngồi chờ. Cười gượng. Vừa run vừa nhẩy nhẩy chống rét. Chờ cho bài nhẩy vãn, tôi mới hỏi.

“ Cô Phương phải không?”

“ Vâng ạ. Đề em xếp chương trình đi với anh nhé. Anh đã đi được những đâu rồi?”

Thật là chuyên nghiệp! Nhưng cách nói và cử chỉ của Phương cho tôi cái cảm tưởng không phải mới biết nhau lần đầu. Chẳng cứ Phương. Dân Hà Nội bây giờ hình như ít hình thức hơn. Cứ em em anh anh vô tư. Có lần Phương nói chuyện với một anh lái xe hợp đồng với công ty du lịch nơi Phương làm việc. Phương tự nhiên em anh. Anh lái xe cũng

anh em mềm mỏng. Khi anh lái xe đi, hỏi Phương, Phương tự nhiên. Không, em gặp anh ấy lần đầu đấy chứ! Tôi cứ phân vân không hiểu tại sao người ta có thể phí phạm lối xung hô thân mật thường chỉ dành cho những người thương đến như vậy.

Tôi ngơ ngáo trên những thước vỉa hè cũ. Nhìn lên bảng tên đường tôi giật mình. Phố Hàng Bài. Mình đi lạc rồi sao? Tôi nhìn quanh. Chỗ này phải là rạp chiếu bóng Ciro's chứ. Chẳng có dấu vết gì của một rạp chiếu bóng! Cửa hàng vẫn san sát chen lấn nhau. Chắc lạc thật rồi. Tôi hỏi bà cụ bán hàng bên lề đường. Đây là Phố Hàng Bài, cậu cứ đi thẳng xuống, không rẽ chỗ nào hết, là tới Phố Huế. Tôi cảm ơn mà lòng vẫn phân vân. Cái tên Hàng Bài không có chỗ trong ký ức của tôi. Con đường này tôi đã hai buổi đi về trong bao nhiêu năm, làm sao mà lầm được. Đi một quãng, tôi gặp một trại lính. Ký ức tôi bừng dậy. Trại lính Bảo Chính Đoàn rồi Đệ Tam Quân Khu ngày xưa đây. Những buổi sáng đi học, tôi thường gặp ban quân nhạc từ cổng trại này ra đường đi tập. Cả trăm người hàng ngũ nghiêm chỉnh, kèn trống rền trời mà lũ chúng tôi chỉ hứng thú đi theo hai hàng cuối, nơi có những chiếc kèn đồng bóng loáng to lớn che kín mít ông lính thổi kèn. Những tiếng ùm ụp phát ra từ những chiếc kèn ngoại khổ giữ nhịp cho ban nhạc làm thích chí đám con nít chúng tôi. Mong ước của chúng tôi lúc đó giản dị lắm: lớn lên đi lính thổi kèn to. Thôi như thế mới là thôi chứ!

Ngôi trường Nguyễn Trãi xưa nay vẫn là trường học. Nhưng bên kia đường, rạp chiếu bóng Majestic nay đã được xây lại mang tên Rạp Tháng 8 đang chiếu phim The Quiet

American. Tôi đứng lặng nhìn qua. Lũ nhóc chúng tôi ngày xưa lẳng xăng chạy đi kiếm cho được những tờ chương trình phim đang chiếu để bỏ vào bộ sưu tập. Xin ở quầy bán vé, ai mà cho. Phải len lỏi xin những khán giả đã đọc xong lơ là cuộn tròn trên tay hay lượm những tờ người ta vứt dưới đất. Tôi nhớ tới Trần, với cái trán to qua khổ mà chúng tôi thường gọi xách mé là quái thai, người có trí nhớ tuyệt vời. Chỉ đọc qua truyện phim trên tờ chương trình một lần là Trần có thể gấp lại, đọc thuộc lòng vanh vách không sai một chữ.

Bảng tên đường trên ngã tư kể tiếp làm tôi thở phào. Rõ ràng chữ Phố Huế. Con đường cắt ngang: Phố Hàm Long. Gần tới nhà tôi rồi. Hiệu sách Bình Minh thân quen, nhỏ xíu ngày xưa với bà bán sách đẹp kiều sa, hình như là bà Hồ Dzếnh, nay chói chang ánh đèn của một tiệm bán kính đeo mắt thời trang. Hiệu kem Cẩm Bình kể đó đã mất dấu. Những que kem còn thờ khổi rút từ những chiếc khuôn lạnh ngắt ra còn làm nước miếng tôi kéo kín miệng. Kem đậu xanh đã ngon mà kem xúc cù là cũng tuyệt diệu không kém!

Chân tôi như có động cơ. Càng gần tới nhà, đôi chân càng cuống quýt. Chợ Hôm bên kia đường không gọi được một nét quen thuộc nào ngôi chợ Hôm của tôi. Đâu còn chiếc hàng rào chợ cũ rích, đâu còn những gánh hàng lê lét trên vỉa hè trước chợ, đâu còn những chú bé len lỏi chào mời mua thơ Nguyễn Bính, đâu còn những đôi chân khăng khiu thoăn thoắt di chuyển của những em nhỏ bán báo Cậu Ấm Cô Chiêu, Khỏe hay những tập truyện kiếm hiệp 16 trang ra hàng ngày.

Ngã tư Trần Xuân Soạn. Mắt tôi như mờ đi. Tôi đang

đứng trước rạp chiếu bóng chuyên chiếu phim Tàu. Tên rạp là gì nhỉ? Trí nhớ tôi lại loạng quạng. Chỉ nhớ được là tôi đã từng xốn xang đêm từng ngày rạp sẽ khai trương với phim Hòa Thiêu Hồng Liên Tự có cảnh các hiệp sĩ đặng vân. Mây trôi, gió cuốn ào ào, áo quần các hiệp sĩ bay phất phới mà ông quay phim lại lỡ tay quay xuống quá thấp làm khán giả thấy cả bức tường mà các hiệp sĩ đang đứng vững vàng trong khi đặng vân! Rạp nay đã thành tiệm bán áo cưới rộng mênh mông. Các hiệp sĩ ngày nhỏ của tôi nay đã di tản đi đâu?

Tôi như người mộng du rẽ trái theo đường Trần Xuân Soạn. Xe cộ tấp nập, vỉa hè kín mít người. Tôi chong mắt nhìn về phía trước. Nhà tôi đó, nằm ngay góc ngã ba Phùng Khắc Khoan. Chân tôi như muốn vấp ngã. Tôi đã quá gần nơi chốn ấu thơ vẫn đậm nét trong trí tôi những ngày xa Hà Nội. Tôi len lỏi giữa dòng người lên xuống tấp nập. Mắt tôi choáng lên với những cửa hàng vải. San sát nhau toàn cửa hàng vải. Vườn trước nhà tôi nay cũng đã rào dậu thành hai cửa hàng vải. Tôi đứng lặng trên ngã ba đường. Cả con đường Phùng Khắc Khoan nay là chợ vải. Vải tràn lan trên hai lề đường. Tôi nhớ lại hai bên vỉa hè đất ngày xưa vắng lặng, nơi chúng tôi mài mê suốt ngày bắn bi, đánh đáo, đánh khăng, chơi quay... Đất thánh của tuổi thơ tôi. Mắt tôi hoa lên vì tức. Người ta đã ăn cắp vỉa hè của tôi. Tôi ngậm ngùi trước nhà cũ. Ngọt nửa thế kỷ lưu lạc, tôi mới trở về. Tôi có phải khóc không nhỉ? Mắt tôi khô đi vì xúc động. Tôi đứng lặng người. Hình ảnh những ngày cũ quay mòng trong chiếc đầu đã hai thứ tóc, những sợi tóc bạc mầu nhưng nhớ năm lần lượt những sợi tóc ngày xanh.

Thấy cánh cửa bên hông nhà để ngỏ, tôi bước vào. Ba cửa phòng công ba chiếc khóa to bè bè. Chiếc cầu thang lên lầu nhóp nháp. Những lớp đất lưu cữu bám chặt vào từng bậc thang mà màu xanh đá mài còn bóng loáng trong tôi. Tôi bước lên thang không dám vịn vào tay cầm. Khoảng tiền sảnh rộng rãi trên lầu dẫn vào cửa ba căn phòng khác cũng nhóp nhúa. Những viên gạch bông nhiều màu sắc nay chỉ còn một màu xỉn ảm đạm. Lại ba chiếc khóa nằm lủng lẳng trên ba cửa phòng. Tôi theo hành lang cạnh cầu thang xuống nhà sau. Sân chơi trên nóc nhà để xe đã được xây kín mít thành một căn phòng khác. Tôi lặng người, nhìn lên, nhìn xuống. Đứng mãi cũng chẳng thấy bóng người. Chẳng có ai để tôi hỏi han. Đứng chán, tôi quay ra cửa. Nhà để xe ngày xưa nay cũng là một tiệm vải. Tôi hỏi thăm mới biết nhà nay có tới mười hộ chia nhau ở, mỗi hộ một phòng. Cửa nẻo, cầu thang, hành lang nay là chốn công cộng chẳng ai ngó ngang tới. Ông chủ tiệm vải vui tính, biết tôi ngày xưa ở đây, đã dẫn tôi vào góc nhà, nơi đặt đồng hồ điện, bảo tôi nhìn kỹ đi. Tấm bìa ghi số điện tiêu thụ treo bên cạnh đồng hồ vẫn còn mang tên ba tôi. Ông cười trước bộ mặt ngẩn ngơ của tôi. Đồng hồ nước cũng vẫn còn để tên ông cụ đấy!

Ra trước nhà, tôi bâng khuâng ngó quanh, lòng rối bời. Có thực tôi đang dẫm lên những thước đất của thằng bé ham chơi nhếch nhác ngày xưa vẫn chạy nhảy không? Chiếc điện thoại trong túi lại lờng lộn như cá quẫy.

“ Em, Phương đây anh. Anh đang ở đâu vậy?”

“ Anh đang đứng trước nhà cũ.”

“ Chết cha! Em phen anh có được không? Sợ anh đang

bạn cảm động!”

Tiếng cười bong bong trong tai tôi. Phương có tiếng cười xổng xênh. Chữ “xổng xênh” tôi mới nghe được ở Hà Nội, chẳng biết dùng có đúng chỗ không. Tôi thích chữ này vì âm thanh tượng hình của nó. Nghe như lơ lửng, buông rơi. Chờ cho Phương dứt tiếng cười, tôi mới nói.

“Này, cô bé, không ai có quyền cười trên sự cảm động của người khác đấy nhé!”

“Mà em lỡ cười rồi, thu lại làm sao được. Em đến đón anh nhé?”

“Ừ. Em đến đi. Anh chờ em trước cửa nhà.”

“Anh vẫn còn đang cảm động phải không? Nhà anh chứ có phải nhà em đâu mà em biết. Nhà anh ở đâu mới được chứ?”

Tôi ngớ ra, cười trừ.

“Em tinh quái quá đi! Nhà anh ở góc đường Trần Xuân Soạn và Phùng Khắc Khoan. Em tới cứ vạch vãi ra là thấy anh.”

“Sao lại vạch vãi? Thế anh nài nịt kỹ càng lắm à?”

“Không, chung quanh anh toàn tiệm bán vãi. Anh đang đứng trên lề đường chen vai thích cánh với vãi đây này.”

“Ồ, chỗ chợ vãi! Em biết chỗ đó rồi. Con gái mà anh! Vậy mà từ sáng tới giờ em cứ sợ anh đi lạc, hao mất mấy cân thịt rồi đó!”

“Ồi dào! Em cũng biết điều ra phết đấy nhi!”

“Ồi giời ơi! Ai ngờ anh nói được đúng tiếng Hà Nội như thế! Anh ơi, còn sớm, em tới đón anh rồi mình đi thăm Lăng bác anh nhé.”

Lần này là lần thứ ba, Phương dục tôi đi thăm Lãng. Lần đầu, khi Phương chở tôi đi ngang qua. Đang từ phố cổ chật chội, đi ngang Lãng thấy nghênh ngang chiếm nhiều chỗ quá. Lần thứ hai, khi tôi mua tượng Chùa Một Cột bằng đá trong khu bán đồ kỷ niệm nơi Đền Ngọc Sơn, cầm tượng Chùa trên tay, tôi chột muốn đi thăm Chùa. Phương vội bảo muốn đi thăm Chùa phải vào qua Lãng. Tôi lơ đi. Tôi nhìn thẳng vào mặt Phương. Làm sao có thể nói cho em hiểu là con người không thể nên thánh bằng cách mạnh bạo đấm mình theo con đường trần tục, rất trần tục.

“ Thôi, để khi khác. Anh muốn đi tìm vài người bạn cũ ở quanh đây.”

Tiếng Phương lỏng le.

“ Vậy cũng được. Tùy anh.”

Phương tới khi tôi vẫn còn nghênh cổ nhìn vào ngôi nhà cũ. Chắc đã lâu, tòa nhà không biết mùi vôi vữa gì. Hai tấm hoa văn trắng chạy dọc từ trên xuống lấy gió và ánh sáng cho cầu thang nay đen đũi thảm hại. Chấn song sắt trên các cửa sổ nhìn ra đường vẫn là chấn song xưa nay đã bị thời gian gặm nhấm lồi lõm. Những cánh cửa vênh vào, sút mẻ, tróc sơn không biết có còn đóng kín lại được không?

Phương đứng bên tôi, ngắm tòa nhà, giọng e dè.

“ Nhà anh đây hả?”

Tôi gật đầu không nói gì. Phương dựa tay lên vai tôi, ghé sát tai nói nhỏ.

“ Anh là con địa chủ!”

Tôi quay phắt người lại. Phương buông tay khỏi vai tôi, đứng sững. Tôi nhìn chăm chặp vào mặt Phương. Khi chiến

tranh kết thúc, Phương còn chưa tượng hình trong bụng mẹ. Em học ở đâu được cái danh từ tưởng đã phải bị chôn vùi với thời gian từ lâu rồi. Mắt tôi chắc lụ lẫm. Tôi thấy vẻ sùng sốt trên mặt Phương. Khấp người tôi ớn lạnh trước giọng nói nhõn nhơ của em. Mặt Phương bỗng giãn ra. Miệng em nhếch lên bày ra một nụ cười bằng hai hàm răng muối mát. Cũng may! Phương có nụ cười hiền, thật hiền.

2/2003

NHẢY CHÂN SÁO

Cô bé có khuôn mặt chẳng lấy chi làm bắt mắt nhưng ánh lên rõ ràng cái duyên hình như được chôn ngậm dưới một đồng tiền bên má trái. Một đồng tiền lẻ. Lẻ như cô đang bị nuốt chửng giữa một bày du khách ngoại quốc dềnh dàng to béo đang vòng trong vòng ngoài vây lấy cô. Mấy chục cặp mắt đăm đăm nhìn cô, mấy chục cặp tai nghênh lên hút những lời nói khi to khi nhỏ đang trào ra từ cái miệng thao thao của cô. Đoàn chen chân vào đám thịt thà thừa mứa được gói ghém trong những manh quần tằm áo tuệch toang của đám du khách chỉ chú trọng tới sự thoải mái vui chơi. Phiến đá cao dưới chân làm Đoàn ngang vai với những thân người ô dề chấp Đoàn cả vài chục cái vạch trên bàn chân. Tiếng nói lãnh lớt Đoàn nghe rõ mồn một mà chỉ bắt được những âm

thanh trầm bổng. Quen thì có quen đó, nhưng ý nghĩa của những âm thanh quen thuộc này thì Đoàn bù trất. Trước kia, hồi còn là sinh viên, Đoàn cũng có học qua vài lớp tiếng Đức, nói thì võ vể, viết thì nhăng cuội, đọc thì ầm ờ nhưng thích thì thích lắm. Thế nên, lang thang giữa các nhóm du khách, chỗ tiếng Pháp, chỗ tiếng Anh, chỗ tiếng Hoa, chỗ tiếng Nhật, chỗ tiếng Tây Ban Nha rải rác từng đoàn trong hang Sừng Sốt này, Đoàn sà ngay vào những âm thanh của thời sinh viên. Chỉ để nghe cho đã tai. Cô bé nói một thôi một hồi rồi dừng lại, dắt đám du khách tới một nơi khác. Đoàn người khoảng ba chục cái đầu lênh khênh trên những thớt thịt bò mộng ngoan ngoãn đi theo cái dáng loắt choắt đầu một cái mũ cối, thân một chiếc áo bạc màu, một chiếc quần đin bạc phếch không kém, thòng thêm một chiếc áo len quần kín ngang hông được cột thắt hai tay áo thành một nút to bụ trước bụng. Chiếc ba lô nhếch nhác, méo xẹo trên lưng như muốn vùi dập tằm thân mảnh dẻ chúi về phía trước. Đoàn chụch choạng đặt chân lên những phiến đá làm thành những bậc thang lúc lên lúc xuống. Hang mờ mịt trầm trầm như một thế giới không có thật. Những ngọn đèn nhỏ nằm bên những bậc thang hắt ra một thứ ánh sáng nhợt nhạt lên lối đi. Từng ngọn đèn pha dẫu trong vách đá chiếu những vệt sáng lên những quần thể đá tạo thành những hình thù lạ mắt. Thỉnh thoảng một lỗ hồng trên trần hang bày ra những đám mây xanh ngắt vời vọi trên cao như phô bày một thế giới khác, khoảng khoát, vời vọi, xa cách. Nước luồn lách giữa những tảng đá nằm chênh vênh như sẵn sàng đổ xuống bất cứ lúc nào. Thiên nhiên phơi ra bộ mặt nghịch ngợm

quyến rũ mà con người chỉ dám trau chuốt bằng những tay vịn mỏng manh dọc theo lối đi, những thùng rác hình cá cùng chim đang há miệng đón chờ rác và những vệt ánh sáng ơ hờ được dấu khéo léo trong những hốc đá. Những giọt đèo của thiên nhiên qua bao chu kỳ thời gian làm Đoàn vẫn vor nghĩ ngợi. Anh cảm thấy nhỏ bé trong bàn tay của Con Tạo.

Đoàn khách dừng chân nhanh chóng quây thành một vòng tròn chung quanh cô bé chân vừa ngưng miệng liền bắt đầu nói. Tay cô uốn éo chỉ lên chỉ xuống kéo theo những cặp mắt rộng mở ngắm nhìn. Đoàn cũng quay ngang quay ngược, lúc để mắt vào vách núi, lúc ngược lên cao nhìn những chạm trở không hình thù trên trần hang. Những âm thanh xô đẩy trong tai mà đầu óc anh chẳng bắt được những tín hiệu thoát ra từ giọng nói được không gian chật hẹp trong hang khe khẽ lập đi lập lại. Những tiếng cười, những ngạc nhiên ồ à, những cái chắc lưỡi suýt soa của đám du khách làm Đoàn như lạc ra khỏi bầu. Cặp mắt cô bé xoáy vào Đoàn như khó chịu trước một sinh vật thừa thãi. Đoàn thấy nhột nhạt nhưng bước chân vẫn cứ lẻo đẻo len lách vào nhịp bước của đám du khách. Cái dáng vừa đi vừa dậm chân mang vẻ tức tối của cô bé làm Đoàn thấy mát bụng. Những điểm dừng chân tiếp theo sau đó, giọng nói của cô bé hơi thiếu tự nhiên, vẻ mặt nặng nề như đang vác một ba lô bực bội trên lưng.

Đoàn du khách chui ra khỏi hang, ngồi nghỉ ngơi giải khát trên triền đảo. Quầy bán đồ kỷ niệm đông nghẹt người vây quanh. Đoàn mua một chai nước, ra ngồi trên băng ghế gỗ sát lan can phía bờ nước. Cô bé vừa ngậm chiếc ống hút cắm vào một lon nước ngọt vừa xông tới bên Đoàn. Cô thả ra

một tràng tiếng Đức. Đoàn ngậy người như nghe một tràng sấm lùng bùng trong tai. Miệng anh cố nở ra một nụ cười vu vơ. Cô bé xẵng giọng.

“Verstehen Sie?”

Anh có hiểu không? Làm gì mà không hiểu câu hỏi nhỏ nhỏ này. Nó nằm trong mớ chữ còn rớt lại sau những năm uồn lười vắn vẹo tập nói một thứ tiếng phát âm thật vất vả. Anh lắc đầu. Định trả lời một câu tử tế đúng theo văn phạm nhưng anh chịu thua. Miệng cô bé chu lại tức tối. Màu nước cam vàng trong chiếc ống hút trắng nhờ cuống quít kéo nhau chạy lên miệng cô bé. Nhả chiếc ống hút ra, cô bé gằn giọng thăm dò.

“Anh nói được tiếng Việt không?”

Giọng nói hơi ngả về âm hưởng tiếng Đức làm Đoàn thấy tức cười.

“Tiếng Việt của cô vui nhỉ!”

Mắt cô bé quắc lên. Đoàn nghĩ là lon nước dấm bay vào mặt mình lắm. Cô bé bĩu môi.

“Vậy mà bày đặt theo nghe tiếng Đức. Có hiểu được chút nào không?”

Đoàn khoái ngậm trong bụng, ồm ờ.

“Cần gì hiểu, cứ thấy cái miệng nói tiếng Đức là vui rồi.”

Cô bé liếc xéo. Mắt như cong lên.

“Vui gì lảng xẹt!”

“Sao lại lảng xẹt? Tôi đã từng học tiếng Đức, nghe thấy âm điệu trầm bổng vẫn cứ thích, theo nghe ké được không?”

Cô bé dịu lại. Mặt giãn ra một chút.

“ Học tiếng Đức ở đâu vậy?”

Đoàn dấm dăn.

“ Ở Mỹ.”

“ Thích sao không học cho tới nơi tới chốn?”

“ Giờ đâu mà học! Mà sao cô nói tiếng Đức hay vậy?”

Cô gái ghéech mặt, cười.

“ Ở Đức không nói tiếng Đức thì nói tiếng gì? Tiếng Mỹ hả?”

Cái giọng đanh đá làm Đoàn thấy tức cười. Anh chọc.

“ Nói tiếng Việt. Ở Đức mà sao rành tiếng Việt vậy? Bộ ở trường người ta có dạy tiếng Việt hả?”

“ Ai dạy? Người Việt thì phải biết tiếng Việt chứ!”

Thấy cái giọng muốn đòi co, Đoàn thích thú.

“ Biết sơ sơ thì có thể. Nhưng rành đến có thể cãi lộn được thì hơi lạ à! Về ở Việt Nam được bao nhiêu năm rồi?”

Tay chỉ vào ngực, mặt cô bé gân lên.

“ Đây nói tiếng Việt từ nhỏ ở bên Đức chứ không phải học ở đây đâu. Mới về Việt Nam được hơn một tháng thì học hành cái gì!”

Đoàn thấy cô bé hay hay, nổi tính tò mò.

“ Về làm gì vậy?”

“ Chơi!”

“ Chơi sao làm hướng dẫn viên?”

“ Hết tiền thì phải làm kiếm tiền chứ sao.”

“ Đi chơi mà hết tiền!”

Mặt cô bé lại gân lên, tay vỗ vào chiếc ba lô trên vai.

“ Chơi kiểu bụi mà! Tới đâu kiếm tiền tới đó. Lạ lắm

hả?”

Đoàn nhếch miệng cười nhạt.

“Ồ, hóa ra là Tây ba lô!”

Cô bé hóm hình.

“Ta ba lô chứ ! Tây cái gì!”

Cô quay ngoắt đi, vỗ vỗ tay làm hiệu, nói một tràng tiếng Đức với đoàn khách. Mọi người lục tục bước xuống chiếc cầu gỗ ra bến tàu.

Tàu cặp kè nhau san sát trên bến, chiếc nọ làm cầu cho chiếc kia. Đoàn người kéo nhau nhảy từ tàu này qua tàu khác. Cứ chuyển đi như vậy cho tới tàu của mình. Chiếc tàu của đoàn du lịch Đức nằm mãi ngoài xa. Đoàn ghé qua tàu của anh, bảo bác tài công anh về theo tàu khác, rồi vội vàng nhảy chuyển trên từng chiếc tàu theo kịp đám ló nhố phía xa. Đoàn du khách đầy sức nặng làm nghiêng những chiếc tàu vốn đã chao đảo dập dềnh trên mặt nước. Nhìn thấy Đoàn loi choi giữa đám khách trên tàu, cô bé giả bộ ngó lơ. Tàu rúc còi rời bến. Những vạt nước biển xanh rì xô giạt theo thân tàu. Đám du khách kéo nhau lên đứng trên boong nghe cô bé dẫn giải về những hòn đảo tàu đang lướt qua. Cái miệng thao thao tiếng Đức nói không kịp thở. Đoàn chen chân đứng sát bên cô bé vênh tai nghe như nghe tiếng gió. Con gió tiếng Đức bao giờ cũng kết thúc bằng cái miệng vênh vào dí sát vào tai Đoàn nói khẽ tên tiếng Việt của những hòn đảo. Phụ Tử. Ba Trái Đào. Tháp Bút. Gà Chọi... Đoàn chẳng nhìn ra hình chú gà chọi. Chắc cần phải thêm rất nhiều óc tưởng tượng vào. Đoàn bây giờ như ngại tưởng tượng. Anh đang sống với cái thực trước mặt. Anh cười nhạt vào mặt cô bé.

“Trông có giống gà chọi gì đâu!”

Cô bé nguýt bằng mắt, tức tối bằng giọng nói.

“Anh cứng đầu!”

Đoàn thích thú đã chọn cho cô bé xăng xái này nổi giận được. Những hòn đảo tàu lướt qua sau đó thiếu phần phụ đề tên tiếng Việt cho Đoàn. Tàu cặp bến. Bác tài công ngồi trên chòi lái căng mặt điều khiển cho tàu len vào giữa những thân tàu đã ngủ yên trên bến từ trước. Mấy anh trai trẻ phụ tàu vội vàng chống hai bên thân tàu cho lọt thỏm vào giữa khoảng trống sát sao dành cho tàu. Tiếng hò hét cột neo vang động cả khu bến tàu. Đám du khách hớn hở đu đưa theo tàu như bày trẻ được chơi trò chơi vừa ý. Tàu yên vị. Vài thanh niên đứng giong tay kéo từng người khách lên bờ.

“Đi uống cà phê không?”

Cô bé ngược mặt nhìn Đoàn, xốc lại chiếc ba lô trên lưng.

“Đi thì đi! Nhưng phải lùa xong cái đám này lên xe đã.”

“Ừ! Cho bò về chuồng rồi mới đi chơi được chứ.”

Cô bé nhìn đoàn khách đang nhấc từng bộ môn nặng nề leo lên bực thang chiếc xe buýt dài, quay lại cười với Đoàn. Đếm đủ số khách, giao lại cho hướng dẫn viên trên xe, cô bé thở một hơi dài.

“Đi đâu?”

Đoàn ngó ra. Anh mới chân ướt chân ráo tới đây hồi sáng, có biết mô tê gì đâu. Anh nói trớ.

“Hướng dẫn viên mà hỏi đi đâu! Nghe không nghe nghiệp chút nào hết.”

Lại xúc chiếc ba lô trên lưng, giọng chắc nịch.

“ Lại Trung Nguyên! Gần đây thôi, đi bộ cho khỏe chân.”

Quán nằm bên bờ biển, bốn bề bỏ trống cho gió thông thả vào ra. Những giây đèn xanh đỏ trên trần bằng ván để mọc nhiều chỗ thông xuống như sắp rớt. Những chùm hoa giả cài đây đó như đã lâu không được chăm sóc. Chiếc quầy tính tiền giữa phòng lờ lợt một cách thái quá.

“ Hai phin đen. Hai đĩa bánh su sê!”

Cô bé trả lời anh phục vụ, chẳng thêm hỏi ý kiến Đoàn. Chờ cho anh phục vụ quay đi mới giải thích.

“ Vào đây không uống cà phê, quê lắm!”

“ Còn bánh?”

“ Hơi tẻo ngoe một chút. Nhưng bánh ngon lắm, bỏ qua không đành lòng.”

“ Xong rồi. Nói chuyện khác đi.”

“ Chuyện gì?”

“ Chuyện gì vui là được.”

“ Nói mấy tiếng đồng hồ môi miệng rồi. Bây giờ thích nghe thôi.”

“ Cũng được. Chịu khó nghe đỡ tiếng sóng biển đi.”

Trời đứng gió. Sóng rì rào nhẹ nhẹ. Lăn tăn những vệt trắng đuổi nhau trên làn nước xanh. Đoàn kéo ghế xa bàn, đuổi đôi chân cho thoải mái. Cô bé tụt đôi giày, ngo ngoe những ngón chân tù túng trong vớ, mắt nhắm lại ngoi ngoi. Đoàn cũng nhắm hờ đôi mắt, hỏi.

“ Rảnh không?”

“ Làm chi vậy?”

“ Chút nữa đi ăn tối.”

“ Ai trả tiền người đó nghe!”

“ Không. Bao!”

“ Ai bao?”

“ Tôi.”

“ Sang nhi? Nhưng bỏ chữ tôi đi, nghe cứng ngắc. Muốn làm anh không?”

“ Muốn là cái chắc. Anh bao nghe?”

“ Làm anh thì phải bao chứ. Còn phải hỏi! Nhưng em phải về nhà trọ tắm một cái đã, người nhớp nháp khó chịu quá. Chẳng biết giờ này còn nước nóng không, cái nhà trọ cà chớn!”

“ Về khách sạn chỗ anh mà tắm.”

Cô bé nhìn thẳng vào mắt Đoàn. Đoàn căng mắt nhìn lại.

“ Cũng được!”

“ Vậy thì đi.”

Khách sạn nằm trên đồi cao. Con đường dốc dẫn lên khung cửa gương sáng bóng rộng rãi được trải nhựa đen nhánh. Hai bên đường, những luống hoa nhiều màu sắc được cắt tỉa cẩn thận. Thảm cỏ thoải thoải chạy xuống mịn như một vạt nhung. Cô bé ngầu nghiêng từng bước lên dốc. Chiếc ba lô trĩu kéo tẩm lưng nhỏ hẹp về phía sau. Những giọt mồ hôi lấm chấm quanh mép, làm bết bết những lọn tóc mai.

“ Đưa ba lô anh xách giùm cho.”

Giọng cô bé đứt quãng.

“ Không! Em đeo nó quen rồi. Không có nó người em chắc mất thăng bằng té bở chừng ngay.”

Cô bé làm bộ loạng choạng, cười vang.

“Trông em giống con rùa đội bia ở Văn Miếu Hà Nội.”

Cô bé khuyñh tay như muốn thúc cùi chỏ vào cạnh sườn Đoàn. Anh thụt lui lại. Cô bé vươn cổ ra phía trước, cong chân dậm bành bạch, hai tay vòng vòng chậm rãi bơi về phía trước. Con rùa quay lại cười với Đoàn. Miệng tươi như một lát táo vừa lấy trong tủ lạnh ra. Đoàn chu miệng lại tum hùm như miệng rùa, tay chỉ vào miệng. Cô bé chúm miệng theo. Điệu bộ nghịch ngợm làm Đoàn tức cười.

“Anh cũng muốn thành một con rùa.”

“Anh chỉ có thể thành một con rùa dễ ghét!”

Cô bé vụt chạy lên dốc, quay đầu lại, quệt ngón tay lên môi chế nhạo, chọc quê Đoàn. Đoàn dậm chân đuổi theo. Hai người mất hút sau tấm cửa kính rộng có hai tay cầm vàng chóa.

Vứt chiếc ba lô méo xẹo xuống giường, cô bé la lên.

“Phòng anh có tới hai giường lận hả?”

Đoàn hất đầu.

“Cho em thuê đỡ một cái, chịu không?”

“Bao nhiêu?”

“Nửa tiền thôi. Chỗ quen biết bớt cho năm chục phần trăm.”

“Vẫn còn đắt. Em chả thèm!”

Cô bé mở ba lô, lục lọi một hồi, quảy quả đi vào phòng tắm. Tới cửa, cô quay lại.

“Anh không được nhìn trộm đấy, nghe không!”

Đoàn cười giỡn.

“Nhìn lên không phải nghề của anh. Nhưng không dám

hứa à!”

Cô bé giờ nắm đấm dí dí về phía Đoàn rồi chui tọt vào phòng tắm. Đoàn mở tủ lạnh lấy một chai bia ra ngoài ban công kéo ghế ngồi. Trời mát dịu. Những hòn đảo lớn nhỏ soi bóng trên mặt biển mênh mông. Thiên nhiên như xích gần vào mắt Đoàn. Khung cảnh bao la như một bức tranh quá khổ treo lủng lơ trước mặt. Những con tàu về muộn chậm chạp trôi ngang những hòn đảo. Bến tàu im ắng chen chúc những thân tàu nghỉ ngơi.

Cô bé bước ra đứng cạnh Đoàn, mát mẻ như vừa được vớt từ dưới biển lên, hai tay chọc chọc kéo toi những sợi tóc ướt nhẹ. Đoàn ghéch mặt lên.

“ Uống bia không?”

“ Không thèm.”

“ Có nước ngọt trong tủ lạnh đó.”

“ Em không khát.”

Đoàn đứng dậy, quay vào.

“ Anh đi tắm. Cầm nhìn lén đây!”

Cô bé thò chân ra phía sau, ngáng bước đi của Đoàn. Tay cô nhanh nhẹn nhéo vào cánh tay Đoàn, nghiêng răng riết giọng.

“ Ai mà thèm! Đừng tưởng bở!”

Đoàn xoa xoa vết nhéo, xuýt xoa.

“ Thì thôi! Làm hao thịt anh quá!”

Cô bé lừ mắt.

“ Đáng kiếp!”

Đoàn huýt sáo một điệu nhạc vui hòa vào tiếng nước xối xả phun ra từ chiếc vòi sen bóng lộn. Vừa tắm anh vừa nghĩ

tới cô bé. Thấy hay hay. Điệu bộ làm như dữ dằn nhưng ánh mắt toát ra vẻ thân thiện hiền khô. Anh soi gương, chải đầu, miệng vẫn không ngừng thổi ra những âm thanh réo rắt. Cô bé châm chọc.

“ Yêu đời nhi!”

“ Đời vẫn vui khi chỉ có hai người.”

Cô bé háy nguýt.

“ Thờ ăn cắp mà cũng bày đặt!”

Đoàn cười oang oang, dắt tay cô bé ra cửa. Chiếc ba lô kèn càng chằng vừa mắt Đoàn. Anh tinh nghịch hát qua hát lại. Cô bé đập vào vai Đoàn.

“ Chơi kiêu gì vậy?”

“ Kiêu dễ ghét.”

“ Dễ ghét thật chứ bộ!”

Cô bé kéo Đoàn đi qua một dãy quán ăn nằm dọc theo con đường bao quanh bờ biển. Những thanh niên, nam có nữ có, đơn đả chào mời. Bàn tay cô bé lôi Đoàn lăm lũi bước đi. Tới quán cuối cùng mới dừng lại.

“ Quán này ăn được. Ăn tôm nghe anh!”

Những con tôm lượn lờ trong bồn nước xếp thành dãy trước quán. Anh thanh niên chực chờ cầm cây vợt. Chẳng chờ câu trả lời của Đoàn, cô bé bảo vớt một chục. Những chú tôm oằn người nhảy lao xao trong vợt.

“ Anh thích ăn nướng hay hấp? Nướng ngon hơn. Nướng nghe?”

Đoàn gật đầu. Anh có chỗ nào chen được cái miệng vào đâu. Chờ tới lúc cô bé lau chén đĩa, Đoàn mới nói.

“ Em chọn quán này được. Mới nhìn qua đã thích.”

“Vậy à? Chắc anh vẫn luôn luôn nhớ em là hướng dẫn viên du lịch đấy chứ nhỉ?”

Đoàn cười khẩy, gật đầu. Anh đang chăm chú nhìn vào một đoàn du khách Tây phương chiếm trọn bộ sa lông rộng rãi cả chục chỗ ngồi nơi góc quán. Họ ồn ào nói chuyện, chọc phá nhau bằng một thứ ngôn ngữ lạ hoắc. Trên bàn, vỏ bia la liệt. Trai có gái có, tất cả đều còn trẻ, mặt mũi hồng lên niềm vui.

“Anh uống gì?”

“Bia.”

Cô bé gật ngang.

“Anh đừng uống bia. Uống theo em nhé. Cô cho hai cái soda chanh đường.”

Cô phục vụ đi rồi, Đoàn mới nhướn mắt.

“Sao em không cho anh uống bia vậy?”

“Em ghét! Ở Đức họ phanh bụng uống bia như hũ chìm. Đàn bà con gái cũng nốc từng vại bia. Trông tởm lắm! Em không muốn nhìn thấy anh uống bia. Vả lại, em sợ anh có hơi bia.”

Không có hơi bia, Đoàn vẫn lằng lằng khi dặt tay cô bé trên đường đêm. Công viên bên phía bờ biển thênh thang không một bóng người. Mùa này không phải là mùa du lịch. Bức tường của rạp múa rối nước vẽ những hình xanh đỏ loạn mắt. Cô bé quảng chiếc ba lô xuống đất, đứng khuỳnh chân trước bức tường.

“Em múa cho anh coi, thấy lúc nào duyên dáng đẹp để anh bấm máy hình chụp nghe!”

Giơ tay giơ chân khoáng khoáng mềm mại, cô bé vừa

điệu nghệ vừa long lanh cười với Đoàn. Anh nhìn thấy ngây thơ. Anh nhìn thấy nghịch ngợm. Anh nhìn thấy đại khờ. Anh nhìn thấy tươi mát. Anh nhìn thấy tinh tú. Ánh đèn lóe lên từng chập. Xốc chiếc ba lô lên vai, cô bé ngược mặt lên, tay mân mê chiếc cầm n्हễn nhụi của Đoàn, giọng vẫn chưa hết vẻ nghịch ngợm.

“ Em múa có đẹp không?”

Đoàn phì cười.

“ Anh thấy đúng là múa rồi!”

Cô bé xịu mặt, đấm liên hồi vào ngực Đoàn. Đoàn vừa né tránh vừa kêu thảng thốt. Cô bé níu tay Đoàn dắt xuống biển.

Biển khuya đen ngòm như mộ huyết. Cát lạo xạo dưới chân. Vành trăng non vắt vẻo kênh kiệu giữa màn đêm. Hai người im lặng chậm bước. Tay cô bé ấm trong tay Đoàn. Trên những ghế đá nằm khuất dưới những gốc cây, những cặp tình nhân sát sạt ử nhau. Đoàn bóp chặt tay cô bé. Cô bé ngược nhìn lên, mắt sóng sánh, răng bóng bẩy, tay như có hồn. Hai bàn tay chẳng rời nhau khi về tới khách sạn.

Chiếc ba lô bị quăng mạnh nhún nhẩy trên giường. Cô bé lao theo nằm sấp người. Mặt giường trũng xuống. Đoàn ngồi xuống một góc giường, hai tay đấm nhẹ nhẹ trên lưng cô bé.

“ Để anh tâm quất cho cái lưng bị chiếc ba lô hành hạ nghe!”

Cô bé nằm lim dim mắt. Hai tay Đoàn như có động cơ. Đoàn tưởng trò chơi sẽ kết thúc chóng vánh, nhưng không, tay Đoàn đã rời rã mà cô bé vẫn nằm bất động như đã yên

ngủ. Đoàn lật ngược cô bé lên. Cô đứng phóc dậy, kéo lại vạt áo.

“ Em đi đánh răng trước.”

Trở ra, cô bé nghiêm giọng.

“ Anh đi đánh răng đi. Lúc ra không thấy em thì biết là em đã về rồi!”

Chiếc bàn chải đánh răng chà xát những ý nghĩ trong đầu Đoàn. Liệu cô bé có bắt thần ra về thật không? Anh lắng tai sợ nghe được tiếng cửa mở. Anh cố lướt cho nhanh những thủ tục vệ sinh đáng ghét. Hàm răng anh sao hôm nay có vẻ nhiều răng hơn. Chiếc khăn rửa mặt cứ quần quít không chịu mở ra. Cái nắp lọ nước hoa chết tiệt sao dính cứng không chịu quay? Thay xong bộ quần áo ngủ, anh nhào ra khỏi cửa phòng tắm.

Cô bé chôn người dưới chiếc mền mỏng, thân người thẳng băng nhấp nhô theo từng hơi thở, hai mắt nhắm nghiền, miệng hé mở. Đoàn muốn đặt một nụ hôn lên chiếc miệng mời mọc. Nhưng anh chỉ đứng lặng ngắm khuôn mặt an bình như đã chìm sâu vào giấc ngủ. Anh rón rén chui vào mền.

Ánh nắng đầu ngày chui qua tấm màn cửa bằng vải trắng mỏng kéo mắt Đoàn hấp háy. Anh chồm người lên, chống khuỷu tay, ngắm nhìn cô bé như vẫn đang say sưa trong mộng寐. Anh đánh thức cô bé bằng chiếc hôn nhẹ lên đôi môi đỏ hồng. Đôi mắt vẫn nhắm nghiền, cô bé mấp máy đôi môi.

“ Anh nặng bao nhiêu cân vậy?”

“ Bảy chục.”

“ Thảo nào, đêm qua em thấy anh nặng quá!”

Cô bé như vẫn miên man trong giấc ngủ. Ngực phồng lên từng hơi thở. Đoàn hôn lên đôi mắt rợp xuống hàng mi dài mượt mà. Đôi mắt mở ra, nheo nheo với ánh sáng.

“Trời sáng trời ra rồi mà chưa dậy, con gái lớn xác rồi mà hư quá!”

Cô bé cười sau câu tự mắng yêu.

“Em học được ở đâu cái giọng bà già mắng con mắng cháu vậy?”

“Bà em.”

“Bà em là người dậy em tiếng Việt hả?”

“Chứ còn ai nữa!”

“Chắc bà em già lắm rồi?”

Mặt cô bé bất động, đôi mắt rộng mở nhìn sững lên trần nhà. Mãi, đôi môi mới mấp máy.

“Bà em mất rồi!”

“Anh xin lỗi đã gợi chuyện buồn của em!”

Giọt nước mắt lăn dài trên má. Đoàn miết ngón tay như muốn xóa đi nỗi buồn trên khuôn mặt lạnh tanh. Cô bé nắm tay Đoàn.

“Em về Hà Nội chuyện này để tìm về ngôi làng mà bà kể không biết bao nhiêu chuyện về cuộc sống của bà ngày xưa. Em muốn thấy lại dùm bà ngôi làng luôn nằm sâu trong tâm khảm bà. Em cũng muốn thấy được một lần khung cảnh sống của người bà thân yêu. Bằng vào cái giọng kể thiết tha của bà, em thấy hình như những năm sống tại ngôi làng thân thiết này mới là cuộc sống đích thực của bà.”

Đoàn ngậy người trước nỗi xúc động của cô bé. Anh bóp mạnh bàn tay mềm mại như muốn truyền tất cả thân tình.

“ Rôi em đã về tới ngôi làng của bà chưa?”

Cô bé ngúc đầu.

“ Rôi anh ạ! Nhưng ngôi làng bây giờ đã mất tích trong thành phố. Phố xá ồn ào, nhà cửa chen vai thích cánh, đường nhựa dọc ngang, chẳng còn dấu vết gì của ngôi làng mà bà em đã trồng trong đầu óc em, ngoại trừ ngôi nhà thờ. Em bước vào nhà thờ, rụt rè trong từng bước chân, đứng vào giờ đọc kinh chiều. Em ngồi chôn mình nơi hàng ghế cuối, như nghe được giọng bà lẫn lộn trong giọng đọc kinh vang vang trong tai em. Em nhìn lên trần nhà thờ, cao vút, nắng chiều soi rọi vào những tấm kính màu có hình các thánh, mắt em như thấy bà đâu đây, rất gần em!”

Những giọt nước mắt ứa ra. Cô bé quệt vội trên má, xăng xái ngồi dậy.

“ Thôi chết! Trễ rồi. Em phải đưa đoàn về lại Hà Nội.”

Nhảy vội xuống giường, giơ tay vớ chiếc áo khoác lên người, chạy vào phòng tắm, tiếng nước hồi hả, tiếng cửa mở ra, cô bé đã sẵn sàng lao xuống đường. Đoàn giơ hai tay ra nắm tay cô bé. Bốn cánh tay nhịp lên nhịp xuống.

“ Hình như anh chưa biết tên em!”

“ Có cần thiết không?”

Cô bé vít đầu Đoàn xuống, đặt một nụ hôn nhẹ lên môi anh.

“ Em sẽ nhớ anh!”

Xốc chiếc ba lô lên vai, cô chuôi nhanh ra cửa. Tiếng đập cửa làm nẫu lòng Đoàn. Anh bước tới khung cửa sổ nhìn xuống đường. Bóng cô bé lao xuống những bậc tam cấp, tinh nghịch nhảy những bước chân sáo trên con đường dốc.

Đoàn lắc đầu. Nhảy như vậy nhưng nhớ nào mà chẳng rớt hết!

5/2003

LỄ RA

“ Lễ ra em không nên lấy Đắc.”

Tôi ngược nhìn Mai, vẫn cặp mắt mọng nước mỗi lần có chuyện buồn. Ngày xưa tôi đã tốn biết bao nhiêu ô mai mơ vì những giọt nước mắt ẩn dấu này. Chuyện trường, chuyện ngoài đường, chuyện bạn bè, biết bao nhiêu chuyện đã làm buồn cô bé lúc nào cũng như một cơn mưa thu này. Có lẽ, ngày đó, chỉ có tôi chịu hiểu và chịu chiều Mai. Soạn thì như một lò lửa, người lúc nào cũng băng hăng những lo toan, giờ đâu mà nghe cô em gái nhỏ nhít nói những chuyện anh cho là vớ vẩn. Tại mày khó chịu quá chứ sao! Đó là một lời nhận xét và cũng là câu chấm hết cho những chuyện mà anh cho là đầu cua tai nheo của cô em gái. Bước chân vùng vằng cùng khuôn mặt tiu ngiu của Mai thì có nặng thêm được kí

nào trước đôi mắt của Soạn đâu. Mẹ Mai thì chôn mình trong những bận bịu của một bà mẹ chưa già, lại vẫn cứ tưởng là vẫn còn rất trẻ, tâm trí nằm nơi những hột xoàn, những quân bài, những kiểu cạ áo quần. Mai chưa nói hết chuyện thì đã bị mẹ gạt đi như phủi những hạt bụi dính trên chiếc áo mới rất ưng ý. Chuyện con nít vớ vẩn mà cũng làm mất thời giờ của người ta!

Tôi dịu giọng thương cảm.

“Thôi, chuyện qua rồi, em chẳng nên giữ mãi trong lòng làm chi nữa.”

Mắt Mai đờ đẫn.

“Nhưng em sợ Đắc không hiểu cho em. Dù sao, em cũng đã chủ động trong chuyện này.”

Tôi thực sự không muốn dây dưa mãi với nỗi phiền muộn này.

“Anh tin nó sẽ phải hiểu. Chuyện quá khứ chắc nó đã đào mộ vùi lấp đi rồi.”

“Em nghĩ rằng Đắc sẽ chẳng bao giờ chôn vùi được chuyện này đâu. Em biết Đắc mà! Dù sao chúng em cũng đã có hơn hai chục năm chồng vợ. Vả lại, em sợ anh.”

Tôi thực sự không muốn khuấy động nỗi buồn của Mai nhưng thấy cần phải phá vỡ đi cái bóng u ám đang nặng nề trên cuộc gặp gỡ lại của tôi và cô em hàng xóm đã nhiều năm xa cách.

“Trông anh dữ lắm sao?”

Mai cúi mặt.

“Anh không dữ. Nhưng vì anh không một lời trách cứ em nên em sợ.”

Tôi chằm chọc Mai cho nhẹ bớt nét muộn sầu trên khuôn mặt tôi vẫn thương.

“Vậy thì bây giờ anh trách cho em hết sợ nghe.”

Mai cố nhếch miệng.

“Anh trách bây giờ thì em cũng chẳng hết sợ.”

“Sao vậy? Anh không trách em sợ, anh trách em cũng chẳng hết sợ.”

“Tại vì, tự trong lòng anh, anh không trách em.”

Thật ra, khi nghe tin Mai đành đoạn bỏ Đắc ra đi, tôi ngỡ ngẩn như người bị ma ám. Tôi thương cho cả hai người. Lúc đó, tôi còn ở Việt Nam, cuộc sống ngặt nghèo trong cơn áo, nghe được tin như vậy, tôi cũng chỉ biết buồn. Cuộc tình không do tôi vun xới nhưng tôi như có trách nhiệm. Chính tôi đã dẫn Đắc đến nhà Mai. Hồi đó chúng tôi đang học thi Tú Tài Bán Phần, một cuộc thi khá cam go mà mười người thi may ra được một hai người có tên trên bảng kết quả. Ông anh tôi trước đó đã hóc hác học đêm học ngày mà tới ngày nghe đọc kết quả cũng không dám đi nghe, phải nhờ tôi đi nghe dùm. Tôi chưa thi nhưng nghe những con số báo danh nhảy cách từng quãng dài, tim cũng hốt hoảng nhảy trong lồng ngực. Chung quanh tôi, những khuôn mặt xám ngoét hoảng loạn không còn hồn phách treo tim theo những vắn tên hệt hẫng phát ra từ chiếc máy phóng thanh rè rè đầy quyền thế. Cái trò đầu tim đó, cộng thêm với sự thúc hối của cửa quân trường rộng mở nếu hệt tên trên bảng vàng, làm chúng tôi vật vờ trên đường đi tìm tương lai. Chúng tôi co lại học thi chung với nhau cho vui nỗi sợ. Nhà Soạn tương đối rộng rãi, có phòng riêng, nên ngày đêm tôi và Đắc tới dùi

mài kinh sử. Nhà tôi ở trong đường hẻm sát ngay căn nhà ngoài mặt đường của gia đình Soạn, nên tôi và Soạn thân nhau. Cả gia đình Soạn coi tôi như người trong nhà. Chỉ có Đắc ở xa tới nên được làm khách. Mai đang học Đệ Ngũ, tươi như một cành lan trong sương sớm, là đầu sai của các ông anh. Thực ra, trong thời gian ngâm ngải tìm trầm, chúng tôi chẳng có nhiều nhu cầu. Bụng dạ nào mà ăn ăn uống uống. Nhưng Mai lại cứ ngoan ngoãn lúc thì đĩa cam, lúc thì bình nước, lúc thì chén chè, lúc thì miếng ổi miếng cóc mang vào cho các ông Tú chờ. Mai lúc nào cũng tươi tắn chăm lo cho chúng tôi.

“ Mời mấy anh dùng, sau này có làm ông lớn thì đừng có quên Mai.”

Tôi giỡn lại với Mai.

“ Em trông hình hài các anh thì biết, anh nào anh nấy như ve sầu mùa đông thế này, biết bao giờ lớn được!”

Mai cười theo.

“ Ve sầu mùa đông thì rồi đời rồi, còn đâu mà xác xơ. Anh phải nói là ve sầu ham hố, muốn bán thịt mình để mua tấm bằng. Mai thấy các anh học mà muốn bỏ học. Mai ấy à? Đậu hay rớt, kệ! Chứ không có cái kiêu học tàn phai nhan sắc như các anh đâu!”

Mai bung miệng. Những ngón tay thon nhỏ, trắng ngần, e ấp dưới mái tóc dài bóng mượt đổ xuống. Mai có những ngón tay tài hoa, những ngón tay có lần tôi buột miệng xưng tụng là những ngón tay bắt được của trời làm Mai mắc cỡ.

“ Dễ sợ! Trời to cao như thế thì tay phải là tay hộ pháp. Có bắt được thì Mai cũng phải mang trả lại cho Trời. Xấu xí

chết đi ấy!”

Tôi biết Mai châm chọc tôi, nhưng thấy cái vẻ dễ thương của Mai, tôi cố níu chiếc lưỡi thích cái cọ của mình.

“Ừ, tay Trời làm sao sánh được với tay Mai. Trông thấy tay Mai là anh muốn vẽ.”

Mai vốn biết tài vẽ của tôi, chấp hai tay trước ngực van ví.

“ Thôi, cho Mai xin đi anh. Anh mà vẽ thì tay Mai lại thành tay Trời mất. Tội Mai một chút cho Mai chóng lớn!”

Mai hồi đó đang thành người lớn. Mắt đã liếc gương, miệng đã tươi tắn, ngực đã chanh cốm, cử chỉ đã điệu dàng, nụ cười đã e dè giữ ý. Nhưng lớn trước tuổi là đôi bàn tay Mai. Những ngón tay Mai vờn trên phím dương cầm như những bước chân chim nhón nhờ nhảy nhót. Chúng tôi đã say mê mỗi khi Mai đàn cho nghe khi nghỉ xả hơi. Mai búng ra những âm thanh rộn rã, thanh thoát và tươi mát. Tươi mát như Mai trước phím đàn. Mai đàn như chơi đùa. Tiếng đàn của Mai nhí nhảnh, nghịch ngợm. Như chính Mai mười lăm.

Tôi mê tiếng đàn của Mai. Đắc còn mê hơn nữa. Mỗi lần nghe Mai đàn, đôi mắt Đắc ngây dại dưới tròng mắt kính cận khá dày.

Nhà hàng mờ mờ tối với những ngọn đèn vàng vọt yếu đuối tỏa một thứ ánh sáng khiêm nhường từ trên trần xạm một màu âm đạm. Trông mập mờ giống một phòng trà ở Saigon thời trước hơn là một nhà hàng ăn. Ngọn nến leo lét giữa bàn chập chờn trên khuôn mặt Mai lúc sáng lúc tối. Mai có đầy đà hơn xưa, khuôn mặt đậm nét phấn son cũng tròn

trịa hơn.

“ Em tới ăn ở đây thường không?”

“ Thỉnh thoảng. Anh thấy sao?”

Tôi quay người nhìn quanh.

“ Khéo lắm! Họ biết dùng bóng tối để cho thực khách trong mỗi bàn có cảm tưởng gần gũi nhau hơn. Ngọn nến giữa bàn như chút ánh sáng thân mật vun vòn người quanh bàn vào với nhau.”

Mai cầm tay tôi nói nhỏ.

“ Anh vẫn nghệ sĩ như xưa.”

Tôi xoay bàn tay lại nắm những ngón tay của Mai.

“ Đâu có nghệ sĩ bằng những ngón tay này. Anh có đọc báo. Họ vẫn nhắc tới em.”

Mai để yên tay trong tay tôi.

“ Đó là lẽ sống của em bây giờ. Vì nó mà đời em khổ. Nhưng em chấp nhận bởi vì chính em muốn như vậy.”

Mắt tôi không chớp trước mặt Mai. Mai nhìn lại, bướng bỉnh.

“ Em lớn lên nhiều!”

Mai cười.

“ Chắc anh tránh không muốn nói em già!”

“ Không, anh không muốn nói tới cái lớn sinh học. Mỗi năm mỗi thêm tuổi, chẳng ai trốn tránh được chuyện đó. Anh muốn nói tới tinh thần. Sau bao nhiêu năm mới gặp lại em, anh không ngờ em lại già dặn đến như vậy. Trong đầu anh, trong từng ấy năm xa cách, hình ảnh em trong anh vẫn luôn luôn là hình ảnh cô bé Mai của anh những ngày tháng cũ.”

Mai vôn vê chiếc khăn ăn đỏ sậm.

“ Thôi anh, anh đừng làm em khóc.”

Tôi cầm dao cầm nĩa lật úp con cá đang ăn dở trên chiếc đĩa hình bầu dục giữa bàn.

“ Cho anh xin lỗi. Đưa cho anh chiếc chén của em. Hai anh em mình phải xử cho xong chú cá thơm phức này. Ngày xưa em thích ăn cá lắm mà!”

Mai đưa chiếc chén mỏng tanh cho tôi.

“ Anh cho em xin. Anh nhớ dai nhỉ? Anh Đắc cũng thích ăn cá lắm.”

“ Thế à? Nó thích thật hay nó muốn chiều em vậy?”

“ Chắc anh ấy thích thật. Anh ấy gặm tới tận xương.”

Tôi bật cười.

“ Anh nói có sai đâu. Nó chiều em nên gặm xương để dành cho em phần thịt. Cái thằng lù đù như nó lấy được em thì chiều chuộng vợ phải biết!”

‘ Bộ anh thì hơn gì? Em nghe đồn là anh cũng biết điều với chị lắm, phải không?’

“ Em đừng nghe lời đồn của thiên hạ. Nhưng thằng Đắc, anh biết nó quá mà! Có nhắm mắt anh cũng biết nó...phụng dưỡng em như thế nào!”

Mai nhai xong miếng cá, hớp một chút vang trắng, nghiêng đầu ngó vào mặt tôi.

“ Anh thiệt!”

Đám cưới của Mai với Đắc, tôi không về tham dự được. Lúc đó tôi đang lặn lội trong rừng sâu, làm tiền quân cho một chiến dịch lớn. Guồng máy đang quay nhanh một cách ác liệt, con chốt là tôi tài cán gì để có thể rút chân rút cẳng ra khơi khơi về Saigon ăn cưới. Buổi tối, mặc chiếc vớng

dưới tàng cây, poncho úp kín người, tôi nằm trần trọc nhớ về Saigon. Saigon có Mai, có Đắc đang lao xao bước vào vòng vợ chồng. Đã lâu tôi không gặp cả Đắc lẫn Mai nên không biết chuyện tình của hai người ra sao. Thiệp cưới đến với tôi khá bất ngờ. Tôi thần thờ chẳng buồn ăn trưa hôm đó. Mấy tên sĩ quan bạn cùng mâm tưởng tôi thất tình. Thực ra, tôi quá thắc mắc về cuộc hôn phối này. Đắc lúc nào cũng cẩn tắc, kỹ càng, tính trước cả cây số trước khi làm một chuyện gì, dù lớn hay nhỏ. Mai thì phóng khoáng, văn nghệ, đam mê, chuyện gì cũng làm xong rồi mà vẫn chưa tính. Vậy mà hai đứa lại ráp vào nhau. Bây giờ lại còn buộc chặt vào nhau nữa. Tôi mãi băn khoăn về cái thiệp cưới không chờ đợi này đến lúng túng trong công việc. Hoàn khá tinh ý. Hấn bấn liền. Thất tình hay sao vậy, cha nội?/ Cỡ tao mà thất tình à?/ Cỡ nào mà chẳng thất tình được. Thuyền lớn thì có sóng lớn, cha nội ơi. Mà thiệp cưới của ai vậy?/ Của em thằng bạn cũ./ Cha nói cô dâu hay chú rể vậy?/ Cô dâu!/ Vậy thì đúng boong rồi, chối gì nữa cha. Cái thứ đó là đau nhức hết biết!/ Nhức cái mẹ gì. Chú rể là thằng bạn thân của tao. Cả hai đứa tao coi như người nhà./ Nhà cửa gì, cha nội! Cái mừng đó lại còn nhức bạo hơn nữa!/ Mà biết cái đéch gì! Chỉ nói tầm bậy!/ Tầm bậy mà vậy vậy đúng boong. Này cha nội, chuyện đã dĩ lỡ rồi thì tha cho chúng nó. Còn cha nội, quãng gánh buồn đi mà...hành quân! Láng cháng buồn với sầu, ngo ngác giữa trận tiền, dễ ăn đạn lắm đấy. Có thân thì lo. Dục cha nó mấy cái vụ hậu phương đó đi!

Nhớ lại chuyện cũ của tên quan ba bạn, bộ binh mà mồm miệng như pháo binh, tôi cười vu vơ. Mai nhìn dò hỏi.

“ Anh cười gì vậy?”

“ Nhớ lại câu nói của tên bạn lính cũ khi anh nhận được thiệp cưới của em.”

“ Anh ấy nói sao?”

Tôi cố gạt đi.

“ Nó nói tầm xàm ấy mà. Nó tưởng anh thất tình. Hồi đó tên nào nhận được thiệp cưới cũng được phong làm anh hùng thất tình. Đòi lính, nay đây mai đó, sống nay chết mai, mấy ai dám đèo bông. Các em gái hậu phương rủ nhau sang ngang hết. Thiệp cưới như một bức thư từ già. Một lời từ già hồng!”

“ Anh buồn lắm hay sao mà anh ấy biết?”

“ Buồn chi! Em vui mà sao anh buồn được?”

Mai thở dài. Nàng đưa tay ngoắc anh hầu bàn. Hai ngón tay trở chụm lại vẽ ra một tờ giấy tường tượng.

“Để anh trả cho.”

“ Em mời anh mà. Anh chê em không có tiền sao?”

“ Ai dám chê! Em đang gỡ ra tiền mà.”

“ Anh thiệt! Không sợ em giận à? Em đàn vì nghệ thuật, vì đam mê. Tiền chỉ là chuyện phụ.”

“ Cho anh xin lỗi!”

Mai lườm tôi.

“ Lại còn bày đặt xin lỗi!”

Chớm thu, những tàng cây trong công viên đang trở vàng. Lác đác trên những thảm cỏ bên đường, những cánh lá nằm như những con bướm vàng phơi mình ngủ yên. Mai khẽ hát một khúc nhạc thu, tay nhịp nhịp trên vòng lái. Tôi thả đầu óc ngơi nghỉ. Như đã đến bến bờ.

“ Anh còn nhớ những cánh lá me vàng đuổi nhau trên đường Nguyễn Du không?”

“ Sao mà quên được!”

“ Anh nhớ bữa anh chở em tới trường Quốc Gia Âm Nhạc không?”

“ Em bắt anh chở em đi học nhạc hoài, có nhớ bữa nào vào bữa nào đâu.”

Mai liếc sang phía tôi, lắc đầu.

“ Chán anh quá! Cái bữa giờ đuổi lá me chạy lao xao trên đường một màu vàng rục đó.”

Tôi nhồm người, hứng thú.

“ Bữa anh bắt em đi bộ ấy hả?”

“ Ai mà bắt được em! Bữa đó em cũng thích đi bộ đấy chứ!”

“ Nhưng mà anh nghĩ ra chuyện xuống xe dắt bộ đạp lá me mà đi.”

Mai vênh mặt.

“ Tại vì anh lái xe thì anh nghĩ ra trước chứ em ngồi sau, hai chân cũng đã muốn đạp lá vàng lấm ròi!”

“ Đẹp thiệt!”

Mai mơ màng.

“ Lúc đó đi bên anh, em thấy anh lãng mạn quá!”

“ Anh thấy em cũng vậy!”

Mai thở dài.

“ Lúc đó em ước mong là đường cứ dài ra mãi chẳng bao giờ hết!”

Mũi xe vòng gắt sang phía trái. Mai uốn người theo. Tôi giữ chặt chiếc tay cầm trước mặt. Bánh xe thẳng gập trước

khung cửa nhà để xe.

“Tới nhà rồi. Chút xíu nữa thì mãi nói chuyện đi quá.”

Tôi nhìn Mai gật gù đầu.

“Ngoài tài đàn, nay anh lại biết thêm em có tài dừng xe khẩn cấp. Lần sau cẩn thận nghe cô bé!”

“Anh cứ mắng em đi. Để em cứ ngỡ là mình vẫn còn nhỏ.”

Phòng khách nhà Mai lãng đãng những màu vàng và xanh dịu mắt. Chiếc đàn dương cầm đen bề thế chiếm hẳn một góc phòng sừng sững thu hút đôi mắt tôi vừa bước vào phòng. Bên góc đối diện, tủ rượu chen lẩn những chai nhiều hình dáng và màu sắc. Mai đứng giữa phòng, tay chỉ vào cây đàn và tủ rượu.

“Đòi em đấy. Đàn và rượu.”

Tôi ngồi xuống chiếc nệm ghé xanh.

“Đàn thì anh biết. Rượu thì anh hơi ngạc nhiên.”

Trên chiếc nệm ghé vàng, Mai cười.

“Chắc anh tưởng em là bọm nhậu?”

“Gần như vậy!”

“Rõ ghét cái anh này! Em đâu có hư như vậy. Em thích ngắm rượu hơn uống.”

“Mà uống cũng thích gần như ngắm!”

“Đâu có! Cũng uống nhưng uống sơ sơ. Uống như một cách chọc què sữa!”

Mai vụt đứng dậy, chạy ra nhắc cổ một chai, móc hai chiếc ly bằng những kẽ tay trái, đặt xuống bàn trước mặt tôi. Nhìn bộ mặt ngơ ngác của tôi, Mai cười.

“Anh làm gì mà trông như đang sống ở trên rừng vậy?”

Em giỡn đấy! Nhưng cũng thực đấy! Mấy chục năm sống với Đắc, ngày nào anh ấy cũng bắt em uống sữa. Uống đến phát ngán, phát điên lên. Vậy mà em vẫn cố chịu đựng. Lúc đó, trong thâm tâm, em nghĩ là uống rượu chắc thích lắm. Mà thích thật anh ạ, thỉnh thoảng, đi ăn tiệc, ăn cưới, em nhấp ké với Đắc mà thấy lợm mùi sữa. Em biết Đắc thương em. Dưới mắt Đắc, em lúc nào cũng là cô bé Mai ngày xưa. Anh ấy không cho em lớn. Em chịu đựng được là vì em thật tình thương Đắc.”

Hai chiếc ly lăn tăn sủi bọt khi Mai nghiêng chai đổ rượu.

“ Mừng cho cuộc gặp gỡ lại của anh em mình!”

Hai thành ly đụng nhau. Rượu tê đầu lưỡi. Vẫn Mai cảm động.

“ Mừng anh vẫn như xưa!”

Tôi lặng đi.

“ Mừng em cũng vẫn như xưa!”

Mai đặt ly xuống bàn, buồn bã.

“ Không còn như xưa đâu, anh ạ. Khi bỏ Đắc ra đi, em đã bỏ lại sau lưng chiếc lòng kính đã ấp ủ em. Âm cúng nhưng chặt chội quá!”

“ Lúc đó em không còn thương Đắc nữa à?”

Mai lắc đầu.

“ Vẫn còn chứ anh. Em thương Đắc nhưng tội cho anh ấy nhiều hơn. Đắc trông em như một con búp bê, yên ổn nép trong tình yêu của anh ấy. Nhưng em có cái đam mê riêng của em, em thèm sống lại với đám đông, thèm tiếng vỗ tay tán thưởng, thèm những ngưỡng mộ trong dáng đứng đồng

loạt của khán giả khi em dứt tiếng đàn. Nỗi đam mê lớn dần lên, tuổi đời cũng cao dần lên, rồi tới lúc em hốt hoảng thấy như đã quá trễ tràng để trở lại với sân khấu. Em bay ra khỏi lồng mà lòng còn để lại những vương vấn. Cho tới bây giờ em vẫn thương Đắc, vẫn tội nghiệp anh ấy, vẫn tiếc là anh ấy không hiểu em, không hiểu được tâm hồn em.”

Mai bung ly rượu tới chiếc đàn, ngồi xuống chiếc ghế đen bóng. Cánh áo trắng thon thả bờ lưng. Ly rượu đứng trên thành đàn. Bông hồng vàng lẻ loi trong chiếc bình màu xanh vươn lên như cỏ thiên nga. Những nốt nhạc đập diu vang lên.

“ Em đàn cho anh.”

Âm thanh của bản *Fur Élise* là tả rơi. Ngày xưa, mỗi lần nghe Mai đàn, tôi chỉ thích bài này. Tôi vốn có đôi tai điếc với nhạc cổ điển của Mai. Mai đã đi xa biết bao nhiêu đoạn đường với những năm tháng miệt mài trên phím đàn, tôi vẫn cứ kéo Mai về với nét nhạc đơn sơ, dễ dãi nhưng rộn ràng nhịp tim tôi. Bao nhiêu năm tìm về, Mai không hỏi tôi mà tay đã nhấn những nốt nhạc xưa. Nhạc bằng lặng trong tôi. Một thời sinh viên. Một thời lính tráng. Một thời tù ngục. Một thời vượt sóng. Một thời tị nạn. Nhưng trùm lấp trong tôi vẫn là một thời ngọc ngà có Mai lí lắc, có tôi lạng chạng, có Soạn rối rắm, có Đắc mông muội. Hai bàn tay Mai vươn ra đập rộn ràng những nốt nhạc cuối. Nhạc vẫn vũ trong tôi, mềm tim, lắng hồn.

Mai quay lại.

“ Anh thấy sao? Tiếng đàn của em.”

“ Chẳng chạc hơn, điều luyện hơn, dĩ nhiên. Em làm anh

chết trong nhạc nhưng vẫn ấm ức như thiếu một chút gì.”

“ Em hiểu anh!”

Mai đứng dậy, khỏá lắp.

“ Minh uống thêm ly nữa nghe anh! Chưa bao giờ em thấy vui như hôm nay!”

1/2003

RONG CHƠI

Tôi gặp Marisa trong một viện bảo tàng đầy du khách. Chữ nghĩa ở Havana rất một thứ chữ Tây Ban Nha nên tôi bù trất chẳng thể nào nhớ nổi cái tên của tòa nhà này. Tôi nghe loáng thoáng đây là nơi dinh thự của Quốc Vương Cuba ngày xưa. Mua vé xong, hai bà sồn sồn to như bao gạo trăm ký kéo sợi dây cản ra cho tôi vào. Một vùng sân nhỏ được bao quanh bằng những thân *palm* vươn cao. Loại cây tiêu biểu của Cuba này có mặt khắp hang cùng ngõ hẻm trông hao hao như những bóng dừa của miền Nam nước Việt. Bức tượng bán thân của ông Kha Luân Bố ngự giữa vuông sân hẳn in nét trắng lên đám lá xanh. Tòa nhà vuông vức như một chiếc hộp rỗng ruột bao quanh sân chẳng có một nét kiêu cạo nào. Có lẽ đây là một tòa dinh thự được làm vội chẳng cần hoa

hòe hoa sói chi cả. Về vuông vức lại thêm tầm thường khi chi có một tầng lầu ngấn cữn cữn nằm nép dưới những bóng lá *palm* đang nghiêng ngả theo gió.

Hành lang chung quanh rộng chi hơn một thước đưa vào từng căn phòng triển lãm. Mỗi phòng vuông vức, nhỏ, không khác lắm những căn phòng của các nhà lê dân. Tôi lớ ngớ nhìn số du khách lèo tèo đi lui tới trên hành lang. Hiện vật trưng bày bên trong, những bàn ghế, giường tủ, đèn, ly, tách, chén bát của vương triều xưa chẳng đủ sức thu hút tôi. Chán, tôi đang định ra về. Đi ngang qua căn phòng nằm ở cuối dãy, tôi liếc vào thấy bức chân dung của một mệnh phụ vẽ bằng sơn dầu khá sắc nét, tôi bước vào. Marisa là một trong hai nhân viên đứng coi căn phòng này. Tôi không hiểu căn phòng nhỏ sao lại cần tới hai nhân viên túc trực. Vừa nhác thấy tôi, Marisa bước tới, nhìn chiếc máy hình toong teng trên vai tôi, mời.

“ Mời ông chụp hình với bức tranh này. Đây là chân dung Hoàng Hậu... - nàng nói một cái tên nhưng tôi thấy chả cần thiết để nhớ - Ông vô đứng cạnh để tôi bấm máy cho!”

Tôi lưỡng lự. Cái trò mời chụp hình rất đon đả này tôi đã gặp ở mấy phòng khác. Lúc đầu tôi tưởng là họ hiểu khách, nhưng khi chụp xong, ánh mắt họ cho thấy khách có bốn phận phải móc túi chi tiền. Chẳng bao nhiêu. Hai mươi lăm, năm chục xu là họ mừng rồi. Tôi ngắm kỹ bức tranh. Người trong tranh toát ra được cái hồn khá linh động. Tôi đưa máy cho Marisa.

“ Ông đứng vào bên cạnh nhé!”

Tôi lắc đầu.

“ Cô chụp bức tranh dùm tôi đi!”

Marisa nhướng mắt ngạc nhiên. Nàng dấm dẫn đưa lại chiếc máy hình cho tôi.

“ Ông rảnh tay thì ông chụp lấy chắc vừa ý hơn!”

Tôi thản nhiên đỡ lấy máy hình. Nhắm bức tranh. Marisa đứng nhìn với vẻ hậm hực. Tôi vẫn chôn mắt vào ống kính, nói trống.

“Cô vào đứng cạnh bức tranh tôi chụp cho.”

Marisa không nhúc nhích. Tôi dục.

“ Tôi tính chụp cô nhưng khi không chẳng nhẽ chụp. Cứ coi như mình đánh lừa cái bà Hoàng Hậu đã quá cố này đi!”

Marisa bung miệng cười, chân vẫn không nhúc nhích.

“ Cô nghĩ là chiếc máy hình nhỏ bé này không đáng chụp cô sao?”

Marisa dợm quay đi.

“ Tôi không được phép!”

Tôi hiểu ngay. Marisa đâu có muốn làm gì thì làm trong khi đang làm việc. Tôi bấm vội tấm hình. Marisa vẫn đứng tại chỗ, nhìn tôi bằng con mắt sáng hơn. Tôi cho tay vào túi, hốt vội một nắm bạc cắc, dúi vào tay Marisa. Nàng nhìn quanh. Cô tiếp viên coi chung phòng với nàng đang mãi mê chụp hình cho một đám du khách. Marisa lẹ tay cầm và đút vội vào túi. Cái tay nặng nằng với những đồng tiền Mỹ mát lạnh làm nàng như cũng tươi mát hơn. Nàng nói nhỏ với tôi, giọng dịu dàng thân mật.

“ Anh chờ một chút. Em quay lại ngay!”

Tôi gật đầu. Mắt nàng tinh ranh nhẹ cười. Như thể nàng

và tôi là hai đứa trẻ có chung một niềm bí mật kỳ thú. Tôi vờ vẩn đứng nhìn những kỷ vật nho nhỏ bày trên những chiếc bàn ở giữa phòng. Marisa quay lại, đứng ở ngoài hành lang, vẫy tôi. Nàng nhìn quanh quất bằng vẻ mặt bất an.

“Anh coi xong chưa?”

Thấy vẻ lúng túng của Marisa, tôi thấy chẳng nên kéo dài giây phút thừa thãi này.

“Cũng chẳng có gì coi!”

“Em đã xin được phép về sớm. Anh có cần hướng dẫn viên đi coi Havana không?”

Tôi thích thú.

“Vậy thì tốt quá. Mình đi ngay được chưa?”

Marisa lại nhìn quanh, miệng cắn dạn mà mắt vẫn đảo ngang đảo dọc.

“Anh ra công chính, quẹo sang phía bên phải, đi hết một dãy phố, lấy tay trái. Chờ em ở đó.”

Nhìn chiếc mè đay có hình anh Ché Guévara nằm lủng lẳng trên cổ Marisa, tôi nheo mắt, quay bước. Những bước dài vội vã đưa tôi xuống cầu thang. Một đám du khách bu quanh một cái lỗ hình vuông ngay sát chân cầu thang giữ tôi lại. Tôi ghé mắt nhìn xuống. Chiếc quan tài cổ được soi sáng bằng ánh đèn đỏ lờ mờ nằm bên dưới. Tiếng cô hướng dẫn viên vang vang. Tôi hiểu đây là chiếc quan tài của một vị vua được chôn bí mật dưới lòng cung điện mới được khám phá thấy. Tôi rời đám đông bước ra cửa. Ông Kha Luân Bố vẫn ngồi trên bệ đá giữa vườn nhìn tiễn đưa tôi. Ra tới cửa, tôi quẹo phải, rảo bước, thấy mình đang đóng phim nghệt thờ với cõi lòng phơi phới. Những viên gạch đã trăm năm nằm

trong khu phố cổ Havana nhấn thín đón bước chân tôi thoãn thoắt trên hè phố. Đường phố nằm thờ ơ nhàn nhã. Cả khu phố cổ đã đuổi xe đi chỗ khác để dành đường cho du khách. Tiếng còi xe ngoài con đường lớn chạy dọc theo biển dọa dẫm nhau. Tôi nhìn ra phía biển. Từng đoàn xe buýt du lịch nằm ngoi nghỉ trên khu đậu xe chính giữa chia con đường thành hai chiều lên xuống. Tiếng sóng đập vào kè đá nghe nhịp nhàng như một điệu nhạc buồn. Tới ngã ba đường, tôi quẹo trái. Những hàng cây *palm* cao vút vạt vờ theo cơn gió nhẹ. Mặt trời ngời tím trên cao thư thái. Tôi dựa vào một gốc cây đứng chờ. Ông già ngời đan mũ bằng lá *palm* ngược nhìn lên. Điều xì gà trên môi ông vênh lên theo. Lấy tay chỉ dăm ba chiếc mũ đã đan xong được bày chung quanh ông, ông nói một hơi rồi cười cầu tài. Tai tôi xa lạ với những âm sắc nhưng cũng hiểu ông đang mời tôi mua mũ. Tôi lắc đầu, nặn ra một nụ cười cố ý làm nhạt bớt sự thất vọng nơi ông. Bóng Marisa hiện ra nơi đầu phố. Nàng đã thay bộ đồng phục áo và váy xanh đậm với chiếc khăn choàng đỏ vắt hồ hững trên cổ áo bằng một chiếc áo trắng, váy ngắn sậm màu. Trông nàng như nhỏ hơn. Đi ngang qua chỗ tôi đứng, nàng hát mặt làm dấu bảo tôi đi theo. Ông già bán mũ đưa đôi mắt lơ lơ nhìn theo Marisa, đầu điếu xì gà đồ lên tỏa ra một làn khói nhẹ nhàng. Tôi ý tứ theo sau, giữ khoảng cách vài bước. Tới chỗ vắng người, Marisa chậm chân chờ tôi. Nàng nói một câu tôi không chờ đợi.

“Cẩn thận vẫn hơn, anh ạ.”

Tôi nhìn quanh có ý kiếm một quán nước. Vừa đi vừa ngược nhìn thế này cực quá! Ngó quanh chẳng thấy quán xá

chi, tôi quay sang Marisa.

“Mình tìm chỗ nào ngồi uống nước nghỉ một chút.”

Marisa xoay tròn một vòng tay xung quanh.

“Kiếm đâu ra quán ở đây! Anh là người Hoa phải không?”

Tôi ù hử không trả lời. Cứ để cho Marisa tin tôi là người Hoa. Nàng kéo tôi đi. Vòng vài vòng loanh quanh, khi quẹo trái, khi rẽ phải, tôi hoàn toàn mất phương hướng. Bỗng nhiên trước mặt tôi là một con hẻm trông quen thuộc. Hai con rồng con phụng ở đầu hẻm dẫn vào một dãy đèn lồng đỏ treo dọc hai bên đường. Những chiếc mái cong cong nhỏ nhỏ một màu đỏ chói chang của những tiệm ăn san sát hai bên mang những hàng chữ Hoa màu vàng kim nhũ. Tôi bỗng ngỡ nhìn quanh. Marisa như thích thú với vẻ ngỡ ngàng của tôi. Nàng cười.

“Em nghĩ rằng em đã dẫn anh tới đúng chỗ anh muốn đến!”

Tôi gạt đầu kéo nàng vào một tiệm nước nhỏ. Tôi kêu một chai bia, Marisa tự kêu một thứ nước uống gì đó. Tôi giờ ly lên cùng.

“Mừng cho cuộc gặp gỡ kỳ thú của chúng mình!”

Ly nước của Marisa chạm vào thành ly của tôi, hững hờ. Nàng như lúng túng không quen. Tôi đặt ly xuống bàn.

“Em có hay dẫn khách du lịch đi như thế này không?”

Mái tóc ngang vai mượt mà xao động.

“Không, em mới kiếm ra nghề này ngày hôm nay thôi!”

Tôi hứng thú.

“ Anh là người mở hàng hả?”

Marisa gật đầu.

“ Có lẽ anh là người khách duy nhất.”

Tôi thấy như mình đang tham dự vào một trò chơi.

“ Em định đóng cửa hàng sao?”

Marisa nhoèn cười gật đầu.

“ Sao vậy? Chán rồi hả?”

“ Không phải! Em không có môn bài!”

Dứt câu nói, nàng phá ra cười. Marisa có khuôn mặt nhẹ nhàng hơi nhuốm vẻ nghịch ngợm, da sạm màu nhưng không đen, đôi mắt tinh ranh ướt rượt. Tiếng cười làm khuôn mặt nàng linh động hẳn lên.

“ Nói ra có lẽ anh không hiểu được đâu. Ở đây, làm gì cũng phải ngó chung quanh!”

Tôi quá hiểu. Tôi cũng đã từng phải nằm trong cái chảo rang như Marisa bây giờ. Marisa liếc nhìn chung quanh. Tôi thấy tội nghiệp cho cái bất an của người con gái chiều cao chỉ ngang vai tôi.

“ Hồi sáng, trong chỗ em làm, anh cũng đã thấy em ngó chung quanh liên hồi rồi.”

Mặt Marisa bùng đỏ.

“ Anh cười em phải không?”

Tôi gạt ngang.

“ Không! Anh chỉ để ý thấy vậy thôi. Thấy cái vẻ lấm lét của em, anh tội nghiệp chẳng hết!”

Giọng Marisa nặng xuống.

“ Tội em sống bằng sự tội nghiệp của những người như anh. Đứa nào cũng vậy cả. Nhưng vẫn cứ phải canh chừng

nhau. Chỉ một sơ ý là tiêu cả cuộc đời.”

Tôi giả bộ không hiểu.

“ Thì có gì đâu! Thông thường thì du khách là những người đang sống những giây phút thoải mái nhất của sự nghỉ ngơi. Họ có chia sẻ sự thoải mái với người khác cũng là điều tự nhiên.”

Marisa lắc đầu.

“ Em không nghĩ được như vậy. Em chỉ có thể nghĩ tới cách làm sao mà cho vào túi được trót lọt những đồng xu mà du khách thường sơ ý đưa cho một cách lộ liễu.”

Tôi không muốn thấy những giọt nước mắt của Marisa.

“ Ở đâu thì cũng vậy thôi. Những người phục vụ có quyền nhận được sự biết ơn của khách hàng chứ! Anh thấy ở đây người ta vẫn công khai nhận những lời cảm ơn một cách cụ thể này. Anh đã từng thấy vậy trong các nhà hàng, ngay ở cửa những nhà vệ sinh của các nhà hàng, ở phi trường, ở những địa điểm du lịch. Không phải là một thứ lệ phí chính thức nhưng người ta vẫn công khai, hầu như ép buộc khách phải móc túi.”

Marisa nhìn vợ vẫn ra ngoài cửa. Cái nhìn thấp thoáng nét lo âu.

“ Những gì anh nói đều đúng hết. Nhưng chỗ em lại khác. Đây là bộ mặt của đất nước. Chúng em không có quyền nhận tiền của du khách, nhưng – giọng Marisa nhỏ xuống – chúng em không thể không nhận. Em nói vậy chắc anh hiểu. Khổ hơn nữa là du khách thường chỉ cho toàn tiền Mỹ, thứ tiền mà người dân ở đây không có quyền giữ.”

Tôi vỗ tay vào đùi.

“ À ra thế! Thảo nào ngày hôm qua anh thấy một du khách bỏ mấy đồng xu Mỹ vào chiếc đĩa trên bàn ngoài cửa một phòng vệ sinh, bà bảo vệ ngồi thu tiền đã gọi ông du khách bắt lấy lại. Bà nói một tràng thứ tiếng mà ông du khách không hiểu bằng một giọng giận dữ. Ông nhún vai, lượm lại những đồng tiền vừa bỏ xuống. Bà ta nhìn ông với ánh mắt không thể nào gọi được là thân thiện, tay không hề cầm tiền đưa trả. Anh thấy hình như có sự kinh tởm trong mắt bà ta!”

Marisa cười nhạt, lạnh lùng nói.

“ Bà ta là một công dân gương mẫu. Mọi người chính ra đều phải như vậy. Em chưa đứng tới gót chân của bà ta. Nhưng em không thể xếp hàng với bà ta. Bụng em còn nhiều chỗ trống lắm, và em không muốn nghe thấy tiếng kêu óch trong đó!”

Tôi mỉm cười khi nghe câu nói hóm hình bất ngờ của cô bé xem ra khá hiền lành trước mặt.

“ Anh không muốn hỏi câu này. Nhưng tùy em, em muốn trả lời hay không cũng được. Lương tháng em được bao nhiêu?”

Marisa bối rối. Nàng nhìn thẳng vào mắt tôi như muốn dò hỏi.

“ Em tin anh! Chẳng ra đâu vào đâu cả. Chỉ hơn trăm *pesos*!”

Tôi nhảm tính. Không đến nổi tệ. Đồng *peso* tôi vẫn đổi ở khách sạn tương đương với đồng đô la Mỹ. Và nó được bảo đảm bằng giá đồng đô la, lên xuống không cần biết. Tôi gật gù.

“ Cũng được đấy chứ! Hơn một trăm đô la Mỹ một tháng. Chắc sống đủ chứ?”

Marisa trợn mắt.

“ Anh nói chi? Em đâu có nói với anh hơn một trăm đô la một tháng!”

Tối lượt tôi trợn mắt.

“ Thì anh vẫn đòi ở khách sạn. Một đô la ăn một *peso* mà!”

Marisa lắc đầu chán nản.

“ Xin lỗi anh! Em quên anh là du khách! Có lẽ người nào cũng làm như vậy cả. Thưa anh, thứ *peso* họ đòi cho anh ở khách sạn là *peso* khả hoán, nó trị giá tương đương với đồng đô la Mỹ và chỉ mới được phát hành từ khi có lệnh cấm người dân không được giữ đô la. Thứ *peso* của dân chúng như em là thứ *peso* bình dân. Một đô la ăn tới 27 *pesos* lận!”

Tôi ngó người ra. Cái trò lập lờ này hình như tôi đã có kinh nghiệm! Vậy mà vẫn hụt chân! Tôi cắn chặt môi cho đỡ tức tối. Tôi ơ hờ nhìn Marisa, thả giọng.

“ Lương vậy có đủ sống không?”

Tôi nghe Marisa uể oải như không muốn nói.

“ Nếu mình em thì cố gắng cũng co được!”

Tôi buột miệng.

“ Em có gia đình rồi sao?”

Marisa lắc đầu nhìn tôi, nói như miễn cưỡng.

“ Anh hỏi dễ thương quá! Có gia đình mà đi chơi với anh được như thế này à? Nhưng em cũng có gia đình chứ! Ba mẹ em, bốn đứa em của em. Có ai làm ra tiền đâu!”

Marisa dợm đứng dậy, làm mặt vui.

“Mà thôi, anh không cho cô hướng dẫn viên tay mơ này làm việc hay sao mà cứ ngồi đây điều tra hoài vậy?”

Tôi kêu trả tiền. Họ không nhận tiền Mỹ. Sáng nay, trước khi đi, tôi quên đổi tiền. Tôi mượn tiền của Marisa trả nhà hàng. Du khách nhẩn nha giữa con đường hẹp. Những anh chàng Cuba ăn mặc bánh bao, đứng trước mỗi tiệm ăn, tay chìa thực đơn, miệng líu lo chèo kéo khách vào tiệm. Chẳng thấy bóng dáng một anh Tàu nào. Chẳng lẽ họ núp cả ở trong bếp? Tôi vừa đi vừa ngó quanh, tới lúc ra khỏi con hẻm nhỏ lúc nào không biết. Mấy bụi thang xi măng đưa tôi ra lại đường phố. Marisa bất giác nắm lấy tay tôi. Đường phố vắng vẻ. Thịnh thoảng mới có một chiếc xe lôi chở khách đi qua. Người đàn ông đội chiếc nón rơm gò người trên chiếc xe đạp thô kệch cũ kỹ kéo theo một chiếc thùng xe trên có ba bà khách ngồi ép vào nhau. Nhà cửa hai bên đường cũ nát. Những bức tường đốì vôi chắc đã lâu ngày dơ dáy xám xịt. Có những căn nhà oằn xuống như sắp sửa sụp đổ mà vẫn có những thân người chui ra chui vào. Đi ngang qua một cửa tiệm tôi tắm nhếch nhác, tôi kéo tay Marisa dừng lại. Ông Tàu già đứng sau chiếc quầy ngược đôi mắt mệt mỏi nhìn tôi như có ý hỏi. Chiếc giá ngăn thành từng ô kê sát phía tường sau lưng ông lỏng chỏng ít chai xì dầu. Chiếc máy tính lớn như một chiếc hộp cồng kềnh cổ lỗ sĩ nghênh ngang đứng trên quầy. Đã lâu lắm tôi mới thấy lại cái máy này. Để chừng từ ngày tôi còn ở Chợ Lớn khi mới di cư vào Nam! Một bà già Tàu xà tới nói líu lo với ông Tàu. Họ không dùng tiếng Tàu. Nói qua nói lại một hồi, bà đưa cuốn sổ cho ông Tàu ghi. Ông lách cách tính tiền bằng cách đưa đẩy lên xuống

những nút gạt trên máy tính rồi kéo mạnh chiếc cần bên hông máy kêu đến xạch một cái. Ông đưa cho bà một chai xì dầu sau khi nhận tiền. Bà già cuộn tròn cuộn sổ trong tay. Hoạt cảnh này làm tôi nhớ lại và hiểu ngay đây là một cửa hàng quốc doanh bán theo sổ nhu yếu phẩm. Y chang như những ngày tôi còn kẹt lại ở Saigon. Marisa kéo tôi đi.

“ Họ nói gì với nhau vậy?”

Marisa cười ngật nghễ.

“ Anh là người Hoa mà không hiểu à?”

Tôi cãi lại.

“ Họ có nói tiếng Hoa với nhau đâu!”

Tôi vừa tổ vừa run. Họ có nói tiếng Hoa thì tôi cũng bù trất! Marisa đâu có biết tôi run. Nàng giải thích.

“ Họ ở đây lâu quá rồi nên chắc quên tiếng Hoa. Em ít gặp người nói tiếng Hoa lắm.”

Tôi nghĩ tới mối liên hệ giữa Đại Lục và Cuba. Chắc những người Hoa này được phái sang chi viện các nước anh em chăng?

“ Lâu là bao nhiêu lâu?”

“ Em nghe nói họ là con cháu chút chút gì đó của những người Hoa sang làm đường xe lửa từ hồi xưa hồi xưa. Lâu lắm rồi!”

Tôi nhìn quanh, chẳng thấy khuôn mặt người Hoa nào trên con phố lác đác những người da đen hay da sậm màu qua lại. Tôi hỏi Marisa.

“ Đây còn là khu phố Tàu không vậy?”

Marisa gật đầu.

“ Sao anh không thấy người Hoa đi ngoài đường?”

“ Có đấy chứ!”

Nàng chỉ tay vào tôi, cười. Tôi cũng cười gượng. Coi như thua cô bé này thêm một bàn nữa. Một ông người Hoa đứng trong nhà nhìn ra cũng cười. Tôi không chú ý tới ông mà ngạc nhiên dán mắt vào những khuôn chữ bằng chì nằm thứ tự trên những chiếc kệ nghiêng nghiêng sát tường. Những con chữ của ngày xưa! Cả một thời quá khứ đổ ập về trong tôi. Những ngày làm báo xưa lao xao tất bật với những anh thợ sắp chữ thoăn thoắt tay bốc từng con chữ ngược gài vào khuôn xếp. Những bàn vỗ, những khuôn chì vừa đổ nhúng vội vào nước, những chiếc máy in già nua lạch xạch nuốt từng tờ giấy khổ báo lớn do anh thợ in đút vào máy bằng chiếc que gỗ mỏng... Tiếng lạch xạch ngày xưa rõ ràng đang vang lại trong tai tôi. Trong một góc lờ mờ soi sáng bằng một bóng điện tròn vàng ệch, anh thợ in trần trụi trực đang chằm giấy vào máy. Tôi như gặp lại người bạn cũ. Tay chân tôi rối bời lên. Ánh đèn *flash* của chiếc máy chụp hình trên tay tôi chớp lia lịa như muốn nuốt trọn những hình ảnh tưởng đã mất từ lâu. Tôi như bị hớp hồn chẳng còn nghe thấy tiếng nói chuyện giữa ông Tàu và Marisa.

Bước chân tôi lằng lằng trên đường. Marisa lặng thinh bên cạnh tôi. Chỉ khi chúng tôi bước vào một công viên tràn ngập du khách vang vang tiếng đàn tiếng trống, Marisa mới hỏi.

“ Sao anh bấm máy hình lia lịa như một thợ chụp hình chuyên nghiệp đối khách vậy?”

Tôi chẳng biết trả lời sao. Vội chống chế.

“ Anh thích đồ cô!”

Marisa bĩu môi.

“Cổ gì đâu mà cổ! Ở đây thiếu giống!”

Một ngón tay khều sau vai tôi. Tôi quay lại bắt gặp nụ cười cầu tài của ba anh nhạc sĩ đội mũ kết bằng lá dừa rộng vành. Một chiếc tây ban cầm, một cái trống thuẫn dài kẹp trong cánh tay, một bộ gõ lục lạc loảng xoảng.

“*Japan?*”

Tôi lắc đầu. Marisa nhún nhảy theo nhạc miệng nói một câu gì đó. Người nhạc sĩ ôm đàn gập đầu, dạo nhạc. Tiếng trống, tiếng lục lạc vào nhịp. Ba cái miệng há ra hát. Tôi nghe thấy tiếng *China* lập đi lập lại. Dứt bản nhạc, họ chìa tay. Tôi móc tờ giấy một đô Mỹ ra. Họ vội cuốn vào túi, cúi chào, vội vã chạy tới một toán du khách khác. Marisa kéo giật tay tôi.

“Anh cho họ nhiều vậy?”

Như sự nhớ lại, nàng ghì tay tôi nói bằng một giọng buồn bã.

“Em xin lỗi. Em quên anh là du khách!”

Tôi hỏi Marisa giọng bồn chồn.

“Cho bao nhiêu là vừa?”

‘Hai mươi lăm xu thôi.’”

“Nhưng họ có ba người tất cả.”

“Nhưng có phải chỉ có mình anh cho họ tiền thôi sao?”

Tôi làm bộ chạy.

“Để anh tới đòi bớt lại nghe! Họ còn đứng kia kia!”

Marisa giật cánh tay tôi lại. Vừa đưa mắt lườm vừa cười như nắc nẻ. Tôi thấy nàng như đang đánh mắt nàng.

“Họ hát bài gì mà anh nghe thấy chữ *China* hoài vậy?”

Marisa nhìn tôi thương hại.

“ Anh đúng là ngớ ngẩn như du khách! Họ chỉ có mỗi một bài, hát đi hát lại cả ngày. Một bài chào mừng vớ vẩn. Cái ăn tiền của họ là trước khi hát, họ hỏi du khách từ đâu tới rồi chêm tên nước đó vào bài hát. Du khách như anh chắc khoái lắm đấy nhỉ?”

Nàng liếc mắt dặt dầu hỏi như chế nhạo.

“ Vậy thì họ cũng thông minh và tâm lý ra phết. Đáng một đô la. Khỏi đòi lại nữa!”

Marisa đập vào vai tôi. Lắc đầu, cười. Cử chỉ tự nhiên của nàng làm như chúng tôi đã thân nhau từ thuở nào. Tình thân càng lúc càng quánh lại theo những bước rong chơi qua khắp khu phố cổ. Khi ánh mặt trời đã dịu xuống, tôi rủ Marisa đi ăn. Nàng tinh quái hỏi.

“ Mình trở lại phố Tàu chẳng?”

Nghĩ tới những anh rặt Cuba đứng mời chào trước cửa các tiệm ăn Tàu, tôi nghi là thức ăn cũng lai căng như vậy. Chẳng ham. Tôi rút tấm bản đồ chỉ dẫn du lịch ra, liếc qua mục nhà hàng, tìm địa chỉ một nhà hàng mà tôi đã chíp trong bụng từ mấy ngày trước. Một nhà hàng được quảng cáo là có món gà *Asado* chicken đặc biệt ngon của Havana.

Tôi chỉ địa chỉ nhà hàng cho Marisa, lấy giọng xa cách.

“ Này cô hướng dẫn viên, cô có thể đưa du khách đi ăn món gà đặc biệt của Havana này không?”

Marisa nhìn vào bản đồ chỉ dẫn, giọng cũng xa cách.

“ Địa điểm nhà hàng thì hướng dẫn viên bắt buộc phải biết. Không biết thì giải nghệ cho rồi! Cũng gần đây thôi. Nếu chân cẳng du khách còn tốt thì chúng ta có thể cuộc bộ

được. Còn món gà thì dân Havana chưa bao giờ biết tới thứ này. Gà ở đây đều là gà trời cả, cao lắm, dân Havana chính cống với không tới đâu!”

Tôi bóp nhẹ chiếc cần cổ mảnh mai của Marisa, nâng mặt nàng lên.

“ Chưa biết thì cứ đi tới đó khắc biết. Tội cô nhỏ quá!”

Nhà hàng dễ chùng chứa được tới ba trăm thực khách được cất bằng gỗ lợp lá trông giống như những căn nhà sàn của miền Thượng được nối vào nhau một cách khá thẩm mỹ. Nói là nhà sàn nhưng những nhà sàn này là loại nhà sàn thượng lưu, kiếm đâu ra nơi rừng rú. Trần nhà cao vút như trần nhà thờ được đánh vẹt ni bóng loáng làm nổi những vân gỗ và ngay cả những sống lá chắc nịch. Tiền sảnh được trang hoàng bằng những tượng gỗ nghệ thuật. Ngay trên bức tường bằng gỗ lớn, đập vào mắt hàng khách đứng chờ được xếp chỗ là một khung ảnh lớn vẽ hình Ché Guevara nằm gối trên lá cờ Cuba rộng khổ. Hình ảnh của Ché chỗ nào cũng có. Ngay những đồ kỷ niệm chỉ bán cho du khách, áo, mũ, lịch... anh Ché cũng ghé mặt vô. Tôi bấm Marisa.

“ Sao cái anh Ché này chiếm nhiều chỗ quá vậy?”

Marisa không nói gì. Tôi nhìn vào cổ nàng. Anh Ché vẫn lấp ló giữa cổ áo. Marisa theo tầm mắt tôi, vội lấy tay che cổ. Nàng vít tôi xuống thì thầm.

“ Anh đừng nói lớn. Anh hùng thần thánh của đất nước đó.”

Tôi ghé tai Marisa, cũng thầm thì.

“ Anh thấy thần thánh nào cũng khó ưa hết!”

Nàng bịt miệng tôi lại, nhún vai.

Chúng tôi được dẫn tới chiếc bàn nhỏ có hai chỗ ở tít tận trong góc tiệm. Marisa có vẻ khóps.

“Cả đời em chưa bao giờ được bước chân vào một tiệm ăn sang trọng như thế này!”

Tôi nhìn quanh. Thực khách có lẽ toàn là du khách ăn nói thoải mái. Marisa đập vào vai tôi. Nàng quay lưng về phía tôi.

“Anh cởi dùm em sợi dây chuyền.”

Tôi vén những lọn tóc hung, vừa mở chiếc móc vừa hỏi.

“Em chán anh hùng rồi hả? Chắc nặng quá phải không?”

Marisa cầm cái mẽ đay có hình Ché bỏ vào túi áo.

“Kể cũng hơi nặng!”

Tôi gọi một ly vang đỏ. Marisa lúng túng. Tôi gọi cho nàng một cái *Pina Colada* có pha một chút *rhum*. Anh bồi áo trắng gạt đầu. Một cô tiếp viên mang tới hai đĩa sà lách. Cải bắp trắng cắt nhỏ, cà chua cắt miếng lớn. Món hầu như bắt buộc nhà hàng nào cũng dọn ra trước cho khách ăn chơi. Tôi rắc muối, dấm, dầu ăn vào hai đĩa rau. Marisa chăm chú nhìn. Chưa ăn hết đĩa rau, hai chiếc đĩa hình bầu dục lớn đã được dọn ra. Người hầu bàn vừa đặt đĩa xuống thì một người tiếp theo sau xúc vào mỗi đĩa vài muỗng cơm, một người khác rưới lên cơm chút nước sốt. Một cánh tay để lên bàn giỏ bánh mì nóng hôi hổi. Tôi giỡn với Marisa.

“Anh thấy ở đây có một thứ thừa mứa là sức lao động!”

Marisa hỏi lại.

“Anh không có ý định nói chỗ em làm đây chứ?”

“Em cũng cảm thấy như vậy à?”

Marisa chỉ cười, không trả lời. Tôi cũng chẳng cần câu trả lời vì đĩa thịt gà vàng ngậy, nóng sốt đã nằm trước mặt. Tôi gấp cho Marisa một chiếc đũa gà thơm mật. Bụng đói, tôi xử ngay miếng thịt gà xem ra khá hấp dẫn. Thơm, hơi ngọt nhưng có vị riêng rất lạ. Tôi nhìn Marisa ngượng nghịu với dao và nĩa.

Bốn miếng gà đã mất tăm tích, anh hầu bàn tới hỏi và mang ra một đĩa khác. Marisa nhìn tôi dò hỏi. Tôi khẽ bảo cứ việc ăn thỏa thích, gà ngon là một lẽ, nhưng thực khách có quyền ăn tùy bụng, muốn ăn bao nhiêu thì ăn không phải trả tiền thêm. Có lẽ thịt gà ngon hơn nếu nó không đựng tới hầu bao nên chúng tôi đánh gục luôn được đĩa thứ hai. Anh hầu bàn đứng cạnh như nhấp nhòm muốn đi lấy đĩa khác. Tôi lắc đầu. Bụng dạ nào mà dứt được nguyên một chú gà vào dạ dày!

“Ngon không em?”

Marisa mơ màng.

“Chưa bao giờ em được ăn gà ngon và thỏa thích như thế này. Em mới có thêm một chút tự hào về đất nước em, cái tự hào mà phải nhờ một du khách nước ngoài em mới có được!”

Tôi cười. Cô bé nhỏ người trước mặt tôi cũng sắc góm! Phần kem tráng miệng được gài theo giấy tính tiền. Tôi đặt tiền lên đĩa, rút thêm tờ giấy trăm đô dúi vào tay Marisa.

“Trả nợ em tiền anh vay sáng nay.”

Marisa hốt hoảng.

“Sao anh trả em nhiều vậy?”

“Anh có tính thêm tiền lời nữa!”

Marisa vội rút tiền vào túi, mắt nhìn quanh, như một bản năng.

Khi chúng tôi rời tiệm, trời đã tối. Tôi trông thấy phần lầu cao của khách sạn tôi ở nhô lên khỏi ngọn cây. Theo con đường về hướng khách sạn, tôi ôm vai Marisa.

“ Bây giờ cho em nghỉ. Để anh dẫn đường về khách sạn nghe!”

Marisa ngược nhìn tôi, tay vòng qua lưng, bấm nhẹ. Mặt Marisa như khựng lại, bối rối. Chúng tôi lặng lẽ đếm bước. Marisa ấm trong tay tôi. Ngọn đèn đường yếu ớt, vàng xin vẽ hai chiếc bóng mù mờ lên mặt đường đá. Tôi lặng người lảng lảng hưởng cái thú lãng đãng thanh thản trên vùng đất lạ. Như đang hái được những quả của cái trần gian. Marisa nép người bên tôi lặng thinh. Không hiểu có những gì trong chiếc đầu bé nhỏ đang ngoan ngoãn nặng một bên vai tôi. Tới gần khách sạn, chúng tôi dừng chân trong bóng tối. Marisa ngược nhìn tôi như chờ đợi. Tôi xiết mạnh bàn tay nàng. Nàng bỗng run run hỏi.

“ Anh có muốn em lên với anh không?”

Marisa như hốt hoảng khi nghe câu hỏi lúng búng vang vọng lại. Tôi khẽ cắn vào tai nàng.

“ Em có thích lên không?”

Marisa vùi mặt vào ngực tôi. Người nàng nức lên. Tôi thấy lạnh lạnh trên ngực áo. Tay tôi diu diu vỗ lên lưng Marisa.

“ Em về đi!”

Nàng giữ những cơn nấc. Tôi khẽ đẩy Marisa ra. Mặt nàng nhòe nhoẹt ngẩng lên, tay run run vẽ hình thập giá trên

trán, trên miệng và trên ngực tôi. Rồi thoát quay đi. Tôi đứng
lặng yên cho tới khi bóng Marisa khuất nơi ngã tư đường.
Tôi leo lên khách sạn bằng những bước nặng nề.

03/2005

TÌM VỀ

Tôi vẫn nhận ra cái ngã tư này. Hàng cây xanh trên đường Ngô Thời Nhiệm vẫn đứng như vậy chờ tôi từ nửa thế kỷ trước. Từ con đường Trần Xuân Soạn chạy ngang trước cửa nhà tôi quẹo trái là những bóng cây lực lưỡng hơn, nơi những chú ve sầu họp nhau lại kêu ra rả suốt mùa hè. Bây giờ đang mùa đông, ve sầu vắng bóng. Những con sâu tiền thân của ve chắc còn đang nằm im lìm dưới lòng đất chờ tới đầu mùa hè sẽ nhích dần lên gốc cây để hóa thân. Những buổi tối chúng tôi tụ tập thành từng nhóm, ánh đèn pin nhấp nhóa trên những thân cây xù xì, tranh nhau chụp những thân sâu sắp thành ve, mang về cho bám trong mùng ngủ để sáng dậy, cùng với ánh mặt trời chói chang, những chú ve sơ sinh đang chờ khô cánh để cất vòng bay đầu đời. Những buổi tối

đó, những Định, những Đường, những Thuần, những Thanh, chúng tôi họp thành một nhóm sát ve, hồi hộp chụp từng nạn nhân bỏ vào hộp. Thanh đã bỏ mình trong một góc rừng nào đó tại miền Nam, Thuần đang ở bên Houston. Chỉ còn anh em Định và Đường còn ở lại. Tôi quẹo tay mặt đi thẳng xuống phố Hòa Mã. Đường xá khu này chẳng thay đổi mấy. Tấm bảng xanh “Phố Hòa Mã” vẫn bám lấy cột điện đầu đường. Tôi quẹo mặt trên phố Hòa Mã, đếm từng căn nhà. Nhà Định và Đường là căn thứ bảy bên trái. Trước mặt tôi là một căn trông như một chung cư nhỏ. Ngày xưa, nhà của hai tên này là một biệt thự có vườn có bồn hoa phun nước cơ mà. Tôi ngần ngừ đứng trước cửa. Quá khứ như biến mất. Chẳng lẽ! Tôi thử bước vào bên trong. Hành lang vắng hoe. Thấy chiếc cầu thang, tôi leo lên. Một bà già đang ngồi hong tóc bên chiếc cửa sổ độc nhất. Tôi hỏi thăm chủ căn nhà cũ. Bà cụ lắc đầu.

“Làm gì có nhà cũ. Nhà này có từ lâu lắm rồi cậu ạ!”

Tôi không thể làm được. Ngày xưa có ngày nào tôi không cưỡi xe đạp tới trước cửa huyết sáo gọi bạn năm lần bảy lượt. Bà cụ ngơ ngác nhìn tôi chờ đợi.

“Vậy bác có biết người nào tên Định ngày trước ở đây không?”

“Định à? Định thì có. Cậu ấy ở cách đây hai nhà. Cái nhà mở cửa hàng bán cà phê ấy!”

Tôi cảm ơn và vội bước đi. Tôi háo hức vì sắp nắm được áo bạn tôi. Lề đường ngổn ngang những viên gạch nằm lẫn vào lòng đất. Tôi bước vào tiệm, kéo ghế ngồi, cố giữ lòng để dài thêm những thích thú. Một anh trung niên trong chiếc

áo sơ mi sậm màu bỏ ngoài quần ra tiếp khách. Tôi gọi cà phê đen. Nhìn ra phía trước, tôi như thấy tôi đang ghếch chân, ẹo người trên chiếc xe đạp chờ Định bước ra. Người đàn ông mang ra cái phin cà phê móp méo gác trên cái tách vàng đã có những vết mẻ trên vành.

“ Ông có dùng thuốc lá không ạ?”

Tôi rút bao thuốc ra mời.

“ Ông hút với tôi một điếu.”

Nhìn bao thuốc, người đàn ông hấp tấp dùng cả hai tay đỡ điếu thuốc tôi vừa xốc lên.

“ Thuốc ngoại hả ông?”

Tôi không nghe thấy tiếng cảm ơn.

Chiếc bật lửa được anh ta rút ra khỏi túi áo sơ mi như một cử chỉ đã quen thuộc hàng ngày. Anh châm điếu thuốc trên môi, tắt lửa, đưa điếu thuốc vừa cháy cho tôi.

“ Ông châm lửa.”

Một hơi khói bay theo lời mời của anh. Tôi mời lửa, trả lại anh điếu thuốc.

“ Anh có biết ai tên Định ở đây không anh?”

Mặt anh sừng sốt.

“ Định là tôi!”

Tôi nhìn sững anh. Không có một nét Định nào trên khuôn mặt đang chăm chú nhìn tôi. Tôi biết mình không lầm.

“ Tôi hỏi một người tên Định, khoảng trên sáu chục, ngày trước ở khu này.”

Tôi chơi thân với Định tuy kém Định vài tuổi. Tuổi của Định bây giờ ở Hà Nội hẳn là một cụ ông rất đạo mạo như

muốn tự mình làm già trước tuổi, tôi nghĩ vậy.

“Vậy thì nhà cháu không biết! Chẳng có ai tên Định ở quanh đây tuổi tác như vậy cả. Hay là ông có nhầm nhà không?”

Tôi lắc đầu.

“Tôi không nhầm. Nhầm làm sao được!”

Ngày xưa khu phố này toàn những biệt thự. Nhà Định lớn hơn cả. Chúng tôi còn chơi đá bóng trong sân được tuy phải cẩn thận tránh mấy chậu cảnh của bố Định. Cụ là người ít cười. Làm gì có cửa hàng! Cà phê cà pháo là điều tôi không thể hình dung được!

Tôi chán nản đứng dậy ra về. Định đã lưu lạc về đâu trong cơn lốc của thời cuộc? Những ngày chộn rộn đó Định là người muốn đi nhất. Khi tôi tới từ già, Định đã nắm lấy tay tôi, nước mắt chảy dài trên má. Anh chẳng thèm quệt nước mắt, dặn tôi nhớ viết thư về cho biết cuộc sống trong Nam ra sao. Anh còn hai người anh đi theo kháng chiến và ông cụ, tuy là công chức, nhất định bắt gia đình ở lại chờ con về đoàn tụ. Ngày đó, lần đầu tiên bước chân vào một cuộc viễn du, người tôi như chấp cánh, tôi sung sướng viết thư về Định mỗi ngày kể huyền thuyên về những điều lạ lẫm của một xã hội hoàn toàn khác biệt và xa lạ với tôi. Tôi chẳng nhận được một hồi âm nào từ Định. Tưởng lần này về chốn cũ, tôi sẽ bắt được Định, dù muộn màng, quá muộn màng, nhưng Định vẫn mắt hút.

Tôi quay ngược đường về, bỏ qua ngã tư Ngô Thời Nhiệm, đi dần thêm hai ba đường nữa tới đường Phùng Khắc Khoan, quẹo mặt. Con đường ngày xưa nhỏ xíu, quanh năm

lặng lẽ giờ đã trở thành một chỗ hội tụ của những cửa hàng vải, ồn ào, nhộn nhịp, người lui tới chónh mặt chónh mũi. Tôi mất dấu những thằng bạn đánh bi đánh đáo trên con đường vắng lặng như một khoảng trời bình an dành cho tuổi thơ tôi. Tuần thò lò mũi xanh vừa mất. Tôi biết cái chết của thằng bạn đã từng tạo thành tích học thuộc lòng những tập của dây cộm của trường Luật, nhớ từng dấu chấm dấu phẩy, nhớ từng chỗ xuống dòng sang trang, nhờ tình cờ liếc qua một tờ báo địa phương đọc vội tại một nhà người quen trong một dịp đi nghỉ hè. Linh vẫn ở cùng chỗ với tôi, thỉnh thoảng lại gặp nhau, nhắc lại những trận thư hùng trong trường bi trận đáo trên vỉa hè này. Lần này về lại nơi tạm ngụ cư, tôi sẽ bảo hấn là vỉa hè chỉ còn trong hấn và tôi chứ không còn tại nơi chốn cũ.

Cửa nhà tôi mở thênh thang, kẻ ra người vào tự nhiên như chốn không người. Đôi cánh cửa bằng sắt chắc chắn ngày xưa đã từng hiên ngang coi thường những tiếng động cửa của lũ tây say rượu đi kiếm gái trong những ngày mới hồi cư nay vẫn nằm nguyên đó. Con phố ngày đó như một bãi sa mạc. Thỉnh thoảng mới có một nhà có người ở. Đám người đi hôi của mặc sức xục xạo. Nhà có người ở phải kẻ chữ đánh dấu bên ngoài. *Maison occupée!* Ba tôi đã sơn hàng chữ này trên cửa bằng một bộ kẻ chữ bằng thiếc mượn của ông chú tôi. Cánh cửa đó bây giờ có cũng như không. Nó được mở liên tục. Nhà tôi đã biến thành một chung cư bất đắc dĩ cho nhiều người ở. Tôi dè dặt bước chân vào căn nhà tuổi thơ. Những viên đá hoa xanh trắng rít kịt dưới chân tôi. Tôi leo lên cầu thang. Mảnh hành lang vuông vắn dẫn vào

các cửa phòng khói tỏa mù mịt. Một bà già đang ngồi quạt bếp củi đun nấu. Mắt bà lim dim nhòe nhoẹt. Thanh củi ướt như không chịu bắt lửa. Tôi đứng nhìn. Bà chẳng thèm hỏi han. Chắc chung quanh bà ai cũng là người lạ. Tôi đứng dựa bên cửa sổ nhìn ra. Dãy nhà trước mặt toàn là cửa hàng vải. Ngày xưa, đó là căn nhà của một bà nhà giàu trắng trẻo, ăn vận sang trọng, xa cách hàng xóm, son phấn đỏ chói, lạ lẫm như đang ở trên chín tầng mây, mà anh em tôi đặt cho bà cái tên “bà tiên”. Gian bên cạnh là cơ ngơi của một cặp vợ chồng trẻ, lúc nào cũng nồng nàn, phơi phới. Có lần đứng với tôi bên khung cửa này, Chuyên đã thắm thì. Khi nào chúng mình lớn, anh với em sẽ thành vợ chồng như vậy nghe! Tôi bỗng nhớ tới Chuyên. Cô bé mười ba tuổi trắng trẻo, mũm mĩm, mắt tròn to, tóc rậm rạp đen nhánh, lúc nào cũng theo tôi trong các cuộc chơi. Tôi nhìn vào cửa phòng của gia đình Chuyên nằm ngay bên trái. Mẹ và hai chị em Chuyên đã tới thuê căn phòng này trong bao lâu, tôi chẳng nhớ. Trong trí tưởng tôi, đó là một thời gian dài. Tôi nhớ tới đôi mắt ướt nhòe, chiếc mũi đỏ chót xịu, và cái quay người hờn dỗi khi tôi rời nhà ra phi trường Gia Lâm lên chuyến bay vào Nam. Tôi bỗng tha thiết muốn tìm lại Chuyên. Lòng tôi trùng xuống. Làm sao kiếm được Chuyên? Tôi gõ cửa đại. Người đàn ông mở cửa nhìn tôi trân trối. tôi vội hỏi.

“ Xin lỗi ông, tôi muốn tìm một người quen trước kia ở trong căn phòng này.”

Người đứng trước mặt tôi sững giọng.

“ Ông tìm ai?”

“ Cô Chuyên!”

“Chuyên?”

Đôi mắt dò hỏi ném xoáy vào tôi.

“Ông ở đâu tới vậy?”

“Trước kia tôi ở trong nhà này.”

Người đàn ông phân vân.

“Ông nói trước kia là bao giờ vậy?”

“Trước năm 1954.”

Đôi mắt người đàn ông sáng lên.

“Anh Ngạn phải không?”

Tôi như muốn nhảy lên. Người đàn ông này, mái tóc rẽ tre này, đôi mắt xé nhỏ bé này. Không thể làm được.

“Nam?”

Mặt Nam méo xệch.

“Em đâu có ngờ có ngày gặp lại anh như thế này!”

Tôi ôm vai Nam. Nam kéo tôi vào phòng. Hắn gọi đứa con gái đang lúi húi trong một góc phòng rót nước mời khách. Tôi nhìn khắp căn phòng bừa bộn, giường chiếu ngổn ngang, quần áo vắt kín chung quanh.

“Nam ở đây một mình thôi à?”

“Vâng, gia đình em cố thủ từ hồi đó đến giờ. Các phòng khác toàn là người lạ họ bố trí sau này.”

“Mợ đâu?”

“Mợ em mất rồi!”

Tôi nhớ tới người đàn bà hiền hậu lúc nào cũng coi tôi như con. Ngày đó, bố của Chuyên và Nam đi theo kháng chiến, mợ một mình đi may nuôi con. Mợ làm thợ may trong trại lính Nhảy Dù của quân đội Pháp và giấu biệt lý lịch của mình. Gia đình tôi cũng chỉ biết là chồng của mợ mất tích

trong những ngày khói lửa chẳng biết sống chết ra sao. Coi như mẹ góa con cô. Mãi tới khi chúng tôi ra đi, mẹ mới cho biết là vẫn có tin tức của chồng, và mẹ ở lại chờ đoàn tụ.

“Ngày đó bố em có về không?”

“Có anh ạ. Nhờ thế lực của ông gia đình em mới dễ thờ. Nếu không chắc cũng căng lắm!”

Tôi nói đùa.

“Như vậy thì tốt quá rồi. Cũng mừng. Rồi mẹ mất khi nào?”

Nam thở dài.

“Chỉ ba năm sau thôi anh ạ. Mẹ em buồn lắm! Buồn mà mất đấy chứ!”

“Sao lạ vậy?”

“Bố em có thêm một bà nữa cùng về. Không chính thức nhưng còn hơn là chính thức. Hai người cùng công tác ở một cơ quan. Thời đó, chắc anh biết, mình thua thiệt mọi bề.”

Tôi ngòì ngó ra cửa sổ chẳng biết nói gì. Chiếc cửa sổ trông xuống khu chợ Đuối trước mặt, phía bên kia đường. Ngày xưa chợ tấp nập người. Buổi sáng, chợ tràn ra chiếm luôn con đường, xe cộ phải lưu thông trên những con đường kế cận, chỉ có xe đạp còn len lỏi được với người. Đám đông những người đàn bà đi chợ đội nón ngược xuôi kín đường phố đã làm tôi bày ra một trò chơi đại dột. Trò gấp đạn giấy dùng sợi dây cao su bắn vào những chiếc nón dưới đường. Nam và Chuyên tham gia thích thú. Rồi không hiểu đứa nào trong đám chúng tôi nghĩ ra cái trò nâng cấp thay đạn giấy bằng những mẫu giấy thép uốn cong như những lưỡi câu. Trò chơi trở thành nguy hiểm ngoài tầm hiểu biết của chúng

tôi. Có lẽ những chiếc nón thúng đã dẫn đường cho một ông Cảnh Sát gõ cửa nhà vào một buổi trưa nắng chang chang. Tiếp vị khách bất đắc dĩ này xong, mẹ tôi và mẹ của Nam tiếp chúng tôi với sự hỗ trợ của cây roi mây. Trận đòn nhớ đời đó chẳng biết Nam có còn nhớ không.

“ Khu chợ Đuôi trước cửa họ đẹp đi rồi hay sao mà anh thấy đường xá trơn tru vậy?”

Nam xê tách nước trà về phía tôi.

“ Anh dùng trà. Chợ bây giờ dồn vào trong cả rồi. Anh thấy cửa chợ đó không?”

Hai chúng tôi bước hẳn ra cạnh cửa sổ. Tôi vừa nhìn theo tay chỉ của Nam vừa hỏi.

“ Vậy thì làm sao tụi mình bán...máy bay được nữa?”

Hỏi đó tùy theo độ tuổi của những người mang nón mà chúng tôi bán máy bay bà già hay máy bay chiến đấu! Nam cười. Nụ cười coi bộ không thoải mái.

“ Bữa đó nhớ đời anh nhi? Sau khi anh đi, có những lúc nhớ về những ngày cũ, tụi em vẫn nhắc tới...chiến bại đó. Chị Chuyên em cười đau cả bụng. Bữa đó mà chị ấy không giả bộ ngây ngô thì tét mông rồi!”

Thấy Chuyên xanh mặt chúng kiến những lần roi nghiệt ngã hôm đó, tôi không thấy ghen tị. Nam cũng chẳng tỏ cáo thêm một thủ phạm đồng lõa. Chuyên được tha bổng nhưng trong lòng chắc áy náy vô cùng, lảng xảng bên hai xạ thủ gặp nạn, mặt u sầu như chính mình vừa qua cơn sóng gió. Tôi tần ngần hỏi.

“ Chuyên hồi này ra sao?”

Nam lắc đầu.

“ Cũng thường anh ạ! Đòi chị ấy không được vui. Em vẫn bảo là đôi mắt lúc nào cũng ướt rượt như vậy thì khổ cả đời. Anh thấy có phải không?”

“ Chuyên khổ lắm à?”

Nam gật đầu.

“ Lấy chồng đã không vui. Vậy mà rồi chồng chết. Đòi chị ấy buồn lắm!”

“ Chuyên ở đâu?”

“ Cũng gần đây thôi. Trên đường Lê Văn Hưu. Anh có muốn gặp chị ấy không?”

“ Em cho anh địa chỉ đi.”

Nam gạt ngang.

“ Địa chỉ gì! Để em lấy xe lai anh đi.”

Tôi tính toán trong đầu.

“ Khỏi cần. Cứ cho anh địa chỉ. Anh muốn dành cho Chuyên một bất ngờ. Dọa cô nàng một tí chơi!”

“ Nàng chi nữa! Về hưu rồi!”

Tôi bỗng hụt mất niềm vui thơ dại. Anh chàng này thật vô ý vô tứ!

Tôi loanh quanh trong một cửa hàng vải. Cô bán hàng xoắn xuýt hỏi han chào mời. Điều này mà đi ra tay không chắc có biến ngay tức khắc. Lựa đại vài xấp vài hoa hoét dễ thương, tôi hấp tấp ra cửa. Trước cửa nhà tôi toàn là tiệm vải chứ nếu toàn là tiệm hoa hay tiệm gấu nhồi bông, ngay cả tiệm bán ô mai đi nữa, chắc tôi cũng chẳng ngại gì mà không mua. Tôi chỉ muốn có chút gì cầm tay mà không tốn nhiều thời giờ. Căn nhà nho nhỏ nằm trong một dãy phố san sát nhau những cửa nhà đồng dạng. Không có cái số nhà thì

rất dễ vào làm nhà người khác. Tôi đọc đi đọc lại con số mờ mờ trước cửa rồi so lại với con số ghi trên giấy. Khi đã nói được con số nọ vào con số kia, tôi mới bấm chuông. Chính Chuyên ra mở cửa. Tôi nhận ra được cô bé ngày xưa chỉ nhờ vào đôi mắt tròn to đen nháy ngày xưa. Chuyên về hưu không còn nhiều nét Chuyên mười ba tuổi. Tôi cất tiếng.

“ Đây có phải nhà bà Chuyên không ạ?”

Mặt Chuyên dò xét.

“ Dạ đúng. Ông muốn hỏi ai?”

Tôi vẫn đóng kịch.

“ Tôi muốn hỏi cô Chuyên?”

Mặt Chuyên nheo lại.

“ Cô Chuyên?”

“ Vâng! Cô ấy khoảng mười ba tuổi.”

“ Làm gì có cô Chuyên nào ở đây! Ông có nhầm nhà không vậy?”

“ Không. Tôi không nghĩ là tôi nhầm. Tôi ở xa về, mới hỏi thăm nơi nhà cũ của cô ấy và được người em cho địa chỉ ở đây.”

Chuyên run lên.

“ Anh Ngạn phải không?”

Tôi bước xuống khỏi sàn diển. Gật đầu. Chỉ chờ có vậy, Chuyên nhào tới ôm lấy tôi, ghi chặt, như thể sợ tôi sắp quày quả bỏ đi xa nữa. Mặt Chuyên áp sát vào vai tôi, nức nở. Tôi nghe thấy vai mình nặng nặng. Tay Chuyên bóp chặt cánh tay tôi.

“ Sao anh lại về!”

Giọng nàng như bị một tấn bông gòn chặn lại nghe âm u

xa vắng. Chuyên bỗng ngẩng lên, kéo lại áo.

“ Vào nhà đi anh.”

Cánh cửa khép lại, Chuyên qua cơn xúc động lấy lại được tư thế của bà chủ nhà.

“ Anh ngồi chơi. Để Chuyên đi pha trà.”

Tôi gạt đi.

“ Chuyên ngồi xuống đây. Anh vừa uống bên nhà Nam rồi.”

Chuyên ngồi xuống chiếc ghế đối diện với tôi, nhìn tôi trân trân, như không hiểu làm sao tôi bỗng rơi xuống chiếc ghế này. Tôi đưa túi vải cho Chuyên.

“ Cửa Chuyên đây! Chẳng biết Chuyên có thích không. Anh không có khiếu chọn vải.”

“ Anh bày vẽ làm gì cho tốn tiền.”

Chuyên mở sơ qua túi vải, xếp lại một bên. Cái nhìn của Chuyên vẫn chăm chăm vào tôi.

“ Em không bao giờ có thể tưởng tượng được có ngày anh lại ngồi đây. Có thực anh về tìm Chuyên không vậy?”

Thực ra, khi trở về Hà nội, tôi chẳng nghĩ tới người nào cả. Họ hàng nhà tôi chẳng ai còn ở lại. Bạn bè, gần năm chục năm rồi còn gì nữa! Tôi chỉ muốn về lại nơi cũ, đi lại những đoạn đường xưa, tìm lại nơi chốn đã là tuổi thơ của tôi. Tôi chỉ đi kiếm Định, kiếm Chuyên khi khung cảnh nhắc nhở tôi. Tôi băng quơ.

“ Anh không nghĩ Chuyên còn ở đây để tìm lại. Anh nghĩ mình vẫn còn may mắn! Năm mươi năm qua, Chuyên sống như thế nào?”

“ Cũng chẳng có gì đặc biệt. Đi học. Theo ngành sư

phạm. Dậy học. Lấy chồng. Sinh được hai con, toàn là gái. Chồng chết. Không thủ tiết thì cũng phải thủ tiết vì người nào cũng như chồng cũ, lấy nữa thì chán chết. Vậy thôi!”

Tiếng chạch lưỡi chấm hết câu nói như tiếng thạch sùng. Nghe như bắt càn.

“Mợ mắt rồi phải không? Anh nghe Nam nói.”

Tôi không nghe tiếng trả lời. Chuyên ngồi đó nhưng hồn như đi đâu. Ngơ ngác.

“Mợ em mắt sau khi đoàn tụ với bố em được ba năm. Đoàn tụ! Có lẽ mợ em mắt vì đoàn tụ. Buồn lắm anh ạ.”

“Anh có nghe Nam nói.”

“Nam có nói gì với anh nữa không?”

“Không! Chỉ tâm sự với anh về mợ thôi. Chắc Nam vẫn nhớ là anh rất thương mợ.”

Ngần ngừ.

“Còn chuyện em, Nam có nói gì không?”

“Không! Chắc Nam để dành cho em nói.”

“Chán chết anh ơi! Cái bóng của bố em lớn quá. Biết vậy...”

Chuyên bồng nhóm người hỏi tôi.

“Anh có biết là sau khi anh đi, người ta âm âm kéo nhau di cư khi chính phủ kêu gọi mọi người vào Nam. Lúc đó, em đã định cứ liều ra đi, vào trong đó đã có gia đình anh, lo chi! Nhưng nghĩ lại em sợ. Biết kiếm anh ở chỗ nào. Em mới mười ba tuổi. Đâu đã biết liều! Mợ em thì nhất định không đi rồi. Tới khi muốn đi thì đã quá muộn. Làm sao đi được nữa!”

Tôi lặng thinh chẳng biết nói gì. Cô bé này ngày đó đã

nặng lòng với tôi như vậy sao? Tôi thì cứ lon ton trước viễn ảnh đi xa, có nghĩ ngợi gì đâu. Ba tôi đã thu xếp cho gia đình được ra đi sớm, chỉ vài ngày sau khi hiệp định Genève được ký kết. Lúc đó chưa có phong trào di cư. Ngày đó, đi đối với tôi là sướng rồi. Con trai tuổi mới lớn đưa nào chẳng vậy.

“Mợ sau đó cũng muốn đi hay sao?”

“Vâng, chỉ ít tháng sau khi bố em về. Ông như một người lạ có quyền uy trong nhà. Chuyện gì ông cũng tự quyết định và bắt mọi người phải theo. Ngay chuyện em lấy chồng vài năm sau đó cũng một mình ông xếp đặt. Chồng em là con một đồng chí với ông từ ngoài khu chiến. Ngày cưới, em khóc hết nước mắt. Lúc đó, em nhớ đến anh!”

Giọng Chuyên nhỏ đi ở những câu cuối. Tôi lặng người. Cái thằng nhỏ ngọc nghếch là tôi có nhớ gì tới người bạn nhỏ cách xa cả một bức màn tre. Tôi phá cái không khí buồn thảm.

“Mình đi chơi một vòng không em?”

“Anh muốn đi đâu?”

“Đi loanh quanh gần đây, tìm lại những nơi chốn đã từng giữ lại hình bóng chúng mình.”

Chúng tôi đi dọc theo con đường Lê Văn Hưu về phía phố Huế. Ngang qua căn nhà ở ngay góc Ngô Thời Nhiệm, tôi nhớ đến những bạn học chung trong trường Anh Ngữ Зиен Hồng của hai giáo sư Lê Bá Khanh và Lê Bá Kông. Hồi đó chúng tôi rất ngưỡng mộ lối viết tiếng Việt mới của tên trường và tên vị thầy mang cặp kính cận dày cộm. Ra tới phố Huế, nơi ngày xưa có những cửa hàng nho nhỏ chúng tôi thường lui tới. Chuyên chỉ cho tôi căn nhà to lớn.

“ Anh nhớ chỗ này không?”

Tôi nheo mắt nhìn.

“ Hiệu kem Cẩm Bình phải không?”

“ Anh nhớ dai ghê nhỉ?”

Cả một căn phố có chiều dài hun hút chỉ đủ chỗ cho một cỗ máy làm kem. Những ô vuông trên máy bốc khói mù mịt mỗi khi được mở ra hứa hẹn cái mát lạnh thơm tho.

“ Hồi đó em chỉ thích kem va-ni, còn anh chuyên môn kem xúc-cù-là phải không?”

Có lẽ những cây kem dài lạnh buốt bốc khói rút ra từ những ô vuông bằng kẽm nơi đây là thứ tôi nhớ nhất. Không có một thứ kem nào trên thế giới có thể so sánh với cây kem Cẩm Bình ngày nhỏ. Có lẽ vì đây là thứ quà tôi có thể đi Chuyên mỗi khi chúng tôi trốn nhà đi chơi.

Lên một chút nữa là tiệm tạp hóa, nơi chúng tôi chúi mũi vào tủ gương ngắm nghía không biết chán những thứ trưng bày bên trong.

“ Cái tiệm tạp hóa gần đây đâu rồi nhỉ?”

“ Tiệm nào anh?”

“ Sao em quên được cái tiệm tụi mình dán mũi mỗi ngày đó nhỉ?”

Chuyên kéo tay tôi.

“ Em nhớ ra rồi. Ừ nhỉ! Lâu lắm rồi em không để ý tới nó. Chỗ này thì phải.”

Chuyên chỉ vào căn phố lạ hoắc. Tôi nhìn mà chẳng nói kết được nay và xưa.

“ Em có nhớ tụi mình mua gì ở đây không?”

Chuyên đỏ mặt nhìn tôi cười. Lần đó, trong túi có tiền lì

xì Tết khá nhiều, chúng tôi mới được dịp duy nhất làm khách hàng của cô chủ dễ thương chỉ cười mỗi khi chúng tôi ríu rít bàn luận xong rồi đi ra. Tôi mua một đôi tất mùa đông dài lên tới gần đầu gối và điệu nghệ hỏi Chuyên muốn mua gì tôi mua cho. Chuyên lắc đầu quây quây. Cô chủ cười và chỉ chiếc áo lót hai dây thật đẹp. Chuyên mắc cỡ quay đi. Ngày đó ngực Chuyên còn nhỏ xíu ánh rõ dưới làn áo cánh mỏng. Cô chủ tinh ý như một bà mẹ thấy đã tới lúc nai nịt cho con gái. Chị bớt cho các em một tý cho vui nghe! Cô gói hai thứ vào với nhau. Cả tuần lễ sau, Chuyên mới nhận chiếc áo làm tôi phải dấu diếm phát mệt.

Thả bộ lên tới giáp Hồ Gươm, tôi kéo Chuyên rẽ sang bên phải đi về phía Nhà Hát Lớn. Khúc đường phía trước nhà hát được mở rộng trồng trái. Chúng tôi băng ngang tới bên hông tòa nhà quen thuộc. Quyền giờ ở nơi đâu? Vũ có còn ở Lò Đúc không nhỉ? Ồ, sao không thử tạt qua xem hẳn còn đó không? Tôi chợt nhớ tới những thằng bạn đã một thời leo cửa sổ vào xem đoàn Gió Nam từ Sài Gòn ra trình diễn. Những chiếc cửa có chấn song kiên cố hầu như vẫn vậy. Chúng đợi tôi từ thuở nào tới giờ! Tôi đứng nghĩ tới những tháng ngày ngỗ nghịch, cười một mình.

Mái ngói của tòa nhà Bác Cổ gần đó kéo chân tôi. Khu vườn cỏ bên hông vẫn còn đó nép mình dưới những bóng cây cổ thụ làm mát những trưa hè. Nơi đây là sân đá bóng của chúng tôi. Những trái bóng quần vợt nhẵn nhụi chẳng còn một sợi lông nào được chúng tôi hì hục đuổi theo mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Xuân là đưa chuyên cung cấp những trái bóng quý giá này. Nhà nó ở bên cạnh sân quần vợt. Cái dáng người

nhỏ thó với hàm răng hô tinh nghịch như còn in rõ trong tôi. Giờ nghỉ giải lao, chúng tôi ngồi mút những que kem ngăn ngùn chỉ toàn nước và phẩm màu rút ra từ những chiếc bình kem loang loáng thủy ngân bên trong của những đĩa bán kem dạo và nói chuyện trên trời dưới đất. Chuyện của Xuân bao giờ cũng hấp dẫn chúng tôi. Hấn nhỏ con nhưng tỏ ra sành sỏi nhất bọn. Chuyện tình của nó với con nhỏ hàng xóm chẳng biết có được thêm bớt không làm chúng tôi vĩnh tai không biết mỗi. Ngày sinh nhật em, tao tặng em một quả bóng. Tụi tôi trề môi. Bóng mây đi lượm chứ có mất tiền mua đâu mà làm quà! Nó cãi lại. Không mua nhưng có ý nghĩa. / Ý nghĩa con khi ấy? Hà tiện thì nói hà tiện cho rồi! / Tụi mày có đĩa nào có em chưa mà cãi? Nó đánh trúng tim đen của chúng tôi, toàn những thằng trông thấy con gái mình thích là run như cây sậy. Tao đéo thèm nói chuyện với lũ chúng mày nữa! Lại một màn gây gổ nhau. Đứa nọ đổ thừa cho đứa kia. Im đi cho nó nói! Thằng nào cũng khoái nghe chuyện hấp dẫn. Xuân chậm rãi kể. Nó cũng thích khoe chuyện tình không biết có thật không của nó. Tao gói quả bóng vào tờ giấy màu. Một giọng cắt ngang. Mày nhật được cả giấy màu nữa hả? Tụi tôi cười hả hê. Xuân vùng vằng. Tao đéo thèm chơi với tụi mày nữa! Nó dợm đứng lên. Một thằng ấn nó xuống, đỡ dành. Kệ mẹ tụi nó, mày nói cho tao nghe! Xuân làm bộ một chút rồi cũng nói. Tao đưa cho em và nói: Anh tặng em quả bóng này để em hoạt động thể thao! Tụi tôi phá ra cười.

“Anh nghĩ gì mà thù người ra vậy?”

“Chỗ này ngày xưa tụi anh chuyên môn đá bóng. Vui

thật!”

“Thích nhỉ! Đi xa trở về mới có những tình cảm như vậy. Còn chôn chân ở nơi cũ như em thì chẳng cảm thấy gì cả. Anh đang ở xa lắm phải không?”

Chuyên khéo léo hỏi nơi cư ngụ của tôi. Tôi gật đầu.

“Xa lắm! Cách em bằng cả một đại dương.”

“Eo ôi! Xa gì mà xa khổ xa sở vậy?”

Tôi nổi máu giỡn.

“Tại vì bố em đuổi anh hoài anh phải chạy bán sống bán chết xa như vậy đấy!”

Chuyên cười.

“Bố em dữ, em biết. Nhưng tưởng chỉ dữ với tụi em thôi chứ. Ai ngờ ông còn dữ cả với anh nữa.”

Tôi vẫn chưa ngưng được cuộc chơi.

“Chắc tại em khai anh ra nên ông ấy đuổi anh chạy xa như vậy cho chắc ăn!”

Chuyên luồn ra phía sau, ôm cứng lấy tôi, thì thào bên tai.

“Vậy thì em phải giữ anh cho chắc. Ngày xưa em cũng đã giữ anh như vậy nhưng anh vẫn gỡ vòng tay em chạy mất. Em còn nhớ vòng tay xưa của em không?”

Ngày xưa, Chuyên cũng ôm sát lưng tôi, đôi tay ngắn cổ nới thành vòng, giọng nồng nàn. Em cầu trời cho ngực em mau lớn để em lấy anh! Tôi đứng như trời trồng. Gió bên bờ đê lồng lộng thổi bên tai. Vòng tay Chuyên chặt chĩa. Ngực Chuyên giờ tràn đầy sau lưng.

CAY ĐĂNG

“ Tại sao mày không nói thật cho tao biết?”

Mặt Vũ căng lên. Tôi ngồi chịu trận. Hắn muốn xỉ vả gì tôi cũng cứ làm lơ. Tôi hiểu nỗi xúc động của hắn.

“ Ăn đi! Tám năm không được ăn, bây giờ được ăn lại bày đặt vẽ chuyện. Cứ ăn cho nó khỏe người đã. Chuyện đâu còn đó.”

Vũ dằn mạnh đôi đũa xuống bàn.

“ Sư anh chứ! Anh làm như tôi là thằng chết đói không bằng!”

Tôi vẫn nhẩn nha.

“ Thì chết đói thật chứ làm bộ làm tịch gì nữa! Com trắng chẳng có mà ăn giờ được ăn phở, sướng thấy mồ tở. Phải nhìn vào sự thật, đừng làm phách làm tướng.”

Vũ lắc đầu.

“ Tao chịu thua mày. Mày vẫn như vậy. Đối với bạn bè như con củ xê ấy!”

Cứ cho cái thằng vừa bị choáng váng này hiểu là cuộc đời bây giờ nó kỳ quái lắm. Chuyện gì cũng có thể xảy ra được. Tám năm đi tù, thấu xương, mới được thả về, mừng còn hơn trúng số xổ độc đắc cá cặp. Đùng một cái, rơi tòm xuống địa ngục. Còn gì là con người nữa.

“ Tôi qua chắc mày không ngủ được?”

“ Ngủ đêch gì mà ngủ! Tao nằm mà bụng cứ sôi lên. Định sáng dậy mang thân trở về xin ở tù lại.”

“ Nhảm!”

Tôi vui đầu vào tô phở. Phở bà Đậu vẫn là phở số một bây giờ. Sao hôm nay lại thấy không được ngon. Vũ cũng uể oải lừa phở vào miệng. Ăn xong, tôi lại quày trả tiền. Bà chủ tiệm hỏi tôi đôi câu về chuyện đi đứng. Người nào cũng cần cái trong đầu chuyện cốt lõi này. Thời buổi lạ. Ai cũng nghĩ tới chuyện đổi đời. Bà Đậu và tôi đều có giấy bảo lãnh đi Canada, cùng đang làm thủ tục, cùng ngóng tương lai có tàu bay, nên lần nào đến ăn cũng trao đổi đôi câu. Đồng thanh hay đồng khí chẳng biết mà miếng vè trong bát phở của tôi bao giờ cũng tươm tất nhai dòn rau rầu.

Trở lại bàn , tôi dục Vũ.

“ Biến chứ! Kiểm cái gốc cây ngày xưa cho có không khí.”

Ngày xưa, chúng tôi cùng làm một chỗ, rảnh là hú nhau đi cà phê. Có tiền thì ngồi ở Cái Chùa, hết láng thì cứ cà phê gốc me làm chuẩn. Hồi đó, bọn cấp chỉ huy trẻ chúng tôi

khoảng năm bảy tên, đứa thì giữ một phòng, đứa thì coi một sở, chưa có đứa nào ngoi được lên tới cái mức Giám Đốc. Chúng tôi họp thành một nhóm làm nhột mấy anh già đang giữ những chức vụ cao. Nhột vì các anh ấy sợ tội tôi liên kết với nhau hất các anh ấy xuống khỏi ghế, những cái ghế các anh ấy đã khổ nhọc ra sức dành lấy và cột chắc vào cái chỗ ngồi rất phụng phính của họ. Nhột hơn nữa là cái cách chúng tôi sống. Rất ngược ngạo với phong cách bề vệ, đỉnh đạc cổ làm ra vẻ cấp trên của họ. Nhóm chúng tôi, nhanh chân chạy đi được trước có mấy tên. Ngày trình diện tại nhiệm sở sau đó, không thấy mặt thằng nào là mừng cho thằng đó. Mừng nhưng cũng xót cái bụng. Sao chúng nó nhanh chân thế chẳng biết. Su các anh nhé! Các anh kín như bưng, chẳng thấy anh nào rủ mình một tiếng. Xót thì chửi đổng vậy chứ lúc hỗn quân hỗn quan, lo chạy được cái mạng đã xác bác xang bang, còn hủ được ai. Mấy thằng còn lại rủ nhau vào tù hết. Tôi là thằng được về trước nhất. Cỡ công chức có môn bài như Đốc Sự Quốc gia Hành Chánh còn phải ở lại nói chuyện phải trái hơi lâu. Cỡ Cao Học Hành Chánh như Vũ thì lê la từ Nam ra Bắc không hẹn ngày về. Tám năm được về như hấn kẻ ra cũng còn có hạng. Bò về được tới nhà, nghe tiếng con nít khóc vọng ra, hấn biết sự tình. Biết nhưng mà vẫn choáng. Nghe tin đồn thì từ những ngày còn trong trại, nhưng hy vọng thì vẫn cứ hy vọng. Tin đồn thường thất thiệt! Trong một bức thư gửi cho tôi, hấn đã nài ni tôi cho hấn biết sự thực.

“ Sao hỏi đó mày không kể hết sự thực cho tao?”

Tôi lừ lừ đôi mắt như muốn đo cái sự can cường của

thằng bạn mờ người trong tù.

“ Kể sự thực lở mày nổi điên trong đó thì còn ra cái thể thống gì nữa!”

” Mày chơi với bạn lâu ngày mà không biết tính bạn. Cỡ tao mà điên được à? Còn khuya!”

Tôi liệng sát chiếc xe đạp cà khổ vào xe hấn.

“ Thằng nào miệng cũng nói ngon lắm, nhưng vào việc mới biết. Nhất là chuyện liên quan đến con tim. Tao chẳng dại.”

Vũ xuội lơ.

“ Tao đéch thềm nói với mày nữa. Thằng cà chớn!”

Tôi nắm lấy ghi đông xe hấn, chạy hàng hai. Ngày xưa chạy kiểu này sẽ bị mấy anh bạn dân làm phiền ngay. Bây giờ, đường xá thênh thang, chủ yếu là xe đạp, chạy kiểu dắt díu như thế này cũng chẳng ăn bao nhiêu đường của người khác.

“ Tao nói thiệt với mày nhé. Nếu tao không cà chớn thì chắc gì có ngày mày về như thế này. Đừng có lên gân!”

Chẳng hiểu hồi đó sao chuyện của Thanh lại lọt được vào tới tai hấn. Tôi nghĩ hấn biết từ mấy đứa em gái hấn vào thăm mỗi khi được phép thăm nuôi. Mà tôi dè chừng hấn còn biết rõ hơn nữa. Vợ hấn vốn không được lòng bên nhà chồng. Khi hấn vào làm chung sở với tôi thì hấn đã có hai thằng con trai. Theo những gì hấn tâm sự với bọn chúng tôi sau những chiều nhậu ngà ngà thì cuộc hôn nhân của hấn với Thanh không được hai bên gia đình tán thành. Bên nào cũng dành phần phải về mình. Hấn và Thanh, mặc cuộc chiến tranh nhỏ đang xảy ra bên lề tình yêu, vẫn cứ dắt nhau lên bàn thờ xỏ

nhấn cho nhau trước sự lạt lẽo của cả hai bên cha mẹ. Cuộc tình của hắn ngon lành như vậy. Hai vợ chồng thương nhau hết lòng. Chồng công chức hạng A, vợ giáo sư Trung học Đệ Nhị Cấp, hai đứa tần tiện cho cuộc sống chung. Trước khi mất nước, hai vợ chồng đã mua được một căn nhà nhỏ, lợp tôn, ở Bình Thạnh, hơi xa nhưng hai vợ chồng đều có xe honda nên cũng không đến nỗi nào. Từ nhà hắn tới sở làm phải chạy ngang qua nhà tôi. Nhiều lần hắn vớt tôi đi ăn sáng trước khi vào sở. Cuối tuần, hắn chở vợ con tới chơi nhà tôi, có khi vui chuyện ở lại ăn cơm. Thế nên vợ hắn cũng thân với vợ tôi. Tôi ở tù chẳng bao lâu thì được cho về trước. Tại sao họ cho tôi về thì tôi cũng chẳng biết. Cứ như trúng số. Hắn chạy theo nhấn với tôi thỉnh thoảng xuống thăm chừng vợ con hắn dùm. Hắn chẳng dặn thì tôi cũng phải làm. Trong thời buổi khốn khó con người thường xích lại gần nhau hơn, huống chi là bạn thân với nhau. Đường xa cũng phải gần dù phương tiện di chuyển chỉ là xe đạp. Cứ lạch cạch mà đâu cũng tới hết. Mỗi tuần tôi chở con gái tôi xuống nhà Thanh một buổi để Thanh dạy tiếng Anh. Mỗi khi được phép viết thư vào trại, Thanh vẫn cho tôi biết để gửi cho Vũ ít chữ trấn an.

Chúng tôi thắng xe bên quán cà phê lề đường ngày xưa chúng tôi vẫn thường hay la cà tới. Chủ quán vội đưa ra hai chiếc ghế gấp lùn tịt và một chiếc bàn dã chiến. Khách chung quanh hầu như anh nào cũng có chiếc mũ chụp trên đầu. Tôi không hiểu vì sao mà Sài Gòn lại sản sinh ra một loại văn hóa mũ nờ rộ đến thế. Hầu như mọi người chẳng ai muốn chường mặt ra dưới những tia nắng quái. Tôi lột chiếc mũ có vành

màu ka ki trên đầu xuống. Vũ cũng làm theo. Chiếc mũ của hấn mang từ trại cải tạo về nhão nát thảm thương.

“ Chút nữa về nhà nhớ nhắc tao đưa cho mày chiếc mũ khác nhé. Chụp chi chiếc mũ tổ đĩa đó cho mất giá trị đi!”

Vũ ngượng nghịu.

“ Giá trị gì nữa. Thời buổi này cần chi cái mặt tiền. Sao mà chẳng được. Dân Sài gòn bày vẽ quá.”

“ Mày làm như mày chưa bao giờ là dân Sài gòn hết cả đấy.”

Tám năm tù tội làm con người hấn giản dị đi nhiều. Sáng nay tôi bảo hấn lấy cái xe đạp của vợ tôi mà đi, hấn cũng đưa đây. *Thôi, tao đi bộ cũng được. Đi mà không xéng cuốc, không lon không túi, giày dép đàng hoàng như thế này là tiên rồi. Cần gì phải xe cộ!* Tôi phì cười. *Này, mày trở lại thế giới văn minh rồi. Phải cư xử, suy nghĩ sao cho ra con người văn minh chứ.* Vũ tròn mắt. *Văn minh hả? Chưa đâu!*

Vũ quay quay chiếc mũ.

“ Bây giờ tao rùng ròi! Chỉ thiếu điều mọc đuôi!”

Tôi cười ha hả. Mấy ả khách chung quanh liếc nhìn qua. Vũ nháy tôi, nhỏ giọng.

“ Mày giữ ý giữ tứ một chút chứ. Bây giờ tao mới thấy anh Sartre nói đúng. Hỏa ngục là người khác! Mẹ kiếp. Vậy mà anh ấy cũng nhào vào hỏa ngục, cháy râu cháy tóc mới nhẩy ra, cứ tưởng lửa nào cũng giống như lửa của anh Picasso về ấy! Tao cũng đang cháy xém mặt mũi đây.”

Vũ lại trở về chuyện đang làm hấn điêu đúng. Kể cũng điêu đúng thật. Vợ chồng lấy nhau vì tình rõ ràng, tại sao chỉ vài năm thử thách, thiên nga đã gãy cánh? Tôi còn nhớ như

in buổi tối hôm đó, chừng vài tuần sau khi không dạy con gái tôi học nữa vì bận, Thanh đạp xe tới nhà tôi trong lúc mưa gió. Vừa vào nhà, nàng hỏi ngay, như câu hỏi đã nằm từ lâu trong đầu nàng tới độ không thể chờ lâu hơn được nữa.

“Anh có biết chừng nào anh Vũ được về không?”

Nhìn bộ mặt thẳng thốt chờ câu trả lời, tôi thấy tội nghiệp Thanh vô tả. Trả lời ra sao đây? Nếu tôi nhìn được vào danh sách những người sắp được thả thì hay biết mấy.

“Vũ cũng như các bạn đã đi tù ba năm rồi, chắc cũng sắp được về. Ba năm là cái giá chót, tôi đoán vậy.”

Thanh như ngồi không yên.

“Vậy là anh cũng chẳng biết gì!”

Tôi khò lấp.

“Tôi có là cán bộ ở bộ Nội Vụ đâu mà biết. Mà nếu tôi là cán bộ thật thì chắc bà cũng chẳng tới hỏi tôi!”

Thanh ngồi trần trọc, nhích qua bên này, nhích qua bên kia. Và bỗng nhiên nàng bật khóc.

“Tôi cần anh Vũ lắm!”

Người nàng mềm nhũn theo tiếng khóc rầm rứt. Vợ tôi phải an ủi cho Thanh nguôi cơn xúc động. Thanh như nổi điên.

“Chị có anh ấy ở bên cạnh rồi, hiểu sao được tôi!”

Những chiếc lá me lăn tăn li ti rụng xuống chiếc bàn mộc đã ố đi từng mảng. Tôi không muốn nói với Vũ về cái linh cảm tôi có vào tối hôm đó sau khi Thanh tắt tưởi ra về. Tôi biết có chuyện nhức nhối trong lòng người thiếu phụ trẻ. Nhưng tôi lại cố lừa dối mình bằng cách nghĩ là Thanh có chuyện gì đó với gia đình chồng.

“ Vợ mày đã có một thời gian điêu đứng vì sự vắng mặt của mày.”

Vũ gằn giọng.

“ Thì ai chẳng vậy. Cả trăm ngàn thằng đi tù chứ riêng gì tao. Ăn thua là tùy người.”

“ Nhưng mỗi người một hoàn cảnh. Tao hỏi thật mày nhé. Chuyện của mày và Thanh, sau khi chúng mày đã có con, mọi sự đã an bài, gia đình mày có coi Thanh như con dâu không?”

“ Mày biết đấy, cái gì một khi đã có vết thì khó lành lặn lại được. Nhưng tao nghĩ là chẳng đến nỗi nào, nhất là khi tao gặp hoạn nạn.”

Tôi ngồi yên. Đầu óc rỗng tuếch. Khung cảnh này vẫn như xưa. Ngày trước, những buổi uống cà phê như thế này ít ra cũng năm bảy mạng. Cây me già có chiếc thân sần sùi, cóc cách vẫn như chẳng thay đổi, dù chỉ một chiếc lá. Những vết đinh của những người bán hàng bên vỉa hè đóng vào để căng bạt che mưa che nắng vẫn còn hằn nguyên những thương tích trên cây. Khung cảnh yên ắng như khung cảnh trước trường Võ Trường Toản, trước mặt Sở Thú, trên đường Nguyễn Bình Khiêm, vào một buổi trưa có những vạt nắng mỏng nhẹ khi tôi chờ đón con đi học về. Hằng cũng chờ con dưới một tàn cây bên đường. Người nữ luật sư của thời trước nay vừa làm mẹ vừa làm cha nhắc thấy tôi đã dắt xe đạp qua đường. Chồng nàng là bạn đồng sự của tôi và Vũ, cũng còn ở tù cùng trại giam với Vũ. Chuyện quanh một hồi rồi cũng tới chuyện của Thanh.

“ Tội nghiệp chị ấy, bơ vơ kể từ khi anh Vũ ra đi. Anh có

biết là hồi anh được về, chị ấy đã tới nhà tôi than khóc. Tại sao anh về mà anh Vũ vẫn chưa được về. Tôi đã phải trấn an chị ấy. Mình đã buồn thối ruột mà lại còn phải cộng thêm một nỗi buồn nữa. Khổ thật!”

Tôi đánh trống lảng.

“Chị có tin gì của Văn không?”

“Tôi mới ra Bắc thăm anh ấy tháng trước.”

Tôi háo hức muốn biết tin bạn bè.

“Văn khỏe chứ?”

Hằng cười nhạt.

“Khỏe nghĩa là còn lết được. Thần sắc anh ấy xuống lắm, người nào cũng lo không biết gia đình ở nhà ra sao làm mình phải đóng kịch phát mệt. Nói thật với anh, tôi chưa bao giờ phải nói dối chồng, vậy mà bây giờ cứ xung xung nói dối. Được cái lương tâm yên ổn vì nói dối có...chính nghĩa!”

Hằng cười vang. Tôi giỡn theo.

“Chị vẫn còn đứng trước tòa đấy nhi? Cãi vẫn còn hay lắm!”

Hằng vừa cười vừa... cãi.

“Thầy cãi thì lúc nào mà chẳng cãi! Ông Văn ông ấy không có ở nhà nên chẳng có ai mà cãi, tay nghề cũng lụng đi nhiều rồi đấy anh ạ! Ấy, cứ như tôi thì chẳng có chuyện gì. Chị Thanh thì lại khác.”

Hằng như muốn nói với tôi về trường hợp của Thanh. Tôi vuốt theo.

“Kể ra thì cũng tội chị ấy.”

Hằng tỉnh quái.

“Tội mà ông nói với cái giọng tỉnh queo như vậy! Các

ông thì ông nào cũng như nhau hết. Chi được cái...cường hào ác bá! Trách bọn đàn bà chúng tôi thì tài lắm, chẳng có một trường hợp giảm khinh nào cả!”

Tôi cố nín cười.

“May quá, bà xã tôi không phải là luật sư!”

Hằng lên giọng.

“Mà ông thấy tôi nói có đúng không? Mỗi người một hoàn cảnh, phải xét tới yếu tố này trước. Như tôi chẳng hạn. Gia đình ông Văn thấy tôi cô đơn, vất vả thay chồng nuôi con, họ săn sóc, thăm hỏi, giúp đỡ ngày một. Vậy thì có chuyện gì đâu! Nếu mà trong hoàn cảnh tôi mà tôi lại lãng nhãng chuyện này chuyện kia thì tôi còn ra cái gì nữa? Mặt mũi nào mà nhìn chồng con. Nhưng hoàn cảnh chị Thanh lại khác. Chị ấy cô đơn nhưng không được gia đình bên anh Vũ chăm sóc. Hoàn cảnh một phụ nữ như chúng tôi, chuyện gì cũng có thể xảy ra được. Các ông phải hiểu cho những hoàn cảnh đó!”

Tôi chẳng thể thúc mũi dao quá sâu vào chuyện nhà của Vũ. Nhìn thấy Vũ ngồi một đống đó, như người mất hồn, tôi thấy tội nghiệp thằng bạn.

“Cái hoàn cảnh chó má thật!”

Vũ uể oải nhìn tôi. Cặp mắt thú bị thương như muốn nạo hồn tôi ra.

“Hoàn cảnh là một chuyện, nhưng con người cũng có phần của con người chứ. Mà coi mấy thằng đi học tập như bọn mình, mà thì không kể vì mà có số để bọc điều được chúng nó tha về sớm, có thằng nào về trong tâm trạng não lòng như tao không?”

Ừ nhỉ, kể ra Vũ nói cũng đúng. Tụi bạn tôi quả không thằng nào lâm vào cảnh này, nhưng nhìn quanh thì thiếu giống gì những thân tù tội về nhà trong ngất nghèo. Có điều những người đàn bà này sẩy chân vì những thúc bách khác. Có người bị những tên cán bộ cấp phường cấp xã manh tâm trù dập để chiếm lấy thân xác của một giống cái thuộc một thế giới khác thập phần quyến rũ hơn. Có những người phải lao vào việc kiếm sống, lăn lộn với đời, trả thân đổi lấy những lợi lộc nhất thời trên những chuyến buôn đường dài. Có những người cần có nơi nương tựa để kiếm sống nuôi thân, nuôi con. Họ có cái cơ cho việc sa ngã của họ. Trường hợp Thanh thì khác. Vẫn trường lớp như xưa mặc dầu trường lớp bây giờ vụn phần vạt vả hơn. Nghề thầy trước đây đã không nuôi nổi người, bây giờ cái khoảng cách giữa ngày đầu tháng và ngày cuối tháng còn dằng dặc hơn mặc dù thầy cô đã biết hội nhập vào cuộc sống mới bằng những bó rau, con cá, miếng thịt cột vào xe đạp trên đường từ trường về nhà. Dạy học không chỉ là đứng giảng dạy vài chục giờ mỗi tuần mà là ngày hai buổi công tác, lê la tại trường cho hết học trường học tổ, hát hồng sinh hoạt, báo tường, công tác chủ nhiệm. Ngày không phải bắt đầu với ánh nắng và kết thúc khi mặt trời lặn mà ngày dài triền miên lan ra cả những lúc trời tối thui vẫn còn chưa hết học hành. Nhưng dù sao, trong những ngày lao xao đó, có được một công việc, có được những phần gạo mỗi tháng, có được những nhu yếu phẩm thường ngày, mặc dù không đủ, nhưng vẫn có phần khá hơn nhiều người khác. Thanh cũng biết kiếm thêm lợi tức bằng việc bán sách báo, tranh ảnh tượng đạo trước cửa

các nhà thờ vào mỗi ngày Chủ Nhật. Thanh là một tín đồ rất vừa lòng Đấng Tối Cao. Ngày trước, khi có dịp đi lễ với vợ chồng Vũ, tôi thấy Thanh hát rất nhiệt thành, thuộc không sót một kinh nào, cứ như nếu bỏ nạng vào một dòng tu thì nạng chẳng cần thời gian hội nhập cũng có thể không lúng túng với chiếc áo choàng tu sĩ.

Con người kính Chúa yêu chồng như vậy, sao bỗng trượt chân chẳng phải vì những lợi lộc vật chất? Vũ nói không sai. Hiểu vợ không ai bằng chồng. Nhưng trường hợp của Thanh thì Vũ chắc cũng chẳng hiểu tại sao Thanh lại rẽ qua một lối mòn chông gai đến như vậy. Khi chuyện của Thanh đã hiển nhiên trước mắt, tôi cũng đã ngỡ ngàng chẳng hiểu ra sao. Bởi vậy nên khi nhận được thư của Vũ tôi đã không cho hấn những tin tức rõ ràng như hấn mong muốn. Tôi đã viết cho hấn, sau nhiều ngày suy nghĩ, là xã hội bây giờ có nhiều điều mà ngay người sống ở ngoài như tôi cũng không hiểu được. Vũ ở trong một hoàn cảnh khác chắc chắn không quyết định gì được về một cuộc sống mà tự mình không có kinh nghiệm. Tôi chỉ vấn tắt cho hấn biết là vợ con hấn vẫn khỏe mạnh. Chuyện gì thì đâu còn đó, cứ cố gắng giữ gìn sức khỏe, và thông một câu thiệu bắt buộc cho một bức thư vào nơi tù đầy, cứ cố gắng học tập tốt, lao động tốt để chờ một ngày về chắc chắn không xa.

Bây giờ Vũ đã về, câu đầu tiên hấn hỏi tôi là về cái tội nói quanh không cho hấn biết rõ ràng việc lãng nhãng của vợ hấn. Phở ăn rồi, cà phê đang nhâm nhi, lòng hấn vẫn bời bời.

“ Nếu ngày đó mày thẳng thừng cho tao biết, tao chẳng

biết được là tao sẽ phản ứng ra sao. Bây giờ về đến nhà, tận mắt thấy, tận tai nghe, tao vẫn còn choáng váng. Tại sao lại như vậy nhỉ?”

“ Thế ra bây giờ mày mới hơi bình tâm trong suy nghĩ được một chút, không còn cà khịa với tao về chuyện lơ mơ trong thư viết cho mày. Nhưng thôi, bỏ chuyện đó đi. Mà chuyện trong đầu mày cũng bỏ đó luôn. Mày cứ ở nhà tao ít bữa để vợ chồng tao vỗ béo cho mày ít ngày, chờ khi nào lòng thật thanh thản, tâm thật lắng đọng, bình tĩnh nhìn vào sự việc rồi quyết định phải làm sao. Đồng ý chưa?”

Ở nhà tôi được vài ngày, Vũ đòi đi.

“ Mày đi đâu bây giờ? Tính về nhà bà cụ mày hả?”

“ Không! Về bên đó cũng điên đầu chẳng kém về nhà tao. Tao vào chùa!”

Tôi há hốc miệng. Thăng này định làm một cú ngoạn mục hay sao đây?

“ Chán để tóc rồi à?”

Vũ cười. Tôi chưa bao giờ thấy nụ cười nản như vậy.

“ Tao ở với thằng Hạo một thời gian. Tao cần một chỗ yên tĩnh,”

Hạo là bạn học với Vũ ngày xưa, đầu từ thời Tiểu học thì phải. Ngày trước thỉnh thoảng Vũ có đưa tôi xuống Thủ Đức thăm cảnh chùa của Hạo. Đó là một ngôi chùa cổ, êm ả, lặng lẽ nép mình trong những hàng tre rậm rạp. Hạo là một thầy tu có căn có cốt. Tôi vẫn nghĩ nghịch ngợm trong đầu là nếu không có chùa thì không biết Hạo sẽ nương thân vào chỗ nào trong cái cuộc đời hoàn toàn không thích hợp với con người nhu mì của hắn.

“Mày tính cũng hay. Nhưng mà mày có chắc bạn mày còn ở đó không?”

“Hắn không ở đó thì ở đâu! Nếu vào tới sân chùa mà tao thấy một nắm mộ thì tao biết nó không còn ở trong chùa nữa.”

Tôi cười. Nhắc tới bạn nổi khổ xưa, Vũ đã biết đùa rồi đó.

“Đừng ở luôn nghe. Mà không chừng có khi mày lại muốn ở luôn cũng nên. Nếu có ở luôn thì cho tao biết, tao sẽ tặng mày một bộ cà sa!”

“Mày thì lúc nào cũng tếu được. Thôi tao đi!”

Vũ ôm gói quần áo ra đi không cho tôi đưa ra bến xe. Khi tôi đóng cửa nhà, hắn mới nói như muốn giải thích sự vội vàng của hắn.

“Ồ với mày, thấy vợ chồng mày hàng ngày, tao nghĩ tới tình cảnh tao.”

Vũ không nói hết ý nhưng tôi hiểu. Nhìn lưng hắn lúi thủi khuất ở đầu ngõ, tôi quay vào, tay bất giác quệt lên mắt.

Chưa đầy một tuần, Vũ đã quay lại nhà tôi. Mặt hắn ngùi ngùi. Tôi muốn thấp thêm chút ánh sáng trên bộ mặt khó nhìn.

“Sao? Mày chán tương chao của thằng Hạo rồi à?”

Mặt Vũ tỉnh bơ.

“Mày đừng gọi nó là thằng. Dù sao, có tí áo nâu khoác lên người, nó cũng nghiêm trang ra gì.”

Tôi đón hỏi.

“Chắc nó lên lớp mày rồi hả?”

Vũ gật đầu.

“ Suốt ngày nó cứ bắt tao hý xả. Tao gặt đầu muốn mỏi cổ. Cái sừng của tao nặng quá!”

Tôi chẳng nói gì. Nói gì được bây giờ? Vũ khích.

“ Còn mày, mày có lời khuyên nào cho tao không?”

Trước khi Vũ về, mấy thằng chúng tôi, toàn là bạn của Vũ, đã cà phê cà pháo với nhau bàn xem có làm được gì cho Vũ không. Sao mà cái đầu chúng tôi hồi này tối thế không biết nữa. Chẳng có thằng nào nghĩ ra được một ý tưởng kha khá một chút. Chỉ rặt giao banh! Cuối cùng, đành phải chấp nhận đây là chuyện mà chỉ có thể quyết định được bởi chính người trong cuộc.

“ Chẳng cứ tao, mà tất cả những thằng bạn của mày, tụi tao chỉ biết được một điều là tụi tao chẳng có thể khuyên mày được gì hết. Chuyện của mày, chỉ có mày với cái tâm của mày xử lý!”

Vũ cười cười nhìn tôi.

“ Chuyện xong rồi. Tao đã về gặp Thanh. Tao đã quyết định chia tay với bà ấy!”

Tôi không bị choáng bởi cái tin giờ chót mà Vũ vừa thông báo nhưng vẫn cảm thấy hụt hẫng. Cuối cùng, chuyện phải đến đã đến. Tôi nghĩ đến Thanh, đến nỗi cay đắng không tránh được của người đàn bà bị con lốc cuốn theo.

“ Thanh có nói gì không?”

Vũ lắc đầu.

“ Không. Chỉ khóc.”

Khi Thanh vác cái bụng đã vun đầy đến nhà tôi, nàng cũng khóc hết nước mắt. Trong suốt buổi chiều một ngày Chủ Nhật âm u đó, Thanh chỉ nói tới chuyện về của Vũ.

Nàng vẫn mong mỗi chồng. Hình như để giải tỏa một tình trạng căng thẳng quá sức chịu đựng của nàng. Nàng như điên như cuồng trách cứ tôi tại sao tôi được về sớm mà Vũ không được như vậy. Tôi nhớ lại lần Thanh như điên như dại nói cần Vũ lắm lắm. Ngày đó nàng là một Thanh rối rắm bất an. Lần này nàng là một Thanh bời bời mong sớm một kết cục. Chiếc bụng sờ sờ chẳng che dấu không được ai nhắc tới. Chúng tôi cố nhắm mắt làm ngơ. Cả Thanh. Cả tôi. Cả vợ tôi. Chỉ khi Thanh đã ra về, vợ tôi mới nước mắt đầm đìa. “Hoàn cảnh cả!” Tôi lơ láo cất cái này, dọn cái kia, chẳng muốn nghĩ ngợi gì. Cứ ngơ ngáo như một người mất trí nhiều khi cũng có cái hay. Hoàn cảnh? Thì cũng là hoàn cảnh. Trong cái bát nháo của cuộc đời, những thảm cảnh xã hội đầy rẫy chung quanh. Trường hợp của Thanh hình như không nằm trong cái chung này. Đó là một thảm kịch cá nhân.

Vũ kéo tôi về bằng câu hỏi nghe ra rất thản nhiên tự tại.

“Mày có biết Thanh đã dan díu với ai không?”

Tôi gật đầu.

“Tao biết chứ!”

Vũ bỏ nhẹ.

“Vậy mà tao mới biết đây!”

Tôi nghe như một lời trách.

“Tao tính về bắt chợt để gặp thằng nhãi đó luôn. Nhưng từ khi nghe tin tao về nó trốn biệt mất. Tao tính bằng mặt bằng lời giao nó trách nhiệm săn sóc Thanh. Nhưng thôi, thế cũng là xong!”

Thằng nhãi mà Vũ nói là một đứa học trò của Thanh. Tôi có thấy hắn vài lần khi hắn cùng Thanh ngồi bán ảnh tượng

trước cửa nhà thờ. Những lần đó, nhác thấy bóng vợ chồng tôi, Thanh đã kéo nón che mặt, cúi gầm xuống lơ đi.

“ Bây giờ mày tính sao?”

“ Tính cái gì?”

“ Đòi mày!”

Vũ đứng dậy ra rót ly nước, uống một hơi, vôn vê chiếc ly gần cạn trong tay, chậm rãi ngồi lại, chậm rãi trong tiếng trầm trầm như cầu kính.

“ Tao sẽ mang hai thằng con tao về cho bà cụ tao nuôi. Còn tao sẽ tính đường dọt.”

Hai đứa tôi ngồi như hai chiếc bóng. Bốn bàn chân gác lên chiếc bàn thấp. Tôi vớ tờ báo coi. Rất lâu sau đó, Vũ vươn vai, đứng dậy, rũ tôi.

“ Đi cà phê mày!”

04/2006

TRONG VÙNG QUÊN LÃNG

*trên tuyết vời trí nhớ
phải chăng là lãng quên?
hạnh phúc là lắm cảm
giữa đôi miền nhớ quên.*

(Luân Hoán)

Chiếc ghế xích đu đủ chỗ cho ba bốn đứa con nít nay vừa đủ chật chội cho hai mẹ con tôi ngồi. Tôi không gọi mẹ là mẹ mà gọi là mợ. Từ thuở nhỏ đã như vậy. Và tất cả anh chị em chúng tôi đều gọi như vậy. Mợ tôi xích người sang một bên, nói. *Ông ngồi xuống đây!* Tiếng “ông” đẩy tôi xa mợ tôi, ít nhất là nơi bộ nhớ trong đầu bà. Chiếc xích đu này có từ bao giờ? Dễ ra cũng dư bốn thập niên rồi. Thằng cháu đầu lòng của bà chị tôi nay đã vượt quá số tuổi bốn mươi. Hồi đó,

chiếc sân nhỏ trước nhà còn được trải sỏi trắng tinh làm lạo tạo những bước đi. Khi sỏi hao hụt dần, nền đất pha xi măng lộ ra như những mảng sọc trên lưng một con chó già, thì cậu tôi mới cho tráng xi măng cả khoảng sân. Chiếc đu vẫn đứng vững đó, dù trên sân sỏi hay trên mặt xi măng. Ba màu sơn xanh đỏ trắng nguyên thủy đã được phủ lên không biết bao nhiêu lớp sơn sậm màu. Hai lỗ tròn trên khung sắt dùng để giữ hai chiếc móc nối liền với hai sợi xích sắt cột chiếc ghế ngồi đã bị ăn mòn xuống vẽ thành hình một giọt nước. Cậu tôi đã khoan hai lỗ khác sát bên cạnh để thay thế. Những chiếc lỗ bỏ đi nay đã lên đến con số sáu trông như những cặp mắt già nua dính với giọt nước mắt buồn bã nhìn vào hàng ba có hai cây hoa sứ Thái Lan quanh năm đầy hoa đỏ.

“Mợ còn nhớ cái sân này trước kia là sân sỏi không?”

“Ừ! Sân sỏi đẹp chứ! Vậy mà ông Hưng ông ấy bỏ đi!”

Hưng là tên cậu tôi. Chẳng biết từ lúc nào mà “ông ấy” đã được thế bằng “ông Hưng” lạnh tanh. Tôi gọi tới.

“Mợ biết cậu con giờ ở đâu không?”

“Ở bên nhà con Nga chứ đâu!”

Khi cậu tôi nằm xuống một năm trước đây, bà hình như không ý thức được là người chồng bảy chục năm đã thực sự từ giã bà. Suốt thời gian quan tài cậu tôi nằm trong phòng khách của gia đình, bà chỉ quanh quẩn nơi phòng trong. Sáng sớm trước khi động quan, các con mới quần cho bà vành khăn trắng và dìu bà ra phòng khách. Như muốn bà tiễn đưa lần chót người bạn đời chẳng biết hình ảnh có còn nằm trong tâm trí bà không. Vừa trông thấy chiếc quan tài giữa những ánh nến lung linh, bà bật khóc lớn. “Ói con ơi!” Bà cô tôi

đứng bên cạnh nhắc: “Ông Hưng nằm trong đó đấy!” Bà ngạc nhiên lặng thinh. Những ngày sau đó, nhìn bàn thờ có hình cậu tôi giữa những bình hoa, những đĩa trái cây và làn khói hương vươn lên mỗi buổi sáng khi em tôi thấp nhang, bà dấm dấm: “Cái ông Hưng này sao cứ ngồi ở đây hoài vậy!”

Tôi cố gọi nhớ cho bà.

“Cậu con chết rồi!”

Bà nhìn tôi. Con mắt nhấp nhem.

“Cái ông này chỉ nói gở!”

Nói dứt câu, bà nhìn ngang dọc, nét mặt vô hồn. Rồi bà cười khi nhìn sang hàng rào căn nhà bên cạnh.

“Nhà này đẹp nhi?”

“Mợ nói nhà anh Kim ấy à?”

“Ừ! Hồi đó mua rẻ thật. Tôi mách cho anh ấy mua đó. Bà Túc sang chơi cứ tấm tắc khen hoài!”

Bà Túc là bà bác tôi. Khi anh Kim mua nhà thì bà Túc đã mất từ cả chục năm trước rồi! Mợ tôi rất vừa ý khi mách cho ông anh họ tôi mua được căn nhà sát cạnh. Đó là một thành tích mà bà rất thích thú. Anh Kim là cháu cung của bà, không vợ con, sống một mình, bố mẹ mất hết, hai người anh đang ở bên Mỹ. Bố anh Kim là anh ruột mợ tôi. Ngày di cư năm 1954, bố anh Kim và mợ tôi vào Nam và hai gia đình mua chung một căn nhà vách gỗ mái tôn ở Vĩnh Hội, phía bên kia Cầu Ông Lãnh. Tất cả các anh chị em khác của hai người đã lập nghiệp từ lâu tại Sài Gòn, người nào cũng thành công trong thương trường. Phải đến sáu năm sau, gia đình bác tôi và gia đình tôi mới mua được nhà riêng, người ở Thị Nghè, người ở ngay sát chợ Bến Thành. Anh Kim giờ cũng

về Thị Nghè, sát bên cạnh nhà tôi. Không hiểu vì sự thương yêu vợ tôi dành cho anh Kim từ trước hay vì anh ở sát ngay bên cạnh mà vợ tôi vẫn nhớ được anh. Bà cô tôi, ở tận Ban Mê Thuật, thỉnh thoảng mới về chơi ít ngày, vậy mà vợ tôi cũng vẫn nhớ. Có lẽ vì từ sau năm 1975, cô tôi thường ngồi đánh chẵn với bà. Vợ tôi rất mê đánh chẵn. Đó cũng là một sự lạ. Trong suốt cuộc sống, tôi chẳng bao giờ thấy bà đam mê một món bài bạc nào, chỉ từ sau khi bị cuộc đời bít hết niềm vui, bà mới tìm tới quân bài. Mà bà cũng chỉ đánh cò con với mấy ông chú bà cô tôi thôi.

Trí nhớ của bà hình như có sự chọn lọc. Tôi không nằm trong sự chọn lựa đó tuy là con trai cả mà bà rất cưng quý. Có lẽ vì tôi ở quá xa. Ngày về, vợ chồng tôi đã chọn mua cho bà những thứ bà thích. Khi cả gia đình quây quần trong phòng khách, bà vui ra mặt, còn nói đùa rất duyên dáng. Chiếc va li vừa được mở ra, bà đã cười cười. *Góm! Mùi Mỹ có khác!* Nhà tôi đưa biếu bà mấy xấp vải may áo dài mà nàng đã khổ công đi lựa cho thật đúng ý thích của bà ngày xưa, bà vội ôm vào lòng, mặt tươi hẳn lên. Mấy xấp vải may đồ bộ mặc ở nhà cũng hợp ý bà, bà vội cầm, xếp chung với vải may áo dài. Nhưng tới chiếc áo len màu sắc hơi tươi thì bà nhất định không lấy. *Thôi, tôi chẳng mặc đâu!* Khi tôi trao cho bà đủ loại kẹo *chocolat* thì bà toe toét thủ ngay vào bụng. Kể cũng lạ, ngày xưa, bà đâu có bao giờ thích kẹo, mua kẹo là để cho các cháu. Vậy mà lúc sau này, bà thích *chocolat* một cách lạ lùng. Thấy *chocolat* là cất kỹ, chờ khi không có con cháu là bóc ra ăn. Ăn xong vội dúm giấy gói xuống nệm sa lông. Bà như đã thay đổi thành một người khác. Trước kia, bà đâu có

để ý tới chuyện ăn uống. Món ngon vật lạ, bà luôn luôn dành cho con, sau này khi có cháu, thì cháu là nhất. Cái gì cũng cất cho cháu. Thấy bà cười cười nói nói, ai cũng tưởng bà đã nhận ra vợ chồng tôi. Cô em tôi thăm dò.

“Mợ có biết ai đây không?”

Bà ngơ ngác không phản ứng. Cô em tôi nhắc.

“Anh chị San đây!”

Bà vẫn thản nhiên như không. Tôi ước mợ.

“Mợ có nhận ra con không? Con là San đây!”

Mặt bà như có nước mắt. Vẫn ngơ ngác. Bàn tay ôm mấy xấp vải như rơi ra. Rồi thôi. Tôi muốn ứa lệ. Vợ tôi sưng ra với nét mặt rầu rầu bất động. Cô em tôi buông nhẹ.

“Chờ xem vài ngày nữa mợ có nhận ra anh chị không.”

Những ngày đầu tôi luôn luôn tìm cách gần bà, nhắc lại những chuyện xưa, hy vọng một chuyện nào đó mở được cái nút chặn trong đầu bà. Tôi moi ra hết chuyện này đến chuyện khác nhưng vô ích, tôi vẫn ở ngoài trí nhớ của người mẹ thân yêu. Hai mẹ con lặng lẽ ngồi bên nhau. Tôi hơi nhích chiếc xích đu. Bà ghi lại.

“Con nhớ hồi nhỏ theo mợ đi mua lụa ở Hà Nội. Hồi đó vui ghê mợ nhỉ?”

Mặt bà sáng lên. Tôi nghĩ mình đã sờ được vào chiếc nút vô hình. Thời vất vả buôn bán ở Hà Nội, tôi nghĩ, là thời bà hãnh diện nhất. Hồi đó, mấy ông bác tôi ở Sài Gòn kinh doanh hàng vải. Mợ tôi là đầu mối thu mua ở Hà Nội. Mỗi tuần, phiên chợ vải họp, mợ tôi lại chọn một đứa con đi theo để ghi số lượng vải và tính tiền. Tôi chẳng còn nhớ là chợ họp ở phố nào trong những con đường mang tên hàng

nọ hàng kia của phố cổ Hà Nội. Chợ này có cái đặc biệt là người mua ngồi dọc theo vỉa hè, người bán ôm từng cây lụa Hà Đông đi tới đi lui chào hàng. Mẹ con tôi ngồi nhìn những người dân quê ôm vải đi ngang qua. Thấy loại vải ưng ý thì kêu, trả giá lui tới, ngã giá mới đo vải. Lúc đó tôi mới vào việc. Ghi số lượng, cộng trừ nhân chia giá tiền, xếp vải sau chỗ ngồi. Thường một buổi chợ như vậy là mất nguyên ngày. Buổi trưa, hàng quà bánh ủa tới tấp nập. Đây là phút mà tôi chờ mong. Món gì cũng thích nhưng chỉ được chọn một món. Vòi vĩnh lắm chỉ được thêm cây kem. Trời nắng chang chang, đứng ngảnh cổ nhìn vào những cây kem đủ màu nằm dọc theo chiếc phích tỏa hơi mát rượi như một làn khói mà phân vân. Kem dâu, kem đậu xanh, kem súc cù là, kem bạc hà... quay tít trong trí óc phân vân. Phải chờ tới khi thằng nhỏ bán kem đục giã kéo kem chảy hết mới rút một cây ra. Rút mà còn tiếc những cây còn lại trong phích. Chính giờ phút được ăn quà ăn kem này là nguồn tranh dành của anh em chúng tôi trong việc thắp tưng mợ tôi đi chợ. Buổi chiều, khi nắng tàn, hai mẹ con mới gọi xích lô, chắt vải lên. Ngồi trên xích lô chắt một đồng vải cao ngều nghện, gió thổi mát mặt, nhìn quanh hai bên đường phố cũng là cái thú đã tạo nên những cãi vã kèn cựa của anh em chúng tôi.

“Mợ có nhớ hồi đó mợ hay cho con đi theo mợ nhiều nhất không?”

Bà cười.

“Ừ! Chỉ đi mua lụa vậy mà lãi to nhi?”

Tôi nào có biết bà lãi bao nhiêu đâu. Chỉ biết là chiếc túi vải to đựng đựng tiền đi buôn của bà lúc nào cũng no kèn.

Có những lúc thèm mua đồ chơi quá, anh em chúng tôi đã lén rút ít tiền lẻ mà bà chẳng hề biết.

“Hồi đó mợ mua vải cho bác nào vậy?”

Mặt mợ tôi buồn xo.

“Chết hết rồi!”

Bà ngồi lặng yên. Tâm trí bà như đã nhảy sang chuyện khác. Các bác tôi đã lần lượt rủ nhau đi hết. Mỗi cái chết là một nỗi buồn sâu đậm nơi bà. Có lẽ bây giờ những nỗi buồn này vẫn còn bám víu trong trí tưởng mù mờ của mợ tôi. Tôi cố luôn lách trong sự mù mờ này.

“Mợ có nhớ được bác nào không?”

Mợ tôi quay sang tôi, đôi mắt lờm lờm như giận dữ.

“Cái ông này nói hay nhỉ! Anh em tôi mà tôi không nhớ sao?”

Tôi lì lợm mò tới.

“Mợ nhớ thì mợ kể ra đi.”

“Kể ra làm gì!”

Mợ tôi đứng phắt dậy, bỏ đi. Tôi lại mất dấu bà. Ngồi lại một mình, tôi như người mất hồn. Mợ tôi đã đi lạc quá xa. Có cách nào dẫn bà trở về không? Tôi tìm về nẻo quá khứ xa xăm hơn. Trên chiếc ghế nệm đặt ở bên cạnh chiếc tủ đứng, sát ngay chiếc cửa sổ nhìn ra sân, mợ tôi ngồi nhìn băng quạt, chiếc quạt giấy trên tay bà phe phẩy chậm chạp. Tôi kéo chiếc ghế đầu tới ngồi sát bên bà.

“Trời nóng quá mợ nhỉ?”

“Nóng thì quạt cho mát. Ông có muốn quạt không?”

Bà đưa chiếc quạt cho tôi. Tôi cầm lấy, phe phẩy trước mặt. Được vài cái, tôi chuyển hướng quạt cho bà.

“ Ông nóng sao lại quạt cho tôi? Cái ông này buồn cười thật. Sao ông ở đây hoài vậy?”

Tôi cười.

“ Nhà con thì con ở chứ sao?”

Mợ tôi cười ngoặt ngoẹo.

“ Ông này buồn cười quá! Nhà nào của ông?”

“ Thì nhà của mợ cũng là nhà của con chứ sao! Mợ có biết mợ có bao nhiêu con tất cả không?”

“ Tôi thiếu gì con!”

Tôi nhắc tới tên đứa con mà ngày xưa bà hết mực thương yêu.

“ Mợ có nhớ thằng Trí không?”

“ Trí là con tôi.”

“ Trí nó đâu rồi?”

Mợ tôi yên lặng không nói. Em tôi mất từ năm mới được hai ba tuổi gì đó khi gia đình tôi còn ở Hà Nội. Em Trí chẳng phải là đứa con đầu tiên bỏ gia đình ra đi. Mợ tôi có tới mười một người con. Ba người con gái đầu đều mất sớm, hai em trai tôi cũng không qua hết tuổi thơ. Trí là đứa mất sau cùng. Ngày Trí mất, tôi có theo cậu mợ tôi lên bệnh viện Phủ Doãn. Các bác sĩ bó tay tuy bệnh chỉ là bệnh kiết lỵ thông thường của trẻ em. Khi mợ tôi bỗng Trí ra thuê xe về, trời đổ mưa tầm tã. Tôi ngồi trên xe kéo cùng mợ tôi bỗng em Trí. Cậu tôi đạp xe đạp bên cạnh. Ngồi trong lòng xe bít bùng, mùi hôi của tấm bạt che mưa sộc vào mũi khó chịu, tôi cứ loay hoay xoay qua xoay lại. Mợ tôi nạt tôi ngồi im. Tôi nhìn lên mặt bà thấy ràn rụa nước mắt. Miệng mợ tôi méo xệch. Bà ghi đứa con bệnh hoạn vào lòng. Khi tới nhà ông phu xe,

có lẽ thấy những giọt nước mắt của mẹ tôi, đòi thêm tiền vì đã mang xác chết lên xe. Mắt mẹ tôi long lên. *Ai nói con tôi chết?* Hai bên cãi nhau một chặp. Cậu tôi phải dàn xếp trả tiền mới yên. Vào trong nhà, bà mới khóc òa lên. Trí đã chết ngay lúc đang ở trên xe.

“ Con còn nhớ lúc Trí chết.”

Mẹ tôi ngồi lặng thinh.

“ Con cùng ngồi trên xe với mẹ bữa đó!”

“ Ông biết gì mà nói! Trí là con tôi!”

“ Con cũng là con mẹ. Con là San đây.”

Bà thu mình lại, nói nhỏ.

“ Thằng San nó ở xa lắm. Xa như thằng Trí vậy.”

Nhiều năm trước, khi mẹ tôi chưa rơi vào căn bệnh lãng quên, lúc tôi mới ra đi được vài năm, tôi đã viết thư về ngỏ ý định bảo lãnh cho cậu mẹ tôi đi. Lúc đó bà còn bốn đứa con kẹt lại nên không muốn rời xa những đứa con khốn khó hơn. Khi em tôi ra tù, làm đơn đi theo diện HO, em tôi cũng muốn điền tên cậu mẹ tôi vào chung danh sách. Nhưng hai ông bà cũng không đi. Tôi chẳng biết tuổi già níu chân ông bà lại hay lòng thương con đã lấp lối đi của ông bà. Mẹ tôi đi vào miền lãng quên khi tôi đã xa bà. Hành lý của mẹ tôi lúc đó không có bóng dáng tôi. Bà chẳng bao giờ tin là có ngày tôi trở về bên bà. Khuôn mặt tôi có thể gợi lại một nét quen nhưng không bao giờ đủ rõ để bà nhận ra đứa con xa nhà.

Bà cô tôi nghe tin tôi về, mua vé máy bay từ Ban Mê Thuột về Sài Gòn gặp tôi. Tính cô tôi rất hể hả và thân thiện với các cháu. Biết tôi buồn vì lạc mẹ, bà xúc xối.

“ Anh để đó cho tôi!”

Bà nói giỡn với mợ tôi.

“Chị em mình đánh chẵn không?”

Mặt mợ tôi tươi hẳn lên.

“Có hai người mà đánh gì!”

“Có thằng San đây nữa này!”

Mợ tôi nhìn tôi. Đôi mắt lạnh tanh. Bà dợm đứng dậy.

Cô tôi vội hỏi.

“Chị có nhớ thằng San không?”

“Nhớ chứ!”

Cô tôi nhìn tôi, nheo mắt, ý nói toan tính của bà đang thành hình. Bà quay sang mợ tôi hỏi.

“Thằng San con ai vậy?”

Mợ tôi sáng giọng.

“Con tôi chứ con ai!”

Cô tôi như mở cờ trong bụng. Bà liếc sang tôi. Cười. Bà nắm tay mợ tôi, chỉ qua tôi.

“Thằng San đây này!”

Mợ tôi liếc nhìn tôi. Mắt vẫn thản nhiên. Nói như dối.

“Cô này cứ nói giỡn!”

Tôi vẫn không bầu víu được vào trí nhớ của bà. Lỗi tại tôi vì tôi đã bỏ đi quá xa chăng? Vừa lúc bà nghe tiếng thông báo đầu hàng của vị lãnh đạo giờ chót của miền Nam, bà đã bật khóc. Tôi nhớ lúc đó cả gia đình tôi núp dưới chân cầu thang bằng bê tông cốt sắt, nơi được coi là an toàn nhất trong nhà. Bà nhìn lũ con cháu, mếu máo. *Rồi đời chúng mày sẽ ra sao?* Bà vội vào phòng riêng, lục tủ, mang số vàng bà đã cả đời dành dụm được ra chia đều cho các con trong tiếng nấc uất nghẹn. *Mợ chẳng biết rồi sẽ ra sao nên cứ chia cho tụi*

con, đưa nào tìm đường đi được cứ đi, đừng vì cậu mợ mà chết cả đám! Đường đi, lúc đó hầu như tắc nghẽn. Trước đó, trong những ngày chộn rộn, tôi cũng đã ngây thơ tin tưởng vào những người bạn Mỹ, ghi tên cả nhà cho một chuyến bay được hứa hẹn vào giờ chót sẽ cất cánh. Tôi đã dục mợ tôi thu xếp vài thứ cần thiết mang theo để có thể họ sẽ đưa thân nhân đi trước, những người còn phải làm việc đến giờ chót như tôi sẽ được bốc đi sau. Khi cuống cuống chọn lựa, chẳng biết mang cái gì, bỏ cái gì, mợ tôi đã như cảm thấy sự tan tác của gia đình. Bà vừa thu vén vừa nức nở. Tiếng khóc bây giờ trong lúc trao vàng cho các con còn nức nở hơn nữa. Cuộc chia lìa như đã có mặt. Những toan tính lúc đó quá phiêu lưu đến liêu lĩnh. Nhìn những con, những cháu ngơ ngác ngác, anh chị em tôi chẳng ai dám đánh cuộc sự sống bằng những ánh mắt thơ ngây vô tội. Khi những đứa con trai của bà theo nhau đi tù, bà đã hết nước mắt, nỗi buồn hình như đã cuộn lại vào bên trong ruột gan. Những ngày chúng tôi tù tội hình như bà cũng tự nhốt tù mình. Khi được thả về, tôi lại toan tính ra đi. Ngày đi, tôi dấu bà, lặng lẽ mang vợ con rời nhà trong buổi sáng tinh mơ. Chuyến đi thất bại, trở về, bà nhìn tôi như trách móc. Bà ôm chặt đám con tôi, nước mắt chảy ra, không nói. Tôi cũng bất động trong ê chề của một lần thất bại. Số vàng bà chia cho, tôi đã nướng hết cho một lần phiêu lưu vô vọng. Tôi không thấy tiếc. Mất còn đâu có nghĩa gì trong thời buổi nhộn nhạo. Tôi cũng không nói với mợ tôi chuyện này nhưng tôi nghĩ là bà biết. Bà cũng chẳng nói gì với tôi. Cả đời bà, hình như bà biết nuốt những buồn đau vào trong lòng. Chỉ lúc những khổ đau lên đến cùng cực,

bà mới cay đắng nguyên rửa những kẻ gây ra có sự. Những con người không một xúc cảm trước những tàn phá trên mỗi sinh linh cùng một màu da, cùng một máu thịt. Sau này, khi những đứa con đã lần lượt bỏ đi mang theo những đứa cháu cưng của bà, bà mới ngẩn ngơ. Cô em tôi kể là nhiều lúc bà ngồi thờ người ra, mắt ươn ướt, than nhỏ. *Tao nhớ là tao có nhiều con cháu lắm mà sao bây giờ chúng nó đi đâu hết rồi!*

Tôi đã đành đoạn bỏ đi và tôi đã trở về nhưng bà như không biết có thằng con trở về. Phòng tôi ở trên lầu, bà ở dưới nhà. Mỗi buổi sáng, tôi xuống lầu, bà cười nói.

“Cái ông này sao cứ ở đây hoài vậy!”

Tôi bá cổ bà.

“Con ở trên lầu chứ đâu.”

Bà nhìn tôi, ánh mắt như hé chút vui.

“Ông này chỉ khéo giỡn!”

Hình như bà đã an phận thu người lại trong nỗi mắt mắt của riêng bà. Bữa ăn bà bung chén ngồi thu lu một mình trong chiếc ghế ở một góc nhà. Nói thế nào thì nói, bà cũng vẫn nhất định không ngồi chung với cả nhà. Có một bữa trời nắng ráo, bà chịu ngồi vào bàn ăn nhưng chỉ sau khi bà đã nuốt xong chén cơm trên chiếc ghế cô đơn nơi góc nhà. Bà nhìn chúng tôi ăn, cười đùa, với đôi mắt sáng nửa muốn vui vậy, nửa muốn xa cách. Khi chúng tôi nài ép bà ăn tráng miệng, bà bỏ ra sân, ngồi trên chiếc ghế xích đu, giang sơn thứ hai của bà sau chiếc ghế nệm nơi góc nhà tối tăm.

Cũng trên chiếc ghế xích đu này, bà như có ý chờ đợi mỗi lần vợ chồng tôi đi chơi. Bà ngồi đó, nhìn trời nhìn đất, như

không biết chán, như không biết mệt. Mỗi lần tiếng cửa sắt kêu lên bà lại nhìn ra, ánh mắt chờ đợi. Có lúc như quá sốt ruột, bà ra đứng tựa cả người vào cửa, ngóng ra ngoài. Một lần chúng tôi về, thấy bà đứng ở cửa, nét mặt mừng rỡ, vội tháo chiếc then ngang, mở cửa.

“Gớm! Mãi tới giờ mới chịu mò về.”

Nhà tôi đưa cho bà gói bánh. Bà vội mở ra.

“Hai ông bà này khéo vẽ, lại còn mua quà nữa.”

Bà lấy ra một chiếc bánh, nhìn rồi bỏ lại vào chiếc túi giấy dầu.

“Trả lại này, tôi chẳng ăn!”

“Bánh ngon lắm. Con mua tận trên phố đó. Mợ thử đi.”

Bà lắc đầu quày quật.

“Bánh ở đây ấy mà. Ăn làm chi!”

“Thế mợ thích bánh gì?”

“Tôi chỉ thích đồ Mỹ thôi!”

Bà nói như giỡn. Sắc mặt không thay đổi.

Kể lại cho cô em tôi nghe, cô cho biết là có lần một cô em họ của tôi từ Mỹ về tới thăm bà, vội vàng quá, quên không mang quà, đành mua bánh ở chợ Thị Nghè mang biếu, bà cũng không nhận, chê là bánh nội, không ăn. Tôi nghĩ chẳng lẽ trong thâm tâm bà sự chán ghét cái xã hội làm bà mất mát đám con cháu đã thành nếp như vậy sao?

Hình như trong tận cùng tâm trí bà chỉ còn những hình ảnh xưa cũ. Trên những tấm hình chụp thời thiếu nữ, bà có một khuôn mặt nhẹ nhõm, có thể gọi là khá đẹp. Thời tuổi trẻ đó, bà chẳng bao giờ nhấc tới. Lúc trước cũng như sau này, khi bà đã lạc vào trạng thái u mê. Vậy mà có những đêm

không ngủ được, bà ngồi dậy hát những bài hát xưa chúng tôi chưa bao giờ được nghe, đọc những câu thơ, câu vè có xuất xứ từ những ngày xa tập nơi một làng quê miền Bắc hay ê a những câu kinh cũ rích cũ rang từ ngày bà còn thơ. Bà đã lụi quá xa về một thời có lẽ bà vẫn thiết tha trong tận cùng thâm tâm.

Bà tuân lễ vợ chồng tôi trở về nếp nhà cũ, chúng tôi như không được sống chung một thời với mẹ tôi. Bà không có hiện tại. Quá khứ xa thẳm đã giữ rịt bà trong tay. Hình như trong tim não bà đã có một sự chọn lựa dứt khoát. Chúng tôi cho phép bà lưu giữ những gì bà thích, ngày xưa. Hình ảnh tôi như đã bần bật mất hút, không thể nào tái hiện lại trong bộ nhớ của bà. Hình như bà vẫn mơ hồ cảm thấy có chút thân mật nào đó với tôi nhưng không thể nhận ra đứa con cả chục năm bà không gặp, không thấy.

Ngày phải trở về lại nơi tạm cư, tôi ôm bà, lòng buồn vô tả, nghẹn ngào nói.

“ Con chào mẹ. Con phải về rồi.”

Bà nhìn tôi, hỏi.

“ Ông về đâu?”

“ Con về lại Mỹ.”

Bà bỗng cười khẩy, bĩu môi.

“ Mỹ nào nó thềm lầy ông!”

Tôi nhói người. Bà lại lạc vào quá khứ, cái thuở mà những người đi Mỹ thường là những người lầy Mỹ. Vậy mà khi chúng tôi xách va li ra xe, bà cũng bầu chặt vào chiếc cửa sắt, đu người nhìn theo. Không hiểu bà có buồn không!

Khi tôi trở về lại một năm sau, bà không còn ngồi trên

chiếc xích đu quen thuộc nữa. Bà đã nằm trong chiếc quan tài đóng kín. Bà mất vào đúng ngày lễ Giáng Sinh. Khi cô em tôi gọi điện thoại báo tin, tiếng nhạc Giáng Sinh vẫn đằm ấm quanh tôi. Tôi vội lấy vé về. Gặp ngày lễ, chẳng có nơi nào làm việc. Phải ba ngày sau, tôi mới mua được vé giờ chót, đổi ba chuyến bay, bay suốt một ngày một đêm, lên tới tuốt trên đất Nhật mới vòng xuống Sài Gòn. Bà đã phải nằm thêm hai ngày đêm tại nhà để chờ tôi về. Máy bay đáp xuống phi trường vào đúng nửa đêm, vội ra xe, về tới nhà, tôi ôm chiếc quan tài, không chảy được nước mắt. Bà chẳng bao giờ còn nhận được ra tôi nữa! Tôi ngồi thờ người nhìn những ánh nến lung linh trên quan tài soi chiếu vào tấm hình bà. Tấm hình của những ngày bà chưa đi vào chốn quên lãng. Ánh mắt bà nhìn xuống tôi. Ánh mắt lúc đó có lẽ còn có hình bóng tôi.

Ba tiếng đồng hồ sau, dàn kèn tới, âm vang bài “Lòng Mẹ” thô tháp vang lên khắp xóm. Mọi người lục tục tới. Cô em tôi đưa khăn áo sô cho tôi khoác vào. Chiếc áo may sẵn chật ních chật nang như muốn nứt ra. Hồn tôi như cũng muốn nứt ra. Tôi ôm tấm hình bà đi trước quan tài như ôm chính bà một năm trước, khi tôi rời bà ra đi. Mẹ có nhận ra con không? Tôi thầm nói. Khi người ta đẩy chiếc quan tài vào lò thiêu, tiếng bánh xe cành cách từng nhịp chậm rãi, đầu tôi ngật ngư. Tôi đang mất bà hay tôi đã mất bà từ lâu, khi bà một mình đi vào miền mung lung mờ mịt không ngày tháng. Tôi bỗng bật khóc.

NIỀM VUI KHÔNG TRỌN

Thuở nhỏ tôi có hai thú đam mê: câu cá và coi đá banh. Cả hai cái thú này đều do cậu tôi bày vẽ cho. Mà bày tới nơi tới chốn. Ông vốn thích đi câu cá. Thường ông đi câu với mấy ông chú tôi. Khi tôi và đứa em kế được khoảng mười tuổi, ông mang theo chúng tôi. Chia phiên mỗi đứa một tuần. Đầu tiên tôi đã thấy hứng thú, không phải vì mấy con cá lội sâu dưới nước chẳng thấy đâu, mà vì khúc bánh mì kẹp chả chiên thì là rất hấp dẫn mà ông mua mang theo ăn trưa. Được ăn nguyên một cái bánh mì dài thông không phải cắt chia cho đám anh chị em đồng đảo là miếng mồi thích thú câu tôi đi câu. Chiếc bánh mì thơm phức này có ngay nạn nhân. Đó là những chú cá nằm tuốt tận dưới bùn lầy. Bởi vì tôi là một tay sát cá có hạng. Chỉ qua vài lần học những bài vỡ lòng,

tôi đã góp phần khá phong phú vào chiếc giỏ cá mang về vào cuối ngày. Thứ cá mà chúng tôi câu hồi đó là cá giếc. Chúng có những thói quen riêng. Khi tìm mồi chúng chỉ tìm ngay trên mặt lớp bùn dưới đáy ao đáy hồ chứ không lảng vảng ở phía trên. Lúc đóp mồi chúng ghéch mồm lên để nuốt. Bằng vào những thói quen đó, mỗi câu là những chú giun đỏ ngắt đôi cái đầu còn ngo nguậy phải được đặt ngay trên mặt lớp bùn bằng cách chnh chiếc phao cho đứng thẳng nửa ngoi lên trên nửa chìm dưới nước. Khi cá ăn mồi, ghéch mồm lên, chiếc phao sẽ nằm bênh ngang mặt nước. Đúng lúc đó phải nhẹ nhàng búng đầu cần câu cho lưỡi câu móc vào mồi cá và kéo thẳng lên một cách nhanh chóng. Nếu để chậm , cá mắc mồi quấy trong nước, các con cá khác trong đàn còn lảng vảng quanh đó sẽ thấy động chạy hết. Một đàn cá khi một chục khi hai chục con, nếu khéo câu, sẽ móc lên được bằng hết. Tôi thường thường chẳng để sót một chú cá nào trong cả đàn.

Mỗi khi đi câu, chỗ của nhóc con như tôi là ngòì trên porte-bagage xe đạp của cậu tôi. Những đoạn cãnh câu được tháo rời ra cột chặt theo chiều dài của xe đạp. Lắt lẻo trên tay lái là những túi đựng đồ ăn của người, mồi của cá và giỏ đựng cá câu được. Khi tôi lên trung học, có xe đạp riêng thì tôi đã qua thời kỳ tập sự, tự sửa soạn mọi thứ, tự chuyên chở lấy nhưng vẫn chưa được đi câu riêng. Chỗ ngòì câu thường là những ao hồ ở chung quanh Hà Nội, có những bụi tre già rậm rạp ít người lui tới. Có bị rắn bò ra dọa hay lở sẩy chân té xuống ao sẽ chẳng có ai biết đó là đâu. Vì vậy, chúng tôi vẫn chưa được đi câu một mình. Những ngày Chủ nhật, lớn

bé mỗi người một chiếc xe, chúng tôi vẫn phải phụ thuộc vào cậu tôi nhưng không phải chia phiên đi theo nữa.

Cái thú thứ hai, phải nói là một đam mê mới đúng, là coi đá banh. Cũng chính cậu tôi là người dẫn dắt trong ánh mắt không bằng lòng của vợ tôi. Cậu tôi cắt nghĩa cho chúng tôi hiểu về luật đá banh, kỹ thuật đá như thế nào là hay. Còn cái đam mê sống chết với môn thể thao hấp dẫn này, cậu tôi không cần chỉ, tôi cũng có. Cứ mỗi thứ năm là anh em chúng tôi ra cửa đón cậu tôi đi làm về. Đứa nào cũng muốn là người đầu tiên cầm được tờ báo Khỏe chuyên về thể thao trong tay. Đầu tiên là chờ ở cửa, càng về sau, cự ly càng ngày càng xa hơn. Đầu đường, ngã tư, đứa nào cũng muốn dành phần thắng. Sau cùng thì cậu tôi cũng có một giải pháp. Luân phiên ưu tiên đọc báo nhưng ấn định thời gian đọc. Tuần này tôi được đọc trước trong nửa giờ thì tuần sau tới lượt đứa khác. Trật tự được vẫn hồi với một chút bất tiện: đứa chưa đến lượt đọc biểu lộ sự sốt ruột bằng mọi trò gây rối.

Chủ Nhật là ngày đi coi đá bóng. Hồi ở Hà Nội là sân Mangin, gần cột cờ. Vào tới Sài Gòn là sân Vườn Ông Thượng, sau đổi tên thành sân Tao Đàn và sau đó là sân Thống Nhất. Khi chúng tôi chưa có xe đạp riêng thì cậu tôi na đi được hai đứa, một đứa ngồi đằng trước trên dàn xe, một đứa ngồi sau trên porte- bagage có cột một chiếc gối cho êm bàn tọa. Khi chúng tôi có xe đạp thì cha con dắt díu nhau đi. Chúng tôi không phải mua vé vào sân, nhưng mỗi người lớn chỉ được kèm một trẻ em nên cậu tôi cứ luôn miệng cười cầu tài với những người vào cùng để nhờ họ kèm theo đám con bao giờ cũng trên một đứa. Khi vào Sài Gòn, người đông

của khó, thân xác chúng tôi lại không còn kích thước được đi kèm, phải mua vé. Khi thì mua được vé, khi thì đi trễ hết vé phải mua giá chợ đen nơi những người đầu cơ bán vé dạo. Lúc đó, chúng tôi nhiều khi không mua được vé nhưng vẫn cứ lên vào sân được. Khi thì leo rào, khi thì chui qua lỗ hông của hàng rào do tập thể khán giả không vé xé ra, khi thì nhào vào sân theo đám khán giả chen chúc nhau qua cổng. Cứ loanh quanh một hồi thì cái thân đam mê cũng bay vào được trong sân.

Cả cha cả con cứ mê mết với sân banh là một điều không vừa ý mẹ tôi. Những gian nan vất vả để cha con thoát ra khỏi nhà được đều là công khó đầy sáng tạo của cậu tôi. Khi tôi trở về thăm gia đình, cậu tôi đã trên tám chục tuổi, nhưng đam mê coi đá banh vẫn còn sôi nổi như ngày nào. Chiếc ghế dựa trước màn ảnh truyền hình chẳng bao giờ thiếu hơi cậu tôi khi có đá banh. Có những trận đấu trực tiếp truyền hình vào lúc nửa đêm khuya khoắt, cậu tôi cũng không bỏ qua mặc những lời căn nhắc của mẹ tôi. Tôi sống ở nước ngoài, phần vì cuộc sống, phần vì môn hockey nhanh nhẹn và hấp dẫn hơn, niềm đam mê đã hao hụt đi nhiều. Thấy mặt tôi là ông bảo ngồi bên cạnh trong khi mắt ông vẫn không rời màn ảnh. Cậu tôi hầu như không biết đến sự cạn kiệt niềm đam mê của tôi ngày nhỏ. Mười năm xa nhà của tôi là một thời gian vô nghĩa đối với ông.

Tôi ra đi trong tình huống không bình thường tuy là đi chính thức bằng máy bay. Chiếc xe thuê đưa gia đình tôi lên phi trường Tân Sơn Nhất rời nhà từ năm giờ sáng. Chỉ trước khi ra đi, tôi mới tin cho hàng xóm hay và lên xe liền. Vậy

mà cậu tôi đã có mặt tại nhà tôi từ sáng sớm. Ông là người thân duy nhất tới với tôi vào giờ phút tôi rời xa quê hương. Dựng chiếc xe honda trên hè nhà, ông cứ quanh quẩn với hết đứa cháu này tới đứa kia. Bốn đứa con tôi, tuổi từ 12 tới 4, như những sợi dây mà ông không thể buông tay ra được. Tới giờ lên xe, tôi mời cậu tôi lên phi trường, ông lắc đầu. Tới lúc đó tôi mới thấy những giọt nước mắt vương trên mặt ông. Đây là lần thứ hai ông chia tay gia đình tôi. Năm năm trước, cũng vào một buổi sáng tinh mơ, ông đã bị rịn khi gia đình tôi leo lên chiếc xe xích lô máy ra ga xe lửa đi Nha Trang để gieo mình vào một chuyến vượt biên. Lần đó, ông cũng cố giấu những giọt nước mắt. Khi xe chuyển bánh, tôi quay nhìn lại, thấy vai ông rung nhẹ nhẹ. Lòng lo sợ cho những giờ phút gian nan đánh cuộc với số mệnh bằng sinh mạng của vợ con sắp tới, tôi chỉ muốn quay trở lại để hứa với ông tôi sẽ không bao giờ nuôi ý định đi xa nữa. Nhưng tôi chẳng thể nào lùi được. Guồng máy đã vận hành. Chỉ có xuôi tay chạy theo. Cũng như ông đã phó mặc cho may rủi khi đưa gia đình hồi cư về Hà Nội năm xưa. Ngày đó, bảy người trong gia đình lúc thúc theo người dẫn đường được ông thuê từ trước, men theo những bờ ruộng trong đêm tối, trượt lên trượt xuống. Đứa bé bảy tuổi là tôi, vai đeo chiếc túi vải, đi sát theo người đàn bà dẫn đường. Ông dắt chiếc xe đạp cột chiếc nôi đứa con nhỏ mới năm tháng đi tập hậu như một cánh chim chờ che những người thân. Cả gia đình lầm lũi đi. Không ai nói với ai một câu. Người dẫn đường đã dặn phải tuyệt đối im lặng kéo lộ diện bị bắt trở lại. Thịnh thoảng tôi quay lui để thấy khuôn mặt ông lạnh căm. Ông như muốn

trấn áp những hồi hộp lo lắng của một người mang trách nhiệm với sáu người thân đang dần thân vào những rủi ro một đời. Chỉ khi đã bước chân vào tới vùng tề, người dẫn đường xong công việc quay trở lại, ông mới tiến lên phía trước khi chúng tôi sắp tới chiếc đôn gác đầu tiên. Khẩu súng trên tay tên lính Lê Dương làm anh chị em chúng tôi run lập cập. Ông vỗ nhẹ vào vai tôi trước khi nói chuyện với tên lính gác. Ông vốn làm việc cho Không Quân Pháp trước ngày tản cư khỏi Hà Nội nên tên lính gác vội đưa ông vào trong đôn. Đứng bên ngoài sân đôn canh, tôi run lập cập trước những tên lính Pháp dềnh dàng qua lại, những khuôn mặt đen kịt với những vết rạch trên má của đám lính Phi châu đánh thuê. Tôi thấy lo cho ông. Chẳng biết ông có còn ra được với gia đình không. Khi ông tươi cười bước ra với tên sĩ quan Pháp, hỏi mọi người lên xe trở về nhà cũ, tôi như thấy ông cao hơn với vẻ bình thân của một người thừa công lực che chở cho những người thân.

Giờ tới lượt tôi. Cũng như ông ngày xưa, tôi dẫn vợ con vào một cuộc phiêu lưu muôn phần hiểm nguy hơn ông ngày xưa. Không chỉ là đoạn đường vài chục cây số, không phải chỉ là những bờ ruộng nhỏ nhưng vẫn còn đủ chỗ đặt được bàn chân, chuyến đi trong trách nhiệm của tôi sẽ ngàn dặm, sẽ phải chống chọi với sóng nước hung dữ và vô tâm. Khác với ông gần bốn chục năm trước, tôi đã thua cuộc. Cuộc chơi với sinh mạng đã bị bẻ, tôi lếch thếch trở về. Nét mặt ông rạng rỡ khi ôm lại được những đứa cháu tưởng đã ngàn trùng chia xa. Giờ tôi lại ra đi. Không còn những phiêu lưu sống chết, không đối mặt với hiểm nguy, sự chia lìa sẽ là chắc

chấn, ông lại có mặt. Nhưng cậu tôi sợ cái giờ phút dứt đoạn khi cánh phi cơ bốc gia đình tôi lên khỏi đất nước nên ông không theo lên phi trường.

Khi ra đi, cả ông và tôi đều nghĩ chắc chẳng có ngày cha con gặp lại nhau nữa. Chia tay là rất ráo. Vậy mà mười năm sau tôi đã trở về. Buổi sáng, ông thường thức sớm để kịp đi lễ nhất vào lúc 5 giờ. Đi lễ về, ông mới chăm sóc cây cối trong vườn nhà, quét tước và sửa chữa những chỗ hư hỏng. Tôi ngồi trong phòng nhìn ông làm việc, lòng như thấy chẳng có gì thay đổi. Ông vẫn trắng kiện, xốc vác, vẫn giữ những đam mê ngày cũ, vẫn ham đọc sách báo. Và vẫn dính chặt với những trận đấu bóng tròn. Cha con tôi ít nói chuyện với nhau mặc dù cả ông và tôi đều là những người hay nói. Cho tới bây giờ tôi cũng chẳng hiểu tại sao. Ngay từ những ngày tôi còn nhỏ, mỗi lần thiếu tiền tiêu, tôi mới chờ tới lúc cậu tôi lấy xe đi làm, chạy theo, lúng búng trong miệng xin tiền. Bao giờ ông cũng móc ví, hỏi cần bao nhiêu và luôn luôn cho số tiền trên mức tôi xin. Lớn lên những cuộc nói chuyện tay đôi với ông chỉ xảy ra khi có chuyện thật quan trọng cha con cần bàn với nhau. Vậy mà lúc nào tôi cũng biết là ông rất thương tôi. Và khi tôi lập gia đình ông cũng rất thương vợ tôi. Những ngày tôi đi tù cải tạo, ông là người lo lắng cho gia đình tôi hết sức chu đáo.

Lúc tôi đưa vợ về thăm ông thì ông đã ngoài chín chục và sức khỏe đã kém đi rất nhiều. Ông nằm trên giường, lấy tay che ánh nắng chiếu qua cửa sổ, nhắm mắt nhìn vợ chồng tôi, mặt như bối rối không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Tôi cúi xuống, cầm tay ông:

“Cậu! Con về đây này. Cậu nhận ra con không?”

Một lúc sau ông mới chống tay ngồi dậy, cười giả lả:

“San đây à? Nắng chói mắt quá tôi nhìn không ra.”

Tôi biết ông nói trớ ra như vậy. Ông đã phải mất một thời gian để định thần rồi mới nhìn ra đứa con tám năm ông chưa thấy mặt. Tôi chỉ nhà tôi:

“Cậu có nhận ra ai đây không?”

Ông nheo mắt. Ngồi một hồi. Rồi cúi mặt không nói. Ông không nhận ra đứa con dâu đã mười tám năm xa ông. Lần trước tôi trở về không có nhà tôi, ông rất khỏe, còn đi được xe đạp loanh quanh. Ông bỏ không đi xe honda từ lúc nào, tôi không rõ. Nhìn thấy ông nằm bệnh, tôi như thấy một hình ảnh lạ. Tôi không nhớ ông có lúc nào bị bệnh không ngoài lần ông bị bệnh hoàng đả từ ngày còn ở Hà Nội, khi tôi còn ở bậc Tiểu Học. Có lẽ trời cho ông một sức khỏe quá tốt nên lần ông bị bệnh đó, tôi nhớ rất rõ. Ông ngồi trên chiếc ghế xếp bằng vải, da mặt vàng ệch, trông trắng mắt cũng vàng như nghệ, bên cạnh ông là gói bánh mì khô biscotte trong giấy bóng kính. Cái cảnh ông ở nhà suốt ngày là một việc chưa bao giờ xảy ra. Trông ông khó chịu như một người tù. Thương ông, tôi không biết tỏ lòng ra sao ngoài việc lê la trên sàn đá hoa bên cạnh ghế, lúc thì học bài, lúc thì mang đồ chơi ra chơi. Ông ngồi chăm chú đọc cuốn tạp chí Sélection du Reader's Digest, thỉnh thoảng giơ tay ra xoa đầu tôi.

Tôi cố giúp ông nhớ ra vợ tôi:

“Mẹ con Uyên đây! Cậu nhớ ra không?”

Ông gật đầu. Nhìn vào ánh mắt ông, tôi biết cái gật đầu của ông không có ý nghĩa gì. Trí óc ông vẫn chưa về với ông.

Ông hỏi loanh quanh:

“ Anh đi máy bay về à?”

Tôi cười:

“ Dạ! Đi máy bay chứ đâu có đi xe honda được!”

“ Tôi bây giờ đi honda cũng không được nữa! Mà đi máy bay chắc cũng không được. Anh đi có lâu không?”

“ Lâu lắm cậu ạ! Nguyên ngồi trên máy bay cũng phải mất cả ngày. Đó là không kể thời gian chờ đổi máy bay ở Nhật Bản cũng mất thêm chục tiếng đồng hồ nữa.”

“ Anh có ở Nhật bản nữa à?”

“ Vâng, nhưng chỉ ghé phi trường Tokyo thôi.”

Ông gật đầu, mỉm cười.

“ Lần trước anh đi Nhật Bản có mua về cho tôi đôi giày. Sao giày họ làm đẹp và êm thế nhỉ? Đi sướng cả chân!”

Tôi không ngờ ông nhớ được chuyện xa xôi đến như vậy. Lần trước đó cũng cách đây cả ba mươi lăm năm, khi tôi có công tác phải sang Nhật. Đôi giày đó ông rất thích. Hóa ra nó còn bám víu được vào ký ức của ông đến tận bây giờ!

“ Hồi đó khi nó rách, tôi mang đi sửa đi sửa lại tới mấy lần. Mãi sau thì rách quá hết cách sửa mới phải vứt đi. Nếu nó còn tới bây giờ, tôi cũng chẳng đi được nữa. Già rồi! Còn đi đâu nữa mà giày với dép!”

Tôi thấy nhói trong lòng. Cậu tôi đã chịu cái già. Tám năm trước, khi tôi về thăm nhà lần đầu, ông vẫn cứ liều mạng làm những việc mà người già không nên gắng làm. Ông không chịu nhận mình đã già, dù lúc đó tuổi ông đã tám mươi bốn. Có lần tôi đã phải lớn tiếng với ông:

“ Cậu già thì phải nhận là già chứ! Khi sức khỏe không

cho phép mình làm những việc quá sức thì cậu không nên làm, kéo nguy hại.”

Nghe tôi nói, ông xì một tiếng, nguây nguây quay đi. Tám năm của cái tuổi trên tám chục là thứ thời gian phản phúc. Cậu tôi đã xếp ve dưới sức nặng của nó.

“Chân tôi hồi này yếu lắm. Đi không được. Phải chống gậy.”

Ông chỉ tay vào chiếc gậy dựng trong góc giường. Tôi cầm chiếc gậy chống thử.

“Con nhớ hồi trước Dung có gửi cho cậu chiếc gậy có bốn chân cơ mà. Sao cậu không dùng?”

Ông không nói gì. Bà chị tôi xen vào:

“Có đấy. Cậu còn cất trong kia kia. Nói thế nào cậu cũng không chịu chống gậy đó. Cậu bảo là trông già!”

Bà chị tôi ôm miệng cười, tiếp:

“Cậu không chịu già đâu. Còn cái bàn chống cậu Dung gửi về nữa. Nhất định không dùng là không. Đi bằng cái bàn chống đó vững chắc, tiện lợi biết bao, cậu Dung lại mua thứ tốt, đồ từ Mỹ gửi về, ai trông cũng thấy đẹp, vậy mà cậu cứ lắc đầu nguây nguây không đụng tới!”

Tôi biết tính cậu tôi. Ông khó khăn khi phải chấp nhận những thực tế không vừa ý. Tôi nói vào:

“Ở bên đó những người già đều cố gắng tập đi, chứ không chịu lệ thuộc vào con cháu. Con thấy họ khỏe mạnh, tự tin và yêu đời. Cậu nên cố gắng tập đi mỗi ngày.”

Ông nói ngay:

“Nhưng mỗi lần đi vấp vả lắm!”

Tôi tiến tới:

“ Vì vậy mới phải tập!”

Buổi chiều, khi tôi đi phố về, thấy ông đang chống chiếc gậy bốn chân chậm chạp đi ở ngoài sân. Thấy tôi, ông cười khoe:

“ Tôi đi được hai vòng rồi đấy!”

Tôi khuyến khích:

“ Cậu cứ tập dần, mỗi ngày thêm một ít, cố gắng hết sức mình, khi nào mệt thì nghỉ, đừng ráng quá độ, chỉ ít lâu nữa là cậu đi được, chẳng cần ai đỡ cả.”

Nhìn vợ tôi đứng bên cạnh, ông ngập ngừng nói như ân hận:

“ Tôi nhận ra mẹ con Uyên rồi. Hồi này khác quá, béo ra nhiều, bây giờ tôi mới nhận ra!”

Vợ tôi cười:

“ Vâng, con có đôi khác nên cậu không nhận ra. Cũng gần hai chục năm rồi còn gì nữa! Mấy đứa nhỏ bây giờ lớn cả rồi. Mai một chúng về thăm ông chắc ông chẳng nhận ra được đâu. Cậu có nhớ chúng con có mấy cháu không?”

Ông ngẩn người như đang lục lọi ký ức.

“ Chịu! Lâu quá rồi còn gì nữa!”

Tôi cảm thấy xót xa. Bầy cháu ông thương đã lọt ra khỏi lòng ông. Chắc thế nào cũng phải thu xếp đưa chúng về thăm ông bà một lần.

“ Tụi con có bốn cháu tất cả.”

Ông vẫn ngẩn ngơ. Vợ tôi nhắc tên từng đứa. Cũng chẳng giúp gì được cho cái trí nhớ đã bị lấy cắp hết dữ kiện của ông. Nhà tôi quay sang tôi, nói nhỏ.

“ Tội cậu quá!”

Buổi tối, nhà tôi bấm vai tôi, cười rúc rích.

“ Em biết tại sao cậu thương anh rồi!”

Tôi nhú mắt hỏi.

“ Tại sao?”

Vẫn chưa hết nụ cười.

“ Tại vì anh giống cậu như đúc!”

Tôi chột nghĩ. Chắc tôi giống bố thật. Mấy năm trước, bà thím dâu sống ở Pháp đã lâu, có việc qua chỗ tôi tạm cư, trong một buổi họp mặt, đã tiến tới hỏi tôi. Con ông Trường Hưng phải không? Tôi ngớ người ra, bà tiếp. Tôi là thím của cậu! Tôi chào bà. Sao thím nhận ra cháu? Bà xuề xòa. Trông giống bố như đúc thế này làm gì tôi không nhận ra! Dễ chừng đã gần bốn chục năm bà chẳng hề thấy tôi.

Vợ tôi bồi thêm.

“ Càng già càng giống!”

Tôi giỡn.

“ Anh mà già à?”

“ Đấy, thấy không! Không chịu già. Giống bố như hệt. Tri thiên mệnh rồi đấy anh ơi!”

Tôi lặng thinh chẳng nói được gì. Như bị nàng bắt được chân cẳng. Vợ tôi xoa tóc tôi.

“ Muối nhiều hơn tiêu rồi ông ơi!”

Tôi chống chế.

“ Tóc gin đấy! Nhuộm vào thì lại thanh niên như ai ngay!”

Nhà tôi tổ thêm.

“ Đừng có mộng trò phồn vinh giả tạo! Mà này, từ nay anh làm ơn tập thể dục thường xuyên dùm em nhé. Lười như

anh sợ còn chống gậy trước cậu ấy chứ! Vậy mà còn bày đặt khuyên cậu chịu khó tập! Không biết mắc cỡ!”

Tôi nhắm mắt dỗ giấc ngủ. Người tôi lơ mơ trong những suy nghĩ không đầu. Một mai, khi tôi già như cậu tôi, tôi sẽ ra sao? Trong đầu tôi lướt qua những thăng trầm của cuộc đời. Thế hệ tôi sinh ra trong nhiễu nhương của đất nước. Sống nhiều hơn, gian truân cũng nhiều hơn. Có nhiều ông bạn cho rằng lứa tuổi chúng tôi được sinh ra trong lúc vận nước bấp bênh đầy kịch tính nên cuộc sống phong phú hơn những thế hệ trước và sau. Ba lần chuyển đổi cuộc sống vì những thay đổi chính trị của đất mẹ đã làm chúng tôi sớm trưởng thành hơn. Với hồi cư, di cư, di tản, chúng tôi đã phải gieo mình vào những tình huống bất ung. Chúng tôi tồn tại bằng những thương đau liên tiếp đổ xuống đầu và bằng những cố gắng ngoi lên trong những hoàn cảnh ngặt nghèo. Chúng tôi đã phải già trước tuổi!

Quãng đường phải tới, không ai tránh được, tôi đang bước vào. Cậu tôi hầu như sắp nuốt xong đoạn đường khó chịu đó. Thú câu cá, cậu tôi đã bỏ ngay từ ngày di cư vào Nam. Ông chỉ câu ao, và chuyên trị loại cá giếc, những thứ trong Nam không có. Thú coi đá banh bây giờ vẫn còn bám riết lấy ông. Ông anh rể tôi, người luôn ngồi trước máy truyền hình với ông, lắc đầu.

“Cậu vẫn còn mê coi đá banh lắm, nhưng chỉ coi ban ngày thôi. Ngày trước, những trận truyền hình trực tiếp những trận quốc tế vào ban đêm, chẳng bao giờ cậu bỏ. Bây giờ thì chịu, tối nào cậu cũng phải đi ngủ sớm.”

Ông vẫn chăm chú vào màn hình, bỏ ngoài tai câu chuyện

của chúng tôi nói về ông. Những chân cẳng trong màn hình hút tất cả sự chú ý của ông. Tôi hỏi.

“Hồi này cậu còn đọc báo đọc sách không?”

Theo dõi tin tức thời sự, đọc truyện chương là những món nghiện ngập của cậu tôi. Tôi còn nhớ khi mới di cư vào Nam, cậu tôi muốn mua một chiếc máy thu thanh nhưng mẹ tôi không bằng lòng. Cuộc sống mới còn nhiều thử thách trước mặt làm bà phải chặt chiu từng đồng bạc. Trong bữa cơm, cậu tôi nói là nếu mua máy thu thanh thì khỏi phải mua báo mỗi ngày, đỡ tốn kém. Máy đĩa chúng tôi đĩa nào cũng muốn có máy để nghe nhạc nói thêm vào. Mẹ tôi đành chịu. Ngày cha con tôi đi mua máy thu thanh là một ngày hội. Mang được chiếc máy kèn càng chạy bằng đèn vè, chúng tôi xúm vào nghe suốt ngày. Cậu tôi quả có bỏ mua báo, nhưng chẳng được bao lâu. Những truyện chương hấp dẫn nơi trang trong của tờ báo hàng ngày khiến ông lảng lạng tiếp tục mua báo. Tôi không nhớ ông có bị mẹ tôi cản nhắc không.

Ông vẫn dán mắt vào màn ảnh nhỏ như không nghe thấy câu hỏi của tôi. Anh rử tôi nhắc tôi.

“Cậu phải nói lớn ông mới nghe thấy. Hồi này tai ông nghễnh ngãng nhiều rồi.”

Tôi hỏi lớn, cậu tôi quay lại như muốn hỏi. Tôi nhắc lại câu hỏi một lần nữa. Cậu tôi lắc đầu. Không hiểu cái lắc đầu của ông có nghĩa là ông đang trả lời câu hỏi hay không nghe được câu hỏi.

“Bây giờ nặng tai lắm. Nhiều khi nghe không rõ. Anh nói gì vậy?”

Tôi hỏi lại. Lần này ông nghe được.

“ Cũng muốn đọc lắm nhưng đọc câu sau lại quên câu trước. Nhiều khi đọc mà chẳng hiểu gì cả. Nghe thì dễ chịu hơn, nhưng phải mở lớn mới nghe được.”

Tôi sực nhớ lại dáng vẻ vồ vập của ông khi thấy hộp que ngoáy tai tôi mang về. Ông dành ngay lấy. Thứ này tốt đây này! Ở bên này không có. Để cho tôi! Ông tưởng rằng những chiếc que nhựa đầu bịt bông gòn này sẽ mang lại được phép lạ cho ông.

“ Chắc cậu phải cần một chiếc máy nghe.”

Ông nhồm người lên.

“ Máy nghe à? Có thứ máy đó nữa sao?”

Tôi gật đầu.

“ Để khi về, con sẽ tìm mua cho cậu một chiếc.”

Mặt ông tươi tỉnh. Ông như tìm thấy vật cứu mạng.

“ Nghe rõ như người thường được thì sướng lắm nhỉ?”

Tôi trấn an ông.

“ Về tới nơi con sẽ tìm mua ngay và gửi bưu điện liền cho cậu.”

Chiếc máy nghe đã luôn luôn nằm trong đầu ông. Chuyến bay trở về của tôi cất cánh vào đúng giờ giao thừa của năm mới dương lịch. Khi tôi rời nhà lên phi trường, ông đã lên giường ngủ. Tôi không muốn đánh thức ông dậy. Ngày hôm qua tôi đã cho ông biết chỉ còn một ngày nữa là vợ chồng tôi sẽ lại phải xa ông. Mặt ông buồn hẳn. Suốt ngày ông lặng câm đưa mắt nhìn mỗi khi vợ chồng tôi đi ngang qua ông. Ông anh rề tôi như không đành lòng.

“ Ông đi nằm chứ chưa ngủ đâu. Để tôi đánh thức ông

dậy. Biết bao giờ cậu mợ mới về thăm ông lại được nữa!”

Anh rề tôi kêu ông dậy. Ông giật mình ngỡ ngác như chưa rời khỏi giấc ngủ. Vợ chồng tôi chào ông. Ông nắm lấy tay tôi nghẹn ngào. Tôi tưởng ông không nói được gì nữa. Nhưng ông lại dặn tôi.

“ Nhớ gửi cho cậu chiếc máy nghe nghe!”

Về tới nhà, tôi hỏi thăm ngay mấy ông bạn bác sĩ về chiếc máy nghe. Ông nào cũng bảo phải khám tai rồi mới mua được. Làm sao mà khám? Tôi nhờ mấy ông tìm cách mua dùm tôi. Cứ thứ tốt mà mua.

Chỉ chừng hơn tuần lễ sau, tiếng điện thoại trong đêm vang lên. Tôi lờ quờ mở mắt bắt máy. Chị tôi tin cho tôi biết là cậu tôi đã qua đời. Có lẽ ông chỉ chờ gặp cậu rồi ra đi. Từ khi cậu mợ đi, sức khỏe ông tồi tệ dần. Tối qua ông ngủ rồi đi luôn!

Khi ông bạn bác sĩ điện thoại cho tôi báo tin đã mua được máy, tôi thẫn thờ trả lời.

“ Cám ơn toa nhưng chắc moa không cần tới nữa đâu. Muộn rồi!”

Chắc bạn tôi không hiểu tôi nói gì. Nhưng trong đầu tôi như có tiếng vang dội lại không ngừng. Muộn rồi! Muộn rồi...

07/2006

NGOẠI TẬP

VIẾT VỀ THẦY, VIẾT CHO BÈ BẠN

Thầy Chương

Cứ như suy nghĩ thông thường thì một thi sĩ phải có bộ điệu bất cần đời, ăn mặc phải lôi thôi lếch thếch một chút cho có vẻ khác người. Niên học 1955-1956 tôi học lớp Đề Nghị ban Văn Chương tại trường Chu Văn An Saigon. Giáo sư môn Văn Chương Việt Nam là thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Giờ Việt văn đầu niên học, chúng tôi hồi hộp chờ đợi xuất hiện bóng dáng “phong sương” của thi hào nổi tiếng họ Vũ. Nhưng người bước vào lớp chẳng như chúng tôi chờ đợi mà là một nhân vật ăn mặc chải chuốt như một chính khách. Không, phải nói như một nhà ngoại giao chuyên nghiệp mới đúng.

Áo sơ mi lụa màu mỡ gà. Quần nâu với hai đường li thẳng tắp. Giày da nâu bóng loáng. Mũ phớt màu nâu nhạt. Và một chiếc cà vạt màu nâu hồng có điểm những nụ hoa

nhỏ xíu màu hồng nhạt. Màu sắc từ trên xuống dưới ăn khớp với nhau một cách rất nghệ thuật. Như một bức họa. Chưa hết. Một chiếc kẹp cà vạt mạ vàng cùng với một cặp nút cài măng sét làm cho bộ quần áo thêm phần “vương giả”. Không phải chỉ trong buổi dạy “ra mắt” học sinh thầy Chương của chúng tôi mới diện như vậy. Trong suốt năm học lúc nào thầy cũng chải chuốt một cách lạ thường. Những ngày nóng bức nhất cũng không làm chiếc cà vạt rời khỏi cổ thầy. Những ngày se lạnh chỉ thêm dịp cho thầy đóng nguyên một bộ đồ lớn loại sang.

Phải công nhận là thầy Chương có “gu” ăn mặc. Màu sắc luôn luôn hài hòa mát dịu. Thầy nổi bật trong phòng giáo sư hồi đó với phong cách rất mực phong lưu. Luôn luôn từ tốn, lịch sự nhưng không mất đi vẻ thân mật đối với các giáo sư khác cũng như đối với học sinh. Nét phong lưu còn rõ ràng hơn khi thầy ngồi ngất ngưỡng trên xích lô đạp tới trường. Thầy là giáo sư duy nhất tới dạy học bằng xích lô đạp hàng ngày.

Ông xích lô đạp chắc không phải cố gắng nhiều khi chở trên xe một ông khách có sức nặng khiêm nhường như thầy Chương. Người thầy mỏng lét. Bộ ngực lép kẹp được chúng tôi gọi là ngực...Oméga. Oméga là tên một loại đồng hồ đeo tay có đặc điểm là bề dày của nó rất mỏng. Càng mỏng càng đắt tiền. Ngực Oméga không phải là ngực “đắt tiền” nhưng là loại ngực mỏng của người thiếu sức khỏe. Nước da trắng xanh cùng với khuôn mặt gầy gò rất nhiều vết nhăn quanh miệng và quanh hai khóe mắt chứng tỏ điều đó. Nghe nói là thầy làm bạn với nàng tiên nâu nhưng chúng tôi không tìm

thấy ở thầy những dấu hiệu của một người ghiền. Cặp môi không thâm và không có điệu bộ như một cặp môi đón dọc tẩu, dáng người không so bại, quần áo không lếch thếch dơ dáy và người không tỏa ra mùi khét lẹt. Chỉ có cặp mắt hơi lim dim nhưng là cái lim dim của một thi sĩ thoát tục hơn là cái lim dim mệt mỏi của một tiên ông.

Nhưng thực ra thầy cũng chẳng dấu cái tình bạn với ả Phù Dung của thầy. Tết năm đó một nhóm trong lớp khoảng mười anh em mặn mè với văn chương tới nhà tết thầy. Nhà thầy ở trong một ngõ hẻm. Hơn một chục chiếc xe đạp của đám học trò phải loay hoay mãi mới nằm được gọn gàng bên vách nhà mà không cản trở lưu thông trong ngõ. Cửa nhà vừa mở là mùi trầm đã ngạt ngào bay ra. Ánh sáng trong nhà yếu đuối vàng vọt. Chúng tôi lặng lẽ bước vào như đi hành hương. Như có một cái gì thật nghiêm trang bao quanh chúng tôi. Thầy lên tiếng bảo chúng tôi vào. Chúng tôi e dè kéo ghế chia nhau chỗ ngồi. Ghế không đủ cho đám khách đông đảo, chúng tôi phải ngồi bót trên giường. Giữa thầy với chúng tôi là một bộ bàn đèn. Ngọn đèn dầu lạc còn leo lét cháy. Mùi thơm thuốc phiện phảng phất quanh nhà. Thầy mặc chiếc áo màu đà có khuy cài bên như kiểu áo dài. Áo buông ngang đầu gối. Một chiếc quần dài cũng màu đà.

Trông thầy như một bậc tu hành ở chốn thiền môn. Chỉ khác là thầy có mái tóc hoa râm dài rẽ ngôi ngay chính giữa làm cho khuôn mặt thầy vuông vức sắc cạnh.

Một anh đại diện anh em đứng dậy chúc tết và trình thầy mấy món quà tết nho nhỏ. Một lọ trà, một hộp bánh, một túi trái cây. Thầy nhận và kêu cô ra. Cô vén chiếc màn bằng

vải hoa ngăn đôi phòng khách với phòng trong ra chào hỏi chúng tôi, nói dăm ba câu chuyện, bày lễ tết lên bàn thờ rồi rút vào phòng trong. Thầy bảo chúng tôi rót nước trà uống.

Thầy trò đàm đạo như bạn bè về thi ca. Thầy nói rông rã về những trào lưu thi ca ở Pháp. Câu chuyện xoay về với thực tại. Cái tết nóng này ở miền Nam. Tết mà không có xuân. Thầy trò quay về với cái tết miền Bắc, nơi mà những kỷ niệm còn mướt mà trong trí tưởng. Không khí xuân ở chốn quê hương xa xăm đó sao mà tuyệt diệu. Thầy trò nhắc tới những ngày xuân cũ bằng những lời bàng bạc nuôi tiếc. Hai năm cơm gạo miền Nam chưa làm dịu được nỗi niềm xa xứ. Nỗi xót xa được nhắc nhở mỗi ngày khi thầy trò phải đi công sau vào học nhờ trong một căn nhà lâu cũ của trường Pétrus Ký.

Chúng tôi ngó ý cáo từ để thầy nghỉ thì thầy khoát tay bảo chúng tôi ngồi lại. Thầy lấy mực và một xấp giấy đỏ ra để tặng chữ kỷ niệm. Không khí vui nhộn hẳn lên. Chúng tôi lật những tập thơ của thầy ra tìm những câu thích nhất để xin thầy viết. Có được những câu thơ ưa thích do chính tác giả viết phải là một kỷ vật thích thú lắm chứ. Nhưng có anh lại xin thầy một câu đối chữ Hán. Những ông đồ non này bảo là có đôi câu đối với nét chữ bay bướm như vậy treo trong nhà ngày tết thì có lý vô cùng. Thầy chỉ khẽ mỉm cười vung tay viết ra những chữ đẹp như vẽ. Chỉ cần nhìn vào nét chữ cũng đủ thấy cái tài hoa khôn sánh của thầy. Mỗi chữ lững lờ như tiềm tàng niềm ngây ngất ẩn dấu. Thấy chữ như buông thả mà trong chữ dường như có tâm sự riêng.

Trên đường về tôi cười một mình khi thấy sao mà cảnh

tết thầy vừa rồi giống như cảnh tết thầy của một thời xa lắc xa lơ khi các cụ đồ nho ngồi dậy học được coi như những bậc quân tử được mọi người bái phục kính nể. Sự so sánh lầm cảm này làm nảy sinh ra một câu hỏi. Vì sao thầy lại có một chỗ đứng riêng biệt trong lòng chúng tôi như vậy? Bởi vì chúng tôi mến mộ thi tài của thầy? Bởi vì chúng tôi quý trọng tư cách của thầy? Bởi vì chúng tôi yêu mến thầy? Bởi vì chúng tôi xót xa cho sức khỏe của thầy? Bởi vì chúng tôi trân trọng cố gắng truyền đạt kiến thức của thầy? Có lẽ phải cộng tất cả những cái “bởi vì” này mới có một câu trả lời tạm đầy đủ.

Đặt biệt danh cho các giáo sư là nghề của chúng tôi hồi đó. Thầy Vũ Khắc Khoan nổi tiếng nghiêm khắc, lớp học trong giờ thầy im phăng phắc như một nguyên đường. Thầy có đôi mắt to và sắc sảo lạ thường. Chúng tôi đặt cho thầy biệt danh “Cú Vọ”. Thầy Bùi Đình Tuyên dạy Vạn Vật hay kể chuyện nhằm nhí làm chúng tôi nín thở ngồi nghe. Ưa thì ưa lắm nhưng cũng tặng cho thầy hõn danh...Tề Tuyên! Thầy Nguyễn Văn Lộc dạy Anh Văn người ốm yếu, tay chân lêu nghêu loạng quạng nhưng lúc nào cũng lên gân làm điệu bộ mạnh bạo ngang tàng được chúng tôi cảm hứng từ tên một viên tướng thời Quang Trung đặt cho cái tên “Đô Đốc Lộc”. Thầy Giám thị Tự đi đôi giày đế da mới tinh mỗi lần vào lớp là khua lóc cóc inh ỏi được tặng cho biệt danh “Tây Gõ”.

Trong khung cảnh “nguy hiểm” như vậy mà thầy Chương không có một biệt danh nào cả kể cũng là một sự lạ. Chúng tôi không nở hay không dám? Có lẽ cả hai. Chúng tôi vừa thương vừa kính thầy. Thầy thật gần gũi nhưng cũng thật cao

xa.

Chương trình Việt Văn lớp Đệ Nhị ban Văn Chương hồi đó, ngoài phần thơ văn thế kỷ 19, còn có phần thơ mới. Đây là phần lý thú nhất của cả thầy lẫn trò. Những nhà thơ trong thời kỳ này từ Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ đến Đinh Hùng, Anh Thơ, Vũ Đình Liên...đều là bạn hoặc những người thầy quen biết. Những bài giảng vì vậy đã vượt ra ngoài khuôn khổ một bài giảng giáo khoa. Những bài thơ trữ tình, diễm tuyệt đã tạo dịp cho thầy quay về với tuổi trẻ của thầy. Chúng tôi đã chứng kiến một thầy Chương sôi nổi, lãng mạn, tha thiết với thơ văn của bạn hữu. Những kỷ niệm tràn ứ trong thầy tỏa ra thành những lời giảng trau chuốt, mặn mà, đầy xúc cảm. Xuân Diệu không phải chỉ là một Xuân Diệu gói kín trong thơ mà là một Xuân Diệu cuồng nhiệt, vội vã, đam mê như đang đứng trước chúng tôi. Đinh Hùng cũng thoát ra ngoài những con chữ để trở nên một con người sống động, tình tứ trong những lời nói đam mê xúc động của thầy. Và rồi những thơ của Thế Lữ, Văn Cao, Huy Cận...đều có xương, có thịt, có máu qua những lời giảng miên man đầy ấp hoài niệm của thầy.

Thầy đi quanh lớp bằng những bước chân nhẹ nhàng, đầu nghênh cao, mắt xa vắng, giảng bài bằng cái giọng nhura nhura thanh thanh. Có những lúc mắt thầy như nhắm hắt lại, đầu lắc lắc từng chập. Những lúc đó thầy như thoát hồn bay về một trời thơ nào đó. Thầy say thơ. Thầy ngâm thơ như một người đồng thiếp. Như không còn thầy. Như không có trò. Như không phải là một lớp học. Chỉ có một cõi thơ lồng lộng bát ngát. Chúng tôi cũng đắm thơ. Vô cùng nồng nàn

là những dòng thơ đất Việt. Chỉ có tiếng chuông báo hết giờ học mới có thể kéo thầy trò ra khỏi cơn mê văn chương.

Nhưng khi thầy Chương giảng thơ Vũ Hoàng Chương thì thầy lại có một phong thái khác hẳn. Có một cái gì sừng sững nơi thầy. Thầy như cố tách rời cái ông thi sĩ họ Vũ ra khỏi cái ông giáo sư họ Vũ đang đứng trước mặt chúng tôi. Để nói về cái ông thi sĩ họ Vũ thầy dùng ngôi thứ ba. Tác giả viết thế này, thi sĩ viết thế kia...Làm như chẳng có gì dính dáng tới thầy cả. Sự “từ chối bản ngã” đó lúc đầu làm chúng tôi ngỡ ngàng nhưng khi quen rồi thì thấy có cái gì là lạ ngộ nghĩnh. In tuồng như thầy đang chơi trò trốn tìm với thi sĩ họ Vũ. Giọng thầy cố gắng làm như xa cách nhưng tâm hồn thầy như muốn trở lại với những giây phút cầm bút viết nên những vần điệu đang được giảng dạy. Thi tài của thầy đặt thầy vào một tình huống hơi éo le. Và thầy phải vật vạ với sự chèo kéo của đôi bên.

Nhưng khi thầy ngâm thơ của thầy thì lại là chuyện khác. Giọng ngâm của thầy tha thiết hơn bao giờ hết. Hồn thơ năm cũ như vật vờ trong giọng ngâm tạo nên niềm hứng khởi lạ lùng. Thầy trò như hòa tan trong nhạc điệu của thơ. Tôi còn nhớ mãi cái giọng say sưa cuồng nhiệt của thầy khi ngâm bài “Tôi Tân Hôn” trong đó có những câu:

*Gió bỗng đổi chiều trên táp xuống
Nặng trĩu hai vai nàng cố gượng
Thắt vòng tay ghi riết lưng ta
Nhưng luồng run chạy khắp thịt da ngà
Run vì sợ hay vì ngây ngất?*

Ta chẳng biết nhưng rồi ta chóng mặt
Toàn thân lạnh ngắt!
Thuyền chìm sâu sâu mai bẻ hư vô
Mà hương ngát đâu đây còn phảng phất
Mà bên tai đàn sáo vẫn mơ hồ

Ngira trong lòng cung Quế títt mù xa
Dần dần khuất
Dưới chân ta
Thuyền mây sững lạt
Không gian vừa sụp đổ chung quanh
Một trời đêm xiêu rụng tan tành

Dư hưởng yếu từng giây
Dư hương dần loãng nhạt
Trong tay níu đôi thân liền sát
Nhè nhẹ rơi vào lớp sóng khinh thanh

Sao lìa ngôi, phương hướng ngã bên mình
Cơn lốc nổi!
Đàn tiên thôi gọi
Âm thầm xa bật tiếng tiêu
Những mê man say uống miệng người yêu
Ta cũng như nàng,
Cảnh mộng chốn bông lai đâu nhớ tới.

Hai xác thịt lẫn vào nhau mê mãi
Chút thơ ngây còn lại cũng vừa chôn

*Lúc tỉnh dậy bần nhơ nơi hạ giới
Đã dâng lên ngập quá nửa linh hồn!*

Vừa ngâm xong thầy nhỏ nhẹ “tự thú” là khi làm bài thơ này thi sĩ chưa hề biết đàn bà! Thỉnh thoảng thầy vẫn tiết lộ cho chúng tôi những điều bất ngờ như vậy. Một lần khác thầy ngâm bài thơ “Say đi em” vẽ ra một cách sống động khung cảnh một vũ trường:

*Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân
Lui đôi vai, tiến đôi chân
Riết đôi tay, ngả đôi thân
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió,
Không biết nữa, màu xanh hay sắc đỏ
Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta*

Nghe xong chúng tôi nghĩ thầy là một khách sành điệu rất từng trải trong chốn ăn chơi. Nhưng thầy thân nhiên “phụ đề”: khi làm bài thơ này tác giả không hề biết khiêu vũ!

Chốc đó mà bốn chục năm đã trôi qua. Kiểm điểm lại trong đám chúng tôi chỉ có hai người theo nghiệp của thầy. Anh Nguyễn Thiệu Hùng bút hiệu Mai Trung Tĩnh và anh Lê Đức Vượng bút hiệu Vương Đức Lệ. Hai anh đã in chung tập thơ “40 bài thơ Mai Trung Tĩnh và Vương Đức Lệ” và tập thơ này đã đoạt giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1961.

Cả hai anh đều đã bị Cộng Sản đẩy ải trong ngục tù tại Saigon cùng với một số nhà văn nhà thơ khác trong nhóm

Diễn Đàn Tự Do của Giáo Sư Đoàn Viết Hoạt. Anh Mai Trung Tĩnh được thả năm 1994 mang bệnh tim, mù một mắt và sưng gan do hậu quả của những năm lao tù. Ngày 7 tháng 6 năm 1995, anh cùng vợ và hai con đã tới Hoa Kỳ và mất tại Virginia vào lúc 2 giờ sáng ngày 20 tháng 2 năm 2002 vì di chứng của những bệnh cũ. Anh Vương Đức Lệ cũng sang được Hoa Kỳ rất muộn, nhiều năm sau khi thoát khỏi lao tù. Tôi nghĩ tới thầy với những ngày lao tù bệnh tật dưới chế độ Cộng Sản, nghĩ tới cái chết tức tưởi của thầy chỉ ít ngày sau khi được thả vì quá đau yếu. Cả thầy lẫn trò đều chung nỗi truân chuyên của những người làm văn nghệ gặp cơn gió chướng.

02/1991

Với Lê Uyên Phương và Đà Lạt

Đoạn viết thêm, 36 năm sau: Bài “Với Lê Uyên Phương và Đà Lạt” dưới đây đã được đăng trên bản nguyệt san Thời Nay, số 266, phát hành ngày 15 tháng 11 năm 1970 tại Sài Gòn. Khi sinh thời, nhạc sĩ Lê Uyên Phương đã nhiều lần nói với tôi là anh rất thích bài này và vẫn nhớ từng chi tiết trong bài viết. Tôi nghe anh nói vậy mà hết sức thẹn thùng vì chính tôi không còn nhớ một chút gì về nội dung bài do chính mình viết. Mới đây, ca sĩ Lê Uyên đã điện thoại cho tôi hỏi xin bài này để dùng trong một cuốn hồi ký. Tôi đã cố công tìm kiếm bằng cách nhờ nhiều người tại Việt Nam cũng như tại hải ngoại. Và tôi hết sức vui mừng khi Bác Sĩ Nguyễn Thị Minh Ngọc, tức nhà văn Ngọc, hiện sống tại New York, một độc giả nhiệt thành của Thời Nay, sau rất nhiều công phu vất vả, đã tìm ra được bài này và gửi nguyên bản cho tôi. Nhân dịp

phổ biến bài báo xưa này tại hải ngoại, tôi xin cảm ơn nhà văn Ngọc về công khó của cô.

06/2006

Căn gác xép rộng nhưng thấp. Muốn đi phải cúi đầu xuống. Bên ngoài, những bông hoa trạng nguyên màu đỏ đung đưa lả lơi. Sàn gỗ bóng loáng. Vách và trần được sơn đều màu tím hồng. Một chiếc màn voan trắng mỏng treo giữa hai cây cột. Chiếc nệm đặt ngay trên sàn. Tủ sách gồm những cuốn tiếng Anh, Pháp và Việt. Bàn viết nhỏ bừa bộn những giòng nhạc viết dở dang. Đó là nơi Lê Uyên Phương trở về sau những tháng ngày mệt mỏi ở Sài-gòn. Anh như một con thú trốn chạy ánh đèn màu. *Không bao giờ quen được không khí phòng trà mặc dù trước đây đã từng chơi nhạc cho các hộp đêm.* Đà Lạt đối với anh như một chốn nghỉ ngơi. Đúng hơn như một thánh địa. Cái xứ sở có một khí hậu kỳ quái mang mang làm khăng khít tình yêu và làm xót xa những tâm hồn đơn lẻ. Trời cuối tháng mười lạnh lạnh. Phi cảnh Liên Khương âm u trong bóng chiều tà. Lê Uyên Phương, với cây đàn trong tay, như muốn ôm lấy Đà Lạt sau vài tháng cách xa. Anh ngửa mặt suýt soa. *Để chịu quá!* Đang hát mỗi đêm tại Queen Bee và Ritz, mỗi nơi bốn ngàn đồng một đêm trình diễn, anh đã bỏ hết để trở lại Đà Lạt thần bí. *Sống ở Sài Gòn tôi chịu không được. Không viết được một dòng nhạc nào cả. Tôi gần điên lên. Kiếm được chút tiền về sống vài tháng đã.*

Chuyến này anh về Đà Lạt một mình để hoàn tất tập nhạc *Thở Hơi Dã Thú*. Người nữ của anh ở lại Sài Gòn. Một giờ

trước đây hai vợ chồng đã bịn rịn chia tay nhau như không muốn rời tại cửa ra phi đạo Tân Sơn Nhất. Tình yêu của họ chất ngất ngút ngàn. Họ chia nhau cả cái tên. Lê Uyên Phương là biệt hiệu của Lê Văn Lộc. Nay anh chia bớt cho người yêu một nửa. Nàng nhận hai chữ đầu Lê Uyên. Chàng dùng chữ cuối Phương. Tôi hỏi đùa anh cho mượn hay cho dứt. *Cho dứt chứ! Cuộc đời mình còn cho nữa là cái tên.* Lê Uyên tên trong khai sanh là Lâm Phi Anh. Thời hát ở Đà Lạt lấy tên Cẩm Thúy. Chuyện tình của họ cũng dài và rắc rối không kém gì câu chuyện của những cái tên.

Trước hai ly trà nóng, người thanh niên có mái tóc chải ép sát xuống trán, chiếc miệng rộng hơi nhô ra, hàng râu mép lưa thưa, ngồi kể lại chuyện đời mình. Sinh trưởng tại Đà Lạt, năm nay anh đã 29 tuổi. Năm 20 tuổi anh bắt đầu đặt nhạc. Những ngày lưu lạc từ Pleiku, Ban Mê Thuột, Quy Nhơn tới Nha Trang, anh đã sống một đời cực nhọc thiếu thốn. Dạy học, làm dinh điền, đi hát để kiếm sống. Năm 1965 anh mới thực sự trở lại sống luôn ở Đà Lạt. Một năm sau, chuyện tình của họ bắt đầu. Phương có trí nhớ thật ngắn ngủi. *Tôi không nhớ được lời nhạc do chính mình sáng tác nhưng bà xã thì thuộc lời lắm.* Khi hát anh phải hát theo vợ. Và đến câu chuyện tình của chính mình cũng chỉ nhớ loáng thoáng. Anh với tôi phải tìm những cái mốc thời gian một hồi mới xác định được là họ đã chính thức thành hôn vào tháng 11 năm 1968. *Bậy quá hà! Sao mình không nhớ được gì hết!* Anh vỗ trán than trách. Hồi đó Phi Anh từ Sài Gòn lên Đà Lạt học. Ở nội trú tại trường Virgo Maria. Nàng có người bà con ở gần nhà anh. Anh chỉ chỉ tay nói. *Ở bên đây*

này. Căn phòng của anh ở đường Võ Tánh và tay anh chỉ về phía hồ Xuân Hương. Nàng quen em gái anh và thỉnh thoảng vẫn lui tới nhà. Lúc đầu nói chuyện thường thường rồi sau anh trở thành “cố vấn” của nàng. Nàng hỏi ý kiến anh đủ thứ chuyện kể cả chuyện yêu đương nhăng nhít. Họ yêu nhau lúc nào không biết. Tôi hỏi anh ngõ tình yêu ở đâu. Trên đồi! Đà Lạt có những ngọn đồi mộng mơ cho những kẻ yêu nhau quán quít. Một chiều xuân đê mê gối chẵn còn ấm da nồng. Tình dài đâu anh ơi đứt dây hững hờ. Một lần vui cho nhau để sầu muôn kiếp gối đầu trên bờ vực sâu đón đau (Ngồi Lại Trên Đồi).

Chuyện tình của họ đòi đoạn đón đau. Gia đình nàng không chấp nhận. Họ mê say trong trốn chạy. Hồi Việt Cộng tấn công đợt hai vào tháng 5 năm 1968, hai người sống ở Sài Gòn. Họ không có một chỗ gặp gỡ nhau. Suốt ngày hai người ngồi trong sân nhà ga Sài Gòn. Thỉnh thoảng họ phải làm bộ ngoác tay những hành khách ngồi trên xe ca của hãng Hàng Không Việt Nam cho ra vẻ ngồi chờ người nhà. Mỗi ngày chỉ có một mẩu bánh mì nhỏ trong bụng. Họ sống như vậy một tháng trời. Tình yêu của họ được kết hợp bằng những ngày không có nhau. Chính những ngày xa cách nhớ thương là thời gian anh sáng tác nhạc. Những bản nhạc đang dần dần quen thuộc với mọi người được kết tinh trong sự nhớ thương đó nên nặng mang sự chia phôi. Mười hai bài trong tập *Khi Loài Thú Xa Nhau* được viết trong thời kỳ này. Nó không còn mang tình yêu thơ mộng, tình yêu trong trí tưởng, thật xa và thật huyền diệu như mười bài trong tập *Yêu Nhau Khi Còn Thơ* được sáng tác trong thời kỳ trước đó khi chưa

gặp Lê Uyên.

Tiếng Lê Uyên và Phương từ chiếc máy cassette quần lấy nhau vọng ra. *Giờ này còn gần nhau. Gần thắm thiết trong mỗi sâu. Gần bối rối biên giới từ lòng đau. Giờ này còn cầm tay. Cầm chắc mỗi duyên bẽ bàng. Cầm chắc mắt môi ngỡ ngàng. Cầm giá buốt thương đau. Ngày mai ta không còn thấy nhau... Lệ ngập ngừng bờ mi. Giọt nước mắt lăn nỗi buồn. Giọt nước mắt xa cách vời vợi trông. Giờ này còn nhìn nhau. Nhìn đắm đuối như suối bên. Nhìn suốt kiếp như chết mòn. Nhìn hấp hối thương đau. Ngày mai ta không còn thấy nhau* (Cho Lần Cuối). Anh khẽ bảo tôi chính vì bài này mà người ta đồn là anh sắp chết. Bệnh tật của anh đã trở thành huyền thoại. Người ta bảo là anh chỉ còn sống được một năm nữa. Người ta đồn là vào năm 1972 anh sẽ chết. Tôi đã định hỏi về những chuyện này từ lâu nhưng thật khó bắt đầu. Lợi dụng cơ hội này tôi hỏi kỹ càng. Anh đưa bàn tay trái cho tôi coi. Trên lưng ngón tay trở nổi lên một cục bằng trái cà chua nhỏ đỏ au và mòng mọng. Những đường gân máu chạy nổi thấy rõ. *Bác sĩ cũng chưa thể định là bệnh gì. Bây giờ nó đã nổi thêm trên mấy ngón khác và một vài chỗ trong người. Muốn chữa bây giờ chỉ có thể cắt ngón tay này nhưng tôi chưa muốn cắt.* Anh xác nhận là những bài ca viết về sự chia phôi không phải là do bị ám ảnh bởi cái chết nhìn thấy trước mà do sự rắc rối và xa cách của mỗi tình đẹp nhất đời anh và khi được hạnh phúc anh luôn luôn sợ ngày nó sẽ hết. Người nghệ sĩ không những sống cho mình mà còn thông cảm được với cuộc sống của những người khác. Anh đã nhìn thấy cái chết và đã nghĩ nhiều về cái chết. Dân Đà Lạt vẫn chưa quên

vụ án mạng vì tình ở quán Tình Nhớ. Người con gái duyên dáng đã nằm xuống với những viên đạn trên người. Phương đã nhìn thấy đám tang, nghĩ về cái chết. *Cuộc đời đó qua như ngày đông. Phòng lạnh giá môi xô nụ hôn. Người nằm đó xin cho được yên. Còn tìm đâu áo mát thanh xuân áp hơi nồng trên da thịt đầy. Còn tìm đâu gối thấm đê mê, còn gì đâu. Tình tình ơi đã chết trong mơ, sống bên ngoài như qua mộng hồ. Đánh vùi sâu số kiếp không đâu, còn lại đây khối tro tình sầu* (Đưa Người Tuyệt Vọng).

Người con gái khiến anh sáng tác bản *Tình Khúc Cho Em* chỉ là mối tình mê đắm của cô nàng với bạn anh mà anh chỉ tham dự như một vai trò bất đắc dĩ. *Cho em môi hôn vội vàng. Cho em quen ân tình sâu. Dù em không mong dài lâu. Xin cất lấy ước mơ đầu. Xin cho yêu em nồng nàn dù tháng năm buồn vui bâng hoàng. Vì đâu mê say phồn hoa, như áo gấm sáng lóng lánh, ôm rách nát không tâm linh, ôm tiếng hát không hơi rung nghèo nàn. Còn yêu chi hoa ngày xanh héo hon vì mong manh bỏ quên lại người sau ngõ ngang. Thương em khi yêu lần đầu. thương em lo ân tình sau, dù gương xưa không được lau, soi lấy bóng mối duyên sầu. Cho tôi yêu em nồng nàn dù biết yêu tình yêu muộn màng* (Tình Khúc Cho Em).

Bệnh tật đối với anh phải là một nỗi ám ảnh không rời nhưng chính cái ngón tay tội nghiệp đó đã cản trở nhiều cho nghề nghiệp của anh. Năm 11 tuổi anh đã học vĩ cầm với Giáo sư Francois Régor, người Ý, lúc đó đã 80 tuổi. Anh chơi vĩ cầm rất khá nhưng nay đã phải bỏ hoàn toàn. Tôi nhìn hộp vĩ cầm đóng bụi nằm trên giá sách. Anh ngồi cúi mặt trầm

ngâm. Tôi phá vỡ sự im lặng nặng nề bằng cách hỏi về số lợi tức kiếm được khi cho thuê cuộn băng *12 Tình Khúc Lê Uyên Phương. Tôi được chia 50% tiền lời. Tới bây giờ đã thu được 100 ngàn đồng.* Tôi với tay lấy cuốn sách hình trẻ con nhỏ xíu và ngạc nhiên khi thấy nhiều cuốn sách loại này trên chiếc giá bằng sắt xinh xắn. *Tôi có một cháu bé hai tuổi nhưng sách hình này để cho bà xã coi. Bà ấy thích coi hình lắm.* Người nữ ca sĩ 20 tuổi nhưng có khuôn mặt từng trải lại mang một tâm hồn hết sức trẻ thơ. Nghe cái giọng khàn khàn khắc khoải của Lê Uyên không ai nghĩ tới cái sở thích vô tội như vậy. *Bà xã mình hát nhạc của mình hợp ghê hả? Kỳ vậy chứ!* Nhạc của anh đến trong đầu anh thật bất ngờ. Anh cố gắng tả cho tôi thấy là có những lúc tự nhiên anh nghe thấy rõ ràng cả một câu nhạc trong đầu. Như lần anh đi hội chợ *Domaine de Marie.* Mỗi năm hội chợ này được tổ chức trên một ngọn đồi đẹp dễ sợ. Khi anh đang đứng trong hội chợ vào một đêm mùa đông thì anh nghe được điệu nhạc và vội chạy về ghi lại. Tới hai giờ sáng, nghĩa là 5 tiếng đồng hồ sau, anh hoàn thành bản *Đêm Chợ Phiên Mùa Đông.*

Tập nhạc *Thở Hơi Dã Thú* mà anh định hoàn tất trong chuyến trở về Đà Lạt lần này sẽ bắt đầu bằng bài *Vùng Lầy Của Chúng ta.* Đây là bản nhạc anh đã thai nghén trong nhiều năm trời. Anh nghĩ về trách nhiệm khi đón nhận hôn nhân. Anh tự hứa là phải viết nhưng nhiều năm trôi qua bản nhạc mới được ghi những dòng cuối cùng. *Theo em xuống phố trưa nay, đang còn ngát ngát cơn say. Theo em bước xuống cơn đau, bên ngoài nắng đã lên mau. Cho nhau hết cả mê say. Cho nhau hết cả chua cay. Cho nhau chết hết thơ ngây,*

trên cánh môi say, trên những đôi tay, trên ngón chân bước về tình buồn tình buồn... Qua đi qua đi dứt cơn mê, tình buồn chông chất lê thê. Qua đi qua đi dứt cơn say, tình này tình rồi thay. Ta sống trong vũng lầy một ngày vùi dần còn vùi sâu, còn vùi sâu trong ngao ngàn không dứt hết cơn ê chề. Ta sống trong vũng lầy, một ngày vùi dần, còn vùi sâu, còn vùi sâu trong ngao ngàn không dứt hết một lần đau.

Đà Lạt hoang sơ quyến rũ đã đưa anh trở về những rung cảm nguyên thủy của buổi hồng hoang. Không có Đà Lạt chắc khó có một thứ nhạc độc đáo Lê Uyên Phương. Mỗi ngày anh thức dậy từ sớm đi lang thang khắp núi đồi Đà Lạt tới khoảng nắng lên thì trở về nhà nghỉ. Khi mặt trời đi ngủ anh lại đi cho tới tối trở về ngồi vào viết tới sáng. Anh sẽ trở lại Sài Gòn khi *Thở Hơi Dã Thú* hoàn tất.

Trời cuối tháng mười lạnh lạnh. Tôi nhìn màu xanh Đà Lạt trong cơn mê ngủ quái dị. *Em yêu dấu, anh một mình trở lại thành phố kỷ niệm này để lang thang trên những lối mòn đồi núi bị chặn lại bằng từng gốc cây ân tình. Anh như chên vênh trong niềm hạnh phúc vẫn còn lãng đãng rơi rắc lại trên những ngọn cỏ non nớt. Trời Đà Lạt lạnh tê tái.*

Với Lê Uyên Phương

Cả tuổi thanh xuân tôi mê đọc sách và có cái thú sưu tầm sách. Cho tới năm 1975, tủ sách của tôi đã gần hai ngàn cuốn. Đầu năm 1995, tôi trở về thăm nhà, tủ sách của tôi đã tiêu tan hết. May mắn chỉ còn một cuốn. Một tập nhạc. Nó còn sống sót được có lẽ chỉ vì lũ cháu con bà chị tôi còn thích từng tưng gảy đàn. Tôi nhìn tập nhạc mà rung rung trong lòng. Chẳng phải vì nó tang thương quá lắm. Nhà nát, quần queo, nhiều trang đã được bện lại bằng những miếng băng keo nhuộm bụi. Nhưng vì nó là một kỷ niệm thiết thân của Lê Uyên Phương tặng tôi. Tập nhạc Yêu Nhau Khi Còn Thơ do nhà Quảng Hóa xuất bản năm 1970 được Lê Uyên Phương đề tặng như sau: *Bản riêng tặng anh Song Thao, người đã cho tôi được thấy sự cảm thông tuyệt vời của một*

tâm hồn nghệ sĩ.

Sự cảm thông mà Lê Uyên Phương nhắc tới là một bài báo tôi viết về anh, bài Với Lê Uyên Phương và Đà Lạt, đăng trên tạp chí Thời Nay. Không hiểu sao anh rất thích bài báo này. Có lẽ vì tôi đã thực sự sống với anh một ngày tại căn nhà nhỏ bé nhưng vô cùng thân thiết và ấm cúng của anh tại Đà Lạt. Nơi đây anh đã trút hết tâm sự với tôi, những nghĩ suy, hoài vọng, khắc khoải, dự tính và ngay cả cuộc sống, bệnh tật. Cũng có lẽ vì tôi đã hứng thú viết ngay trong khung cảnh Đà Lạt. Của anh và của tôi. Anh ở với Đà Lạt, tôi đang níu Đà Lạt.

Hè 1995, tình cờ tôi gặp lại anh tại phi trường Dorval, Montréal. Tôi ra đón người thân từ Cali về, anh và Lê Uyên theo đoàn nghệ sĩ qua thu hình cho Asia. Đụng mặt nhau, chúng tôi ngó ra nhìn sững nhau. Anh bật ra tên tôi. Chúng tôi mừng rỡ siết chặt tay nhau. Hơn hai chục năm không thấy nhau chứ ít ỏi gì. Chúng tôi vội vàng tách đám đông ra nói chuyện. Anh hỏi nhỏ khi chúng tôi chỉ một mình với nhau.

“ Bà xã đi với anh có phải là người con gái ở Đà Lạt anh viết trong bài báo về mình không vậy?”

Tôi cười gật đầu. Anh thêm.

“ Chuyện đẹp nhỉ! “

Tôi cười gượng. Lòng gượng ngập khôn tả. Thực ra tôi đâu còn nhớ đã viết những gì trong bài báo đó đâu. Nhưng anh, anh vẫn nhớ. Chắc là nhớ rất kỹ. Tôi thì chẳng dám hỏi. Mặt mũi nào mà hỏi.

Tôi khoe với anh mới vừa may mắn tìm lại được tập nhạc anh tặng năm xưa và ngỡ ý muốn tặng lại anh. Anh từ chối.

Của anh thì anh cứ giữ, cho lại mình cái *photocopy* lời đề tặng là được rồi. Tôi gửi cho anh tờ *photocopy* sau đó. Và chúng tôi nối lại liên lạc. Bằng điện thoại.

Tôi gặp Lê Uyên Phương lần đầu trên chuyến máy bay Air Vietnam từ Saigon lên Đà Lạt vào cuối thập niên 1960. Nhìn thấy anh ngồi một mình trên chiếc ghế trong góc cuối máy bay, tôi biết ngay là anh. Mái tóc đỏ, bộ râu đỏ, cặp mắt đỏ, sao mà lắm được. Tôi bước xuống tự giới thiệu, làm quen và ngỡ ý muốn phỏng vấn anh. Tôi đường đột.

“Anh đi một mình thôi sao?”

Gật đầu.

“Lê Uyên đâu?”

“Ở lại Saigon. Bạn hát.”

“Một mình?”

“Ừ, một mình!”

“Hát nhạc của anh?”

“Không, cô ấy hát nhạc khác.”

Lặng im. Tôi thấy xót xa.

“Tôi nghĩ Lê Uyên chỉ nên hát nhạc của anh, với anh.”

“Tôi cũng nghĩ vậy.”

“Vậy tại sao anh để như vậy?”

“Kiếm sống ấy mà!”

Tôi đọc trên mặt anh sự chịu đựng. Cái khó bó cái khôn. Văn nghệ ít khi an bình sống đôi với cái quay quắt của cuộc sống. Nó phải lùi một bước, chịu thua. Nhưng trong tôi, Lê Uyên và Phương vẫn cứ là một hình ảnh văn nghệ, thuần túy văn nghệ. Hát cho đời, cho người. Vui vậy thôi.

Nhạc của Lê Uyên Phương chỉ dành cho Lê Uyên và

Phuong. Ít ra tôi vẫn nghĩ như vậy. Người khác hát nhạc của Phuong, nghe không đã, không phê. Thiếu cái man dã, thiếu cái nức nở, thiếu cái đam mê, thiếu cái ê chề. Chỉ có Lê Uyên và Phuong mới đủ nồng nàn, đủ thiết tha, đủ tận hiến cho nhạc của anh. Mỗi lần hát, họ như một lần sáng tác lại. Mỗi lần nghe, người nghe như bắt được cái đam mê mới. Mặc sức mà thả hồn, mặc sức mà buông lỏng con tim.

Nghe Lê Uyên và Phuong hát, dễ thấy sự khổ công của họ. Buổi sáng tinh mơ, mặt trời chưa thức giấc, nơi căn gác rộng trên căn nhà của gia đình Lê Uyên trong Chợ Lớn, tôi đã từng phen thấy hai người mồ hôi mồ kê nhễ nhại luyện giọng. Họ vươn cổ lên, hét ra những tiếng u u dài và cao. Cao đến nứt cuống họng. Cản cổ kéo dài gân, mặt đỏ gay, ngực như trút ra từng vũng hơi sức. Cái giá để giữ vững chỗ đứng trong lòng mọi người.

Trong một lần điện đàm với anh, tôi đã đốc thúc anh thu CD và *vidéo* để giữ lại giọng hát của hai người. Tôi đã xót xa khi thấy giọng của Phuong đã yếu đi, giãn ra so với thời trẻ. Anh hứng khởi nói về những dự tính của anh. Phải làm trước khi quá trễ. Hè 1996, tôi có dịp qua Cali chơi, điện thoại cho anh. Số điện thoại tôi mang theo lại là số của Lê Uyên. Tôi xưng tên. Giọng Lê Uyên reo lên.

“Anh đang ở đâu vậy?”

“Ở Santa Ana đây.”

“Anh Phuong ở dưới Long Beach. Để em cho anh số điện thoại của Phuong. Anh rủ anh Phuong rồi tụi mình rong chơi một bữa cho vui nghe!”

Đọc số điện thoại xong, Lê Uyên dặn.

“ Nếu anh thấy anh Phương để *answering machine* thì anh cứ nói vào máy. Nghe giọng anh, anh Phương sẽ bắt liền. Anh ấy ở nhà nhưng bận làm việc, để máy, nghe giọng quen mới nhắc phôn lên nói chuyện. Hồi này anh ấy bận lắm.”

Tôi phân vân trước mười con số trên điện thoại. Nhấn ngón tay bấm thì dễ nhưng bấm rồi thì chắc Phương sẽ mất một ngày làm việc quý báu của anh. Chẳng nên. Để anh làm việc.

Ít lâu sau, CD Khi Loài Thú Xa Nhau ra đời kèm theo những hứa hẹn sẽ phát hành tiếp những CD khác. Nhưng chẳng biết những khó khăn nào chông chát mà những hứa hẹn của anh vẫn chỉ là những hứa hẹn. Cho tới khi quá trễ. Chẳng thể nào trễ hơn được.

Những ngày Saigon còn chết mê chết mệt với nhạc Lê Uyên Phương, có những đêm tôi đã cùng Lê Uyên và Phương chạy quanh các phòng trà. Một cây đàn, hai khối đam mê, tôi đã nhìn thấy họ giữ nhịp thở người nghe như thế nào. Khung cảnh phòng trà vốn xô bồ đã thốt nhiên gọn ghẽ khi họ bước lên bục trình diễn. Hàng trăm hơi thở đã treo lên khi trên sân khấu Lê Uyên và Phương lặng yên chiêm nghiệm. Họ như hai tín đồ đang ngẩng lên trời cao dọn mình cho những lời kinh. Kinh tình yêu. Rồi đam mê cuộn lên với những ngón tay của Phương hùng hực đập vào đàn.

Vậy mà những ngón tay tài hoa đó đã buông xuôi.

08/2000

Nguyễn Đông Ngạc, một đi ...

Phía đông nam thành phố có một đường hầm chui dưới sông Saint Laurent. Chẳng cần nói thì dân Montréal cũng biết đó là đường hầm L. H. Lafontaine, một đường hầm dành cho xe cộ có ba đường xuôi về phía nam và ba đường ngược lên phía bắc. Khúc đường phía nam tiếp theo đường hầm là một khúc đường trông thì chẳng có gì lạ nhưng có cái đặc biệt là nơi sương mù rủ nhau tụ lại lúc giao mùa.

Chạng vạng tối một ngày ẩm ướt tôi lái xe chui qua đường hầm xuôi nam. Xe vừa ló ra khỏi hầm bỗng khựng lại. Trời đất mịt mù trắng xóa. Xe như chui vào một đám mây dày đặc màu sữa. Tầm mắt bị bung bít kín mít. Ngọt ngạt. Bụng thót lại. Chân chới với. Chiếc xe như biến thành một chiếc máy

bay mất lối. Người tôi như bị nhấc cao lên hoảng hốt. Đầu tê cứng. Chân nhấp thính lia lia trong nỗi sợ treo hồn phách lên khoảng trống bao la của vũ trụ. Phía trước lao xao ánh đèn màu cam nhấp nháy của bày xe đang bò ngổn ngang như lũ kiến lạc đàn. Càn khôn dần trải ra chung quanh phủ bộ mặt lạnh lùng tàn nhẫn. Hạt bụi là tôi như mất hút trong coi hồn mang vô thủy vô chung.

Khi nghe tin Ngạc lia bỏ cuộc sống hình ảnh này bỗng vây ập lấy tôi hoảng hốt. Tôi như cảm thấy được con đường đổi kiếp của Ngạc. Chui hun hút qua một đường hầm. Gieo mình vào một khoảng không trắng đục cảm nín lạnh lùng. Có điều đường hầm đó chẳng phải là đường hầm L. H. Lafontaine chiều đi chiều về. Đường hầm Ngạc lui thủi ra đi chẳng có chiều ngược. Anh đã một đi không trở lại.

*

* *

Chín giờ sáng Chủ Nhật 30 tết Bính Tý chuông điện thoại reo. Bên kia đầu dây giọng Luân Hoán hấp tấp:

- Dậy chưa bạn?

- Dậy rồi.

- Rồi cái khi mốc! Chắc còn đang ngủ phải không? Có chuyện quan trọng phải phân định bạn dậy. Ông Ngạc chắc đi luôn rồi!

Đêm hôm trước ăn uống tất niên gần hai giờ sáng mới mò về tới nhà. Bị tiếng phân đánh thức người vẫn lơ mơ ngày ngật. Câu nói của Luân Hoán lay tỉnh tôi dậy, giật mình

hỏi hả hỏi đồn.

Ngạc bị đứt mạch máu não té bất tỉnh từ tối hôm trước. Vẫn còn mê man trong bệnh viện Jean Talon. Tôi lấy số phòng rồi lật đật tới bệnh viện. Ngạc nằm mỏng manh trong chiếc áo choàng trắng của bệnh viện trông nhỏ nhắn như một đứa trẻ. Dây nhợ chằng chịt khắp người. Hơi thở bằng máy nhân tạo vất vả. Thỉnh thoảng anh nấc lên rung cả người. Chiếc máy đo áp xuất máu công kênh vạch ra những đường ngoằn ngoèo lên xuống bất thường.

Mắt Ngạc nhắm nghiền. Tóc thưa thớt mềm mại. Tôi chưa bao giờ thấy Ngạc nằm. Anh nằm chiếc trán hói như rộng rãi hơn thường ngày. Giờ này có gì dưới chiếc trán bóng lẩy đó? Chẳng lẽ chỉ có vũng máu vừa đổ xô ra khỏi những đường mạch? Ngạc, cậu đang suy nghĩ gì đó? Cõi sống có gì buồn, cõi chết có gì vui mà cậu định tấp tễnh bỏ ra đi?

Tôi thần thờ bước ra đứng một hàng dài người ngồi ngoài hành lang. Đây mẹ, đây vợ, đây con, đây anh em, đây bè bạn. Người nào cũng cố ngậm tiếng thờ dài.

*

* *

Thường thì tối thứ sáu chúng tôi hay tụ nhau lại trò chuyện cà phê cà pháo. Vợ chồng Ngạc không phải là người thường xuyên lui tới những buổi tụ họp này. Năm thì mười họa Ngạc và Nguyên Ngọc mới dất nhau tới với anh em. Tối thứ sáu đó, một tuần trước ngày anh đi vào cõi hôn mê, bất ngờ anh lại tới. Chưa kịp ăn uống gì ở nhà, anh gọi một cái *pizza*, vài

chiếc cánh gà, vừa ăn vừa khen ngon. Lúc ra về anh như cố nán lại. Ngoài trời lạnh dưới không độ, đứng trong cửa kính nhìn ra mặt đường vẫn còn trắng tuyết. Anh chậm rãi khoác chiếc áo *blouson* da lên nước nhả bóng khuỷu tay đã sờn bạc. Chiếc áo đã đeo dính anh suốt bao nhiêu mùa đông. Có lần anh đã khoe với tôi chiếc áo da tốt rất ấm này bằng cách quẹt lửa hơi sát áo mà không cháy.

Mọi người đã ra về, anh vẫn giữ tôi đứng ở cửa than phiền về tình trạng viết lách, quan ngại cho nền văn hóa Việt và ưu tư cho tình hình trong nước. Anh vẫn như vậy, luôn luôn có những lo toan rất lớn, nhiều khi quá nặng nề. Thân tình giữa anh và tôi là thân tình mà tạo từ khi còn ở Chu Văn An Saigon đủ để tôi có thể nhắc nhở anh nhiều lần đừng bần khoản những chuyện quá to lớn. Cứ cố viết đi. Được gì hay nấy. Lo toan quá đáng ích chi! Anh yên lặng nghe không nói gì. Trong con người anh, lý thuyết đi trước thực hành khá xa. Anh ít khi chịu tham gia các hội đoàn. Anh cười. Tao vào chỉ có phá thôi chứ chẳng làm được gì đâu.

Không ưa hội đoàn nhưng lại ưa kéo anh em tới nhà hội họp. Họp hội rượu. Anh ưa nhậu nhẹt với anh em. Chị thích nấu nướng. Cửa nhà anh chị lúc nào cũng rộng mở. Mỗi dịp có khách phương xa tới, nhà anh chị là nơi tụ họp đón khách. Mai Thảo, Dương Kiên, Du Tử Lê... đã qua những cuộc rượu tụy lụy nơi đây. Ngạc rất giàu rượu. Chai lớn chai nhỏ lênh khênh khắp nhà. Rặt một thứ Remy Martin chai mờ.

Đời Ngạc có hai thứ mà anh chỉ tiền không nghĩ ngợi. Rượu là một. Thứ kia là thuốc. Anh ghiền hút píp. Và khoái chơi ống vố. Cái gì dính tới khói thơm đều phải là thứ sang.

Bao da đựng thuốc phải bạc trăm. Bật lửa phải bạc ngàn. Ông vô thì khỏi nói. Đi ăn nhà hàng chỉ sợ quên mất của quý. Tại sao phải chi bạc trăm bạc ngàn? Thích! Câu trả lời gọn lỏn. Lưu Nguyễn đã có lần rút chiếc bật lửa một đồng hai cái, bật một cái lên liền, vừa đốt thuốc vừa ngon. Thì cũng lên lửa vậy thôi chứ có gì khác. Ngạc chỉ đành nhếch hàng ria mép lên cười trừ.

Ngạc biết tiêu tiền chứ không biết kiếm tiền. Tiền làm chi? Chết có mang theo được không? Con cái đã lớn. Hai vợ chồng không có nhu cầu gì nhiều. Có bao nhiêu cũng là đủ. Cái nhếch mép khinh bạc làm nhíp cho lời nói. Thì Ngạc cũng có đi làm. Bữa đực bữa cái. Có lúc một tuần chỉ làm có ba ngày mà vẫn cảm thấy là nhiều. Nhiều quá chứ! Anh bèn xin thặng với chủ cho làm ít hơn. Chủ cũng phải thua, xuống nước. Thế thì ông lên làm chủ cho rồi! Ngạc thì thiết gì. Làm công còn không muốn làm hưởng chi làm chủ.

Một buổi chiều tôi tới đón Ngạc đi dự một buổi tiệc nhỏ đãi khách phương xa tới. Khách vội đến vội đi nên phải đãi vào một ngày trong tuần. Dừng xe thấy anh đang ung dung ngồi đọc sách trước cửa nhà. Anh lên xe tôi vội hỏi. Làm về mấy giờ mà coi bộ nhàn nhã quá vậy? Cười. Hôm nay nghỉ! Sao vậy, đau hả? Không, tại hôm nay trời đẹp quá!

Mùa đông Montréal khó có một ngày đẹp trời. Tối thứ sáu đó, nhìn Ngạc đạp tuyết ra xe về, tôi không nghĩ đó là lần cuối cùng gặp anh. Đành rằng linh tính tôi dở nhưng linh tính của một người sắp cất bước ra khỏi cõi sống có bèn nhạy không? Anh quả có ý định đến chào từ giã anh em chăng? Cái dùng dằng với tôi trước khi ra về là một toan tính của

anh chẳng? Hỏi ai bây giờ?

*

* *

Ngạc nằm như một pho tượng bằng sáp. Sống chẳng màu mè son phấn, rời cuộc sống lại phấn son mạc mặt. Chút màu mè làm mặt mũi anh lạ hoắc. Có phải mày đây không Ngạc? Mới cười, mới nói, mới ăn, mới uống đó mà tự nhiên đôi mắt nghiêm chẳng màng tới anh em đang đứng vây quanh. Đông đủ thể này dư sức thành một bàn nhậu. Mà nhắm mắt ngậm miệng thể này thì còn nhậu nhẹt gì nữa. *Đã lỡ thất cà vạt nằm trong quan tài / làm sao trốn đi nhậu* (Nguyễn Hoàng Nam). Thôi, ngủ yên nghe Ngạc.

Tôi nắm bàn tay Ngạc. Lạnh ngắt. Ngạc bỏ cuộc chơi thật rồi! Tôi nhủ tôi. Đừng khóc nghe! Đừng khóc nghe! Nước mắt tôi trào ra nhạt nhòa.

02/1997

Yến

Tôi không nhớ là tôi biết Đỗ Ngọc Yến vào lúc nào. Có lẽ thời học ở Văn Khoa. Thời đó tôi vừa đi học, vừa làm báo, vừa đi dạy học tận Vũng Tàu nên ít tham gia vào các sinh hoạt tại trường. Lần duy nhất tôi góp chút công là lần làm báo xuân Văn Khoa cho Sinh Viên Đoàn Đại Học Văn Khoa do Nguyễn Anh Tuấn cầm chịch. Vào năm nào tôi không nhớ rõ. Thời gian đó Đỗ Ngọc Yến đang hoạt động mạnh trong giới sinh viên. Anh làm những gì tôi không biết hết được. Nhưng chỉ biết là anh xăng xái dữ lắm. Tôi thấy anh ở ngoài sân trường hơn là ở trong lớp. Thấy vậy thôi chứ chẳng bao giờ tôi có dịp nói chuyện với anh.

Yến biết tôi lúc nào, tôi cũng thực sự không biết. Khi tôi đi cùng Tô Thế Liệu tới tòa soạn báo Người Việt vào năm

1992 lúc tôi tới Quận Cam lần đầu tiên thì cũng không phải để thăm Yến. Liệu có việc gì đó với Hoàng Khởi Phong, tôi ở trên xe của Liệu, nên chẳng thể không vào. Khi vào tới phòng khách, Liệu chạy ra phía sau đi kiếm Phong, bỏ mặc tôi ngồi trên chiếc ghế da. Tôi bảo Liệu nhắn dùm Nguyễn Xuân Hoàng ra cho tôi gặp. Tôi vừa cầm tờ báo lên định đọc thì Yến chạy ra. Yến cười thật tươi, giơ tay cho tôi bắt, hỏi thăm rất thân tình. Tôi có cảm tình ngay với con người rất xởi lởi của Yến. Tôi đồ chừng rằng Yến cũng xởi lởi như vậy với bất cứ ai Yến gặp. Nhưng không, qua câu chuyện, tôi mới thấy là Yến nhớ được tôi đã học ở Văn Khoa. Kể cũng lạ, tôi và Yến không học chung một chứng chỉ nào, sao Yến nhớ được tôi? Khi Nguyễn Xuân Hoàng ra gặp tôi, lúc đó, qua Hoàng, Yến mới biết tôi cũng có viết lách lãng nhãng. Đôi mắt sau cặp kính trắng dày cộm ánh lên niềm vui. Hóa ra cũng phe ta cả. Yến hỏi han rất kỹ về cuộc sống của tôi, về công việc viết lách, lại có ý muốn rủ rê tôi qua ở luôn bên quận Cam cho vui. Khi ra về, Yến kéo tôi ra trước tấm bảng Người Việt ở trước tòa báo chụp hình. Chụp chung tất cả mọi người, xong lại chụp riêng với Yến một tấm. Tấm hình này tôi rất trân trọng và có để trên *website* của tôi.

Bốn năm sau, tôi lại tới Người Việt. Thoắt thấy bóng tôi, Yến chạy ra tay bắt mặt mừng, ngửa bàn tay ra hỏi.

“ Sách đâu?”

Lúc đó tôi đã in được hai tập truyện ngắn. Và, may thay, có mang theo. Cầm cuốn truyện, lật lật ra xem, Yến đưa lại cho tôi.

“ Ký vào đây chứ!”

Nếu Yến viết thì chắc anh có nhiều điều để viết lắm. Cuộc sống phong phú về nhiều mặt như vậy, đề tài nhiều chi kể. Vậy mà không thấy anh viết. Anh chỉ xúi người khác viết. Dĩ nhiên anh cũng xúi tôi. Biết anh khôn dần trời nhưng với lối nói tinh tinh giỡn giỡn anh vẫn đưa tôi vào tròng. Chẳng biết có phải vì anh bơm không mà tôi cứ lần la viết hết truyện này qua truyện khác. Cứ đủ độ dày là in sách.

Lai rai viết như vậy tới khi gặp anh lần nữa vào năm 2003. Mùa hè năm 2003. Lần này ông bạn Phạm Phú Minh đứng ra tổ chức buổi ra mắt sách cho tôi tại phòng sinh hoạt Lê Đình Điều trong tòa báo Người Việt, trụ sở mới khang trang hơn trụ sở cũ nhiều. Lê Đình Điều thì tôi quen từ hồi ở Việt Nam. Anh không học Văn Khoa nhưng có lẽ anh vào lớp học nhiều hơn anh sinh viên Văn Khoa Đỗ Ngọc Yến. Anh ngồi học chung để lấy chứng chỉ của chị Dung. Anh tốt nghiệp bằng một lễ cưới. Một điều vui trong buổi ra mắt sách bữa đó là người điều khiển chương trình lại chính là cô gái rượu của anh chị Điều-Dung, cháu Y Sa.

Để sửa soạn cho buổi ra mắt sách, tôi đến quận Cam trước mấy ngày. Xuống nhà xuất bản Văn Mới ở Gardena lấy sách về, tôi tới ngay báo Người Việt. Vừa bước vào cửa, tôi đụng ngay Đỗ Ngọc Yến. Lại chìa bàn tay ra, lần này có vẻ mạnh bạo hơn vì biết chắc tôi có sách mới.

“ Sách đâu?”

“ Ký vào đây chứ!”

Màn kịch bảy năm trước diễn lại y chang. Tôi ký cho anh cuốn truyện “Bên Lưng Những Con Chữ” còn tươi rói vừa lấy về.

“ Ký mở hàng cho ông đây nhé!”

Yến cười. Bảy năm là một thời gian không dài lắm. Nhưng với Yến có lẽ là một thời gian dài. Anh phải sống với căn bệnh tiểu đường ngày càng làm khó anh. Tôi hỏi sức khỏe anh. Vẫn thường! Nghe nói ông phải đi lọc máu hàng tuần phải không? Chuyện thường, bệnh nó như vậy thì phải lọc máu thôi. Hình như anh đang nói bệnh của ai chứ không phải của anh. Không phải bệnh của anh thì dài dòng làm gì cho tốn thời giờ, anh lái qua chuyện khác. Cuốn thứ mấy của ông vậy? Thứ sáu. Tốt. Làm được gì cũng đều là tốt cả. Ông cứ tiếp tục nhé! Lại xúi dại! Sao ông không chịu viết gì vậy? Anh giả lơ. À, có cái này. Anh đứng dậy. Tôi thấy dáng đi của anh có vẻ khó khăn. Nhưng cái khó khăn chỉ ở đó thôi. Nó không leo lên được cao hơn. Anh vẫn còn nguyên nụ cười bằng cặp mắt yêu đời chôn sâu vào hai mắt kính như hai đáy ly. Khi anh trở ra tôi thấy trên tay anh có một cuốn sách. Phải vậy chứ! Bạn tôi đã...phân tình. Anh ngồi xuống ghé bên cạnh tôi, rút bút, viết: “Thân tặng Song Thao”. Rồi một chữ ký giản dị: Yến. Chữ Y thiếu nét trông như chữ J, chữ N chỉ còn là một nét ngang hơi nhô lên một chút ở phía đuôi như một cánh chim mệt mỏi. Nhìn nét chữ nguyệt ngoạc chỗ còn chỗ mất, tôi bỗng thấy thương Yến. Anh hầu như đã mất quyền điều khiển những ngón tay. Tôi nhìn Yến. Chẳng lẽ tôi rầu rầu nét mặt trong khi mặt Yến vẫn sáng khoái với nụ cười hình như không bao giờ tắt trên môi anh. Anh đưa cuốn sách cho tôi.

“ Ông đọc chơi cho vui. Cũng chẳng có gì đâu!”

Hóa ra tôi lộn. Sách không phải của Yến mà là sách viết

về Yến. “*Yen Do And The Story Of Nguoi Viet Daily News With Jeffrey Brody*”. Tôi mở qua cuốn sách. Yến xoay trở trên ghế có vẻ mất tự nhiên.

“Anh chàng này tới làm một cái nghiên cứu về tờ Người Việt ấy mà.”

Tôi bỏ mặc anh ngồi bên cạnh, lật cuốn sách đọc cóc nhảy qua vài trang.

“Toàn là phỏng vấn ông cả. Ông là Người Việt, Người Việt cũng là ông.”

“Ông đừng nói vậy. Mình tôi thì làm chi ra hồn. Nhờ anh em bạn bè cả đấy.”

Yến là vậy. Anh không muốn nói nhiều về mình. Lúc nào anh cũng muốn rút vào bóng tối. Có lẽ trong bóng tối anh mới là anh. Nếu giao cho anh chức Tổng Trưởng Thông Tin chẳng hạn, thì chắc không hiệu quả bằng để cho anh làm cố vấn tối cao của ông Tổng Trưởng!

Một năm sau, hè 2004, tôi lại tới Người Việt. Anh không có ở đó. Phạm Phú Minh bảo hồi này anh ít ra tòa báo lắm. Tôi thần thờ. Biết là bệnh nó đang dồn anh vào chân tường. Tôi ra về không nghĩ tới việc tới thăm anh tại nhà. Ích gì đâu! Có lẽ anh vẫn thích núp trong bóng tối. Có điều bóng tối nó đang chơi xỏ anh. Nó đang toan tính chôn vùi anh.

Về lại Montreal, tôi thấy giận mình. Sao không nhờ Phạm Phú Minh cho quá giang một cuộc xe tới với Yến? Cầm tay nhau một cái có khi cũng là một việc hay. Tôi tự giận hơn nữa khi nhận được cuốn “*Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè*” do Phạm Phú Minh gửi qua. Dầu sao Yến cũng cần những hơi thở ấm áp của bè bạn. Khi chúng bạn xúm nhau lại hà hơi

cho Yên, tôi biết Yên đã lạnh. Anh đã nhận bệnh viện làm nhà. Căn nhà oan nghiệt của đành đoạn.

Vậy mà một buổi sáng tinh mơ, tiếng điện thoại trong nhà tôi reo một cách bất thường, giọng Hoàng Chiêu Nhân bên kia đường dây vẫn làm tôi choáng váng. “Tôi đang ở trên làng Cây Phong với Đỗ Quý Toàn. Đỗ Ngọc Yên mất vào hồi bốn giờ rưỡi hôm qua rồi. Giờ Cali. Ông báo dùm cho bạn bè biết. Thứ bảy ông có rảnh lên làng với tụi tôi”. Có lẽ anh em cũng cần hơi nhau vào những lúc như thế này. Bữa đó là thứ sáu, 18 tháng 8 năm 2006. Thứ bảy tôi vẫn ở nhà. Nhớ Yên. Trên mặt bàn của tôi tấm vé máy bay đi Cali vào dịp Giáng Sinh sắp tới còn nằm đó. Định thăm bạn bè. Nhất là Yên. Có những thứ mà một đời người phải đổi mất. Không lần tránh được.

Ngày hôm nay, ngày thân xác Yên thực sự về với đất, tôi vẫn thấy Yên cười giỡn trên VNCR. *Bạn bè chỉ có giễu với nhau thì mới nói được, chứ nói với nhau mà quan trọng quá thì không nói được!*

Yên, đừng bao giờ tắt nụ cười nghe bạn!

8/2006

Luân Hoán, thường ngày

1.

- Luân Hoán hả, có gì lạ không?
- Có gì lạ đâu!
- Tác Giả Việt Nam tới đâu rồi?
- Thì cũng vậy vậy thôi.
- Có làm thêm được ai không?
- Không! Mấy hôm nay lười biếng quá.
- Rồi chừng nào mới xong?
- Lúc nào xong thì xong.
- Cố làm cho xong đi cha nội!
- Ờ, thì làm chứ!

2.

- Anh có vào coi *website* của tôi chưa?

- Có gì thêm hay sao vậy?
- Ồ, mới làm thêm mấy mục nữa. Anh vào coi rồi cho tôi biết ý kiến.
- OK, tôi sẽ vào. Thời bây giờ là thời của *website* mà!
- Anh nói sao?
- Thì anh có từng thời một. Thời thu *vidéo*, say mê thu sáng đêm, *vidéo* bây giờ chắc chất đồng đầy nhà rồi. Thời *internet*, *download* mệt nghỉ, bao nhiêu đĩa rồi? Thời thu nhạc, chắc băng còn đầy tủ. Rồi còn gì nữa à?
- Thôi đi cha nội. Vui chơi mà. Chơi cho đến nơi đến chốn chứ!

3.

- Này, ngủ dậy chưa vậy?
- Chưa dậy cũng phải dậy chứ. Có chuyện gì vui mà gọi sớm vậy?
- Sáng dậy mới làm được vài bài thơ. Nhiều câu dễ thương lắm.
- Dậy từ mấy giờ vậy?
- Cũng như mọi khi. Hai giờ!
- Sớm dữ vậy?
- Ngủ không được!
- Có uống thuốc ngủ không?
- Uống riết rồi chẳng ăn thua gì.
- Ngày nào cũng ít ngủ như vậy mệt chết.
- Mệt gì! Cả ngày tôi chẳng ngả lưng chút nào cả. Quen đi.
- Đọc cho nghe mấy bài thơ mới đi.

- Để tôi *mail* qua cho anh.
- Ồ, cũng được. Mà hứng ở đâu mà thơ ra tung bừa vậy? Từ ngoài vào hay từ trên giường ra?
- (Cười) Khó nói!

4.

- Này, tức dễ sợ!
- Gì vậy?
- Có mấy bài thơ mới làm để trên bàn mà mắt cha nó đâu tìm hoài không thấy.
- Thì tìm kỹ lại đi! Thơ chứ có phải tiền đâu mà ai lấy?
- Tôi tìm cùng khắp rồi chứ.
- Coi trong thùng rác chưa?
- Ồ hử, dám trong đó lắm. Hôm qua tôi dọn bàn, lùa một đồng giấy tờ xuống giỏ rác.
- Lùa thì anh phải coi cho kỹ trước đã chứ!
- Để tôi chạy xuống nhà coi họ đã đổ rác chưa.
- (Vài phút sau)
- Đổ mẹ nó rồi anh ơi!
- Làm lại đi vậy.
- Làm làm sao được nữa. Mẹ! Nhiều câu ưng ý quá!

5.

- Mẹ nó, tức quá anh ơi!
- Chuyện gì vậy?
- Đánh xong bài thơ, bấm cha nó nút *delete*, mất tiêu!
- Đánh vào cái tay bấm bậy một cái!
- (Cười)

- Làm lại đi.
- Lười biếng rồi!

6.

- Này, cái vụ đi Toronto, anh đi với bà ấy đi. Chắc tôi không đi đâu.

- Sao vậy? Nói đi rồi lại thôi.

- Lười biếng quá!

- Thì ráng đi cho vui.

- Thôi!

(Ngày hôm sau)

- Này, anh chị đi Toronto có ai đi theo nữa không?

- Không, chỉ có vợ chồng tôi thôi. Định có thêm anh chị nữa thôi, chứ có ai đâu!

- Ồ, tôi đi.

- Chắc nghe! Đừng đổi ý nữa nghe. Anh là vua... Ậm ừ! Còn nhớ cái vụ đi Washington mấy năm trước không?

- (Cười) Ai ngờ xe lửa dài thế mà hết chỗ.

- Thì đi đâu người ta cũng tính trước, lấy vé sẵn sàng chứ. Anh em rủ đi, anh ừ. Rồi anh đổi ý không đi. Ngày người ta đi, anh lại ôm quần áo ra ga xe lửa. Hết chỗ, lại ôm quần áo về. Phiền anh thật! Mai chắc đi không?

- Chắc!

- Không biết à! Nay chắc mai lép máy hời!

- (Cười).

7.

- Này, hè này anh đi Cali phải không?

- Ừ, đi ba tuần.
- Sướng nhỉ! Chắc tôi gặp anh bên ấy.
- Vậy thì hay quá! Sang đó gặp nhau chắc vui lắm.
- Tôi qua thăm con gái ở Idaho rồi tụi nó lái xe qua Cali.
- Anh nhớ canh đúng thời gian tôi ở Cali nghe!
- Ờ!

8.

- Đây, chắc tôi không đi Cali nữa đâu!
- Nữa! Sao vậy?
- Lười biếng quá!
- Thì cố đi cho vui. Chui ra khỏi nhà là hết lười biếng ngay.
- Thôi, anh đi đi. Chắc tôi không đi đâu!
- Anh thì toàn tin giờ chót không. Mai tôi chờ điện thoại anh nghe. Xem thời tiết có gì thay đổi không!
- (Cười)

9.

- Luân Hoán hả? Sao mấy hôm nay không thấy phen?
- Đau anh ơi!
- Đau làm sao?
- Nhức đầu, ho, ngứa mũi. Khó chịu quá!
- Uống thuốc gì chưa?
- Uống trụ sinh rồi.
- Đau sơ sơ mà uống trụ sinh làm chi vậy?
- Cho nó mau hết!

- Mau sao được! Anh cứ uống thuốc ầu không! Anh có đi bác sĩ không vậy?

- Không, lười biếng!

- Vậy trụ sinh ở đâu mà anh uống?

- Thì thấy trong nhà còn, uống đại đi. Bây giờ xót ruột quá.

- Trước khi uống thuốc anh có ăn gì không?

- Ăn sơ sơ mấy cái bánh ngọt.

- Anh ầu quá!

- Chết cũng vừa rồi anh ơi!

10.

- Này, chắc trời sắp mưa rồi.

- Sao anh biết?

- Chân tôi nhức quá trời!

- Lại nhức chân à? Nhức nhiều không?

- Nhức dữ lắm anh ơi. Phải nhúng vào nước nóng mới thấy dễ chịu một chút.

- Anh có uống thuốc gì không?

- Uống quá trời đấy chứ. Tôi nốc một hơi bốn viên luôn!

- Uống gì mà dữ vậy! Anh coi chừng thuốc nó vật cho mới kêu trời không thâu!

- Kệ cha nó! Nhức quá chịu đâu có nổi. Mấy lần trước tôi còn hơ chân sát vào sưởi mà còn không hết nhức nữa!

- Coi chừng cháy chân đấy! Cứ đối trời là nó hành à?

- Ồ!

- Mấy thằng cha nói thời tiết trên TV nếu vợ được cái

chân của anh chắc mừng lắm đấy nhỉ! Đoán đâu đúng tróc đấy liền. Hay là anh đi làm cho TV đi!

- (Cười) OK, thôi nhé!

- OK!

11.

- Này, tuyết trắng xóa ngoài trời. Bên nhà anh có tuyết không?

- Tuyết quá đi chứ! Phải chi là em Tuyết thì hay biết mấy nhỉ?

- (Cười). Em Tuyết cũng chẳng ham. Đang đau quá.

- Lại đau à?

- Ồ, mùa đông nào cũng đau một trận. Chẳng biết có qua được mùa đông này không!

- Đã qua được hai chục mùa đông thì thêm một cái nữa dư sức qua cầu!

- Thôi, OK nghe.

- OK.

12.

- Anh có coi đá banh không vậy?

- Đá banh ở đâu?

- Euro 2004 đó. Hay quá trời!

- Mùa Euro anh bận nhỉ!

- (Cười) Mỗi ngày hai trận.

- Vậy thì hết ngày rồi, còn làm chi được nữa!

- Đâu có làm chi mà sợ. Đá banh suốt ngày vậy thôi!

- Chân căng khá nhỉ?

- (Cười). Ăn nhằm gì, mình đá miệng mà!

13.

- Này, anh có nuôi chim không? Mang con chim của tôi về mà nuôi.

- Sao vậy? Con chim đó hót hay lắm mà.

- Thì hót hay chứ sao! Mà còn hót suốt ngày nữa chứ. Dễ thương lắm.

- Vậy sao anh không nuôi nữa?

- Lười biếng quá anh ơi!

- Dân nuôi chim từ Đà Nẵng tới Montreal mà bây giờ sao lại chán chim rồi?

- Nuôi nó bận quá!

- Thế còn cá thì sao?

- Cá thì vẫn nuôi, nhưng nuôi ít thôi!

- Tưởng anh chán cả chim lẫn cá! Này, nhưng chim và cá cơ hữu vẫn còn trong nhà chứ?

- (Cười) Thứ đó thì đâu có bỏ được. Vừa thôi chứ, cha nội!

14.

- Này, anh viết bài cho cuốn sách của tôi đi chứ! *Lay-out* gần 400 trang rồi.

- Thì cứ từ từ, chừng nào mới in?

- Cuối năm! Thì cuối năm có bài là được rồi!

- Ráng cho càng sớm càng tốt nghe!

- Ồ! Để kiểm giờ viết đã! Ngon lành mà!

- OK nhé!

- OK.

15.

- Có bài chưa hả anh?
- Cuối năm cơ mà!
- Chắc tôi in sớm hơn.
- Chùng nào in?
- Tháng 8!
- Ờ thì tháng 8! Dễ mà!
- Đi hè về nhớ viết ngay nghe!
- Viết chứ. Không viết cho anh đâu có được. Khó lười biếng quá anh ơi!

07/2004

CÙNG MỘT TÁC GIẢ:

Bỏ Chốn Mù Sương

(tập truyện, Kinh Đô, Houston, Hoa Kỳ 1993)

Đong Đưa Cuộc Tình

(tập truyện, Ngày Nay, Houston, Hoa Kỳ 1996)

Còn Đó Bóng Hình

(tập truyện, Văn Mới, Los Angeles, Hoa Kỳ 1997)

Chân Mang Giày Số 6

(tập truyện, Văn Mới, Los Angeles, Hoa Kỳ 1999)

Cuối Ngày, Một Lần Ngồi Lại

(tập truyện, Văn Mới, Los Angeles, Hoa Kỳ 2001)

Bên Lưng Những Con Chừ

(tập truyện, Văn Mới, Gardena, Hoa Kỳ 2003)

Phiếm

(Văn Mới, Gardena, Hoa Kỳ 2005)

(Tái bản lần thứ nhất: Nhân Ảnh, Toronto, Canada 2006)

Phiếm 2

(Văn Mới, Gardena, Hoa Kỳ 2005)

Phiếm 3

(Nhân Ảnh, Toronto, Canada 2006)

Chốn Cũ

(Nhân Ảnh, Toronto, Canada 2006)

Ấn phí: Mười bốn Mỹ Kim